

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÀI GIẢNG
TỰ TƯỢNG
HỒ CHÍ MINH

(Giáo trình dùng cho sinh viên
Đại học, Cao đẳng)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HOÀNG VĂN NGỌC

BÀI GIẢNG
TU TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH

Giáo trình dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng
(Tái bản lần thứ 10)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

MỤC LỤC

Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	3
Chương 1: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	10
Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC.....	24
Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	44
Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	57
Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ.....	70
Chương 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	86
Chương 7: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	100

Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Khái niệm tư tưởng

- Khái niệm tư tưởng

+ Hiểu theo nghĩa phổ thông, tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện quan hệ của con người với thế giới xung quanh (thông thường người ta cũng quan niệm tư tưởng là suy nghĩ hoặc ý nghĩ).

+ Khái niệm “*tư tưởng*” trong “*Tư tưởng Hồ Chí Minh*” không phải dùng với nghĩa tinh thần - tư tưởng, ý thức tư tưởng của một cá nhân, một cộng đồng, mà với nghĩa là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng thế giới quan và phương pháp luận (nền tảng triết học) nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

+ Khái niệm “*tư tưởng*” thường liên quan trực tiếp đến khái niệm “*nhà tư tưởng*”.

Theo từ điển tiếng Việt, “*nhà tư tưởng*” là những người có những tư tưởng triết học sâu sắc.

Lênin cũng đã lưu ý rằng: Một người xứng đáng là nhà tư tưởng khi nào biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị - sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

Với hai khái niệm trên chúng ta có thể khẳng định Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng thực thụ và tư tưởng của Người có vị trí, vai trò và tầm quan trọng to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

b) Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

- Ở Việt Nam, lần đầu tiên khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh được định nghĩa tại Đại hội VII và được hoàn chỉnh thêm ở Đại hội IX.

- Tuy nhiên, tư tưởng Hồ Chí Minh đã xuất hiện trên vũ đài chính trị thế giới từ rất sớm. Ở góc độ lý luận (có tác phẩm và có ảnh hưởng đối với một bộ phận dân cư nhất định) có thể thấy tư tưởng Hồ Chí Minh đã xuất hiện và

ngày càng hoàn thiện theo các mốc sau: 1919 với “Bản yêu sách tám điểm”, 1927 với “Đường sách mệnh”, 1930 với “Cương lĩnh đầu tiên của Đảng”, 1945 với “Tuyên ngôn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”,..

1991 là thời điểm chín muồi về bối cảnh quốc tế và trong nước cho sự ra đời khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta chỉ rõ:

1. Bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam.

2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những vấn đề có liên quan đến quá trình phát triển từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3. Chỉ ra nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh: đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền thống dân tộc, trí tuệ thời đại.

4. Mục tiêu của tư tưởng Hồ Chí Minh là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

- Từ đó (1991) cho đến nay, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về tư tưởng Hồ Chí Minh ở các góc độ của mỗi khoa học cụ thể. Tuy nhiên, từ định hướng của ĐH IX, ở khoa học lý luận thì định nghĩa sau đây của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được in trong Giáo trình “Tư tưởng Hồ Chí Minh”, dùng trong các trường Cao đẳng và Đại học, năm 2003 (dù đang vận động) được coi là khá hoàn thiện nhất cho đến ngày nay.

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN; là kết quả sự vận dụng sáng tạo và phát triển CNMLN vào điều kiện cụ thể của nước ta; đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người”¹.

- Dù định nghĩa theo cách nào, thì tư tưởng Hồ Chí Minh đều được nhìn nhận với tư cách là một hệ thống lý luận. Hiện đang tồn tại hai phương thức tiếp cận hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống tri thức tổng hợp gồm: tư tưởng triết học, tư tưởng kinh tế, tư tưởng chính trị, tư tưởng quân sự, tư tưởng đạo đức-văn hóa-nhân văn.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm về cách mạng Việt Nam: tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về văn hóa và đạo đức...

Giáo trình này tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương thức thứ 2, nhằm giới thiệu với người học những nội dung sau:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và của nhân dân ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta vượt qua muôn trùng khó khăn để đi đến những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại và có tính thời đại sâu sắc.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống lý luận, có cấu trúc lôgic chặt chẽ và có hạt nhân cốt lõi, đó là tư tưởng về độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

- Không chỉ ở Việt Nam mà ở cả nhiều nước trên thế giới, nhiều chính khách, nhiều nhà nghiên cứu đã nhìn nhận và khẳng định Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng, một nhà lý luận cách mạng độc đáo.

2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Đối tượng nghiên cứu

Từ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh đã nêu trên, đối tượng nghiên cứu của môn học là:

- Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh gắn liền với hai cuộc cách mạng ở Việt Nam.

- Sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin của Hồ Chí Minh vào Việt Nam.

- Sự kết tinh tinh hoa văn hoá dân tộc và trí tuệ thời đại của Hồ Chí Minh.

Cả ba nhóm đối tượng đó đều nhằm mục đích giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

(Có thể tiếp cận đối tượng của môn học như Giáo trình: Đối tượng của môn học bao gồm hệ thống quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của thời đại mới, mà cốt lõi là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Hệ thống ấy, không chỉ được phản ánh trong các bài nói, bài viết mà còn được thể hiện qua quá trình chỉ đạo thực tiễn phong phú của Người, được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng, phát triển sáng tạo qua các thời kỳ cách mạng)

b) Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở đối tượng, môn tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đi sâu nghiên cứu làm rõ:

- Cơ sở (khách quan và chủ quan) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm khẳng định sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu để giải đáp các vấn đề lịch sử dân tộc đặt ra;

- Các giai đoạn hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam;

- Quá trình quán triệt, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và nhà nước ta;

- Các giá trị tư tưởng lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư

tưởng lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

3. Mối quan hệ môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Quan hệ với môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng Mác-Lênin, là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện thực tế Việt Nam của Hồ Chí Minh. Vì vậy, giữa môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ, thống nhất.

Muốn nghiên cứu tốt, giảng dạy và học tập tốt Tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải nắm vững kiến thức về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Quan hệ với môn học *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận tư tưởng của Đảng, nhưng với tư cách là bộ phận nền tảng, kim chỉ nam hành động của Đảng, là cơ sở khoa học cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin để xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn. Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn bó chặt chẽ với môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nghiên cứu, giảng dạy, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ trang bị cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học để nắm vững kiến thức về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận (phương pháp chung)

- CNDVBC và các quan điểm có giá trị phương pháp luận của Hồ Chí Minh là thế giới quan và phương pháp luận của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.

a. Đảm bảo sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học.

+ Đứng vững trên lập trường của CNMLN và quan điểm, đường lối của Đảng CSVN để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Phải đảm bảo tính khách quan cần nắm vững các quan điểm có giá trị

phương pháp luận của Hồ Chí Minh khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Tính Đảng và tính khoa học thống nhất với nhau trong sự phản ánh trung thực, khách quan tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở lập trường, phương pháp luận và định hướng chính trị.

b. Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn

+ Quan niệm của CNMLN thực tiễn là tiêu chuẩn, thước đo kiểm tra chân lý. Giữa thực tiễn và lý luận là mối quan hệ biện chứng.

+ Hồ Chí Minh luôn bám sát thực tiễn cách mạng thế giới và trong nước, coi trọng tổng kết thực tiễn, coi đó là biện pháp nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn và nhằm nâng cao trình độ lý luận.

+ Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh cần quán triệt quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành, phải biết vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của đất nước.

c. Quan điểm lịch sử - cụ thể

+ Khi giải quyết bất cứ một vấn đề nào cũng phải đặt nó trong bối cảnh sự hình thành, tồn tại và phát triển của nó.

+ Khi vận dụng những nguyên lý chung vào hoàn cảnh cụ thể cần phải biết cá biệt hoá nó cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể ấy.

d. Quan điểm toàn diện và hệ thống

+ Phải đảm bảo mối quan hệ giữa kinh tế-chính trị-văn hóa-tư tưởng với dân tộc-giai cấp-quốc tế-thời đại, cũng như phải đảm bảo sự thống nhất giữa tính Đảng, tính khoa học; lý luận gắn liền với thực tiễn; lịch sử cụ thể khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, mà hạt nhân cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

+ Nếu tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống sẽ hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh.

e. Quan điểm kế thừa, phát triển

+ Hồ Chí Minh là mẫu mực về sự vận dụng và phát triển sáng tạo CNMLN vào Việt Nam; là thiên tài của sự kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

+ Học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của Người vào điều

kiện mới của đất nước và quốc tế.

g. Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh.

+ Nghiên cứu và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ dừng ở các bài nói, bài viết, tác phẩm của Người là chưa đầy đủ, nhiều lắm là mới lĩnh hội một phần nội dung tư tưởng của Người mà thôi.

+ Kết quả hành động thực tiễn của Hồ Chí Minh và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh mới là lời giải thích rõ ràng giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Các phương pháp cụ thể

- Phương pháp là cách thức đề cập đến hiện thực, cách thức nghiên cứu các hiện tượng của tự nhiên và xã hội; là hệ thống các nguyên tắc điều chỉnh nhận thức và hoạt động cải tạo thực tiễn xuất phát từ các quy luật vận động của khách thể được nhận thức.

- Phương pháp lịch sử (nghiên cứu sự vật và hiện tượng theo quá trình phát sinh, tồn tại và phát triển) và phương pháp logic (nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra được cái bản chất của sự vật hiện tượng và khái quát thành lý luận) là rất cần thiết trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Cần vận dụng phương pháp liên ngành trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh (vì Hồ Chí Minh là một nhà khoa học, một nhà tư tưởng, tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống bao quát nhiều lĩnh vực khoa học: kinh tế, chính trị, đạo đức, triết học, văn học, sử học...)

- Ngoài ra, những phương pháp khác, như: tổng hợp, phân tích, so sánh, tiếp xúc nhân chứng lịch sử,.. sẽ làm tăng thêm tính hiệu quả của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp học tập, công tác cho sinh viên.

- Thông qua tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho sinh viên nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đời sống cách mạng Việt Nam; làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong

đòi sống tinh thần của thế hệ trẻ Việt Nam.

- Thông qua học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường thế giới quan cách mạng trên nền tảng CNMLN và TTHCM; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH ở Việt Nam.

- Học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, nhờ đó sinh viên xác định đúng trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với quê hương, đất nước, nhân dân.

2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

- Hồ Chí Minh là nhà đạo đức học, bản thân Người là một tấm gương đạo đức cách mạng. Học tập TTHCM giúp nâng cao lòng tự hào về Người, về Đảng CSVN, về Tổ Quốc, nguyện “Sống chiến đấu, lao động, rèn luyện và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

- Vận dụng TTHCM vào cuộc sống, có đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

Chương 1: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở khách quan.

a) Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*

+ Chính quyền nhà Nguyễn đã thi hành chính sách đối nội, đối ngoại bảo thủ, phản động,.. không mở ra khả năng cho Việt Nam cơ hội tiếp xúc và bắt nhịp với sự phát triển của thế giới. *Không phát huy được những thế mạnh của dân tộc và đất nước, chống lại âm mưu xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây.*

+ Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) và Hiệp định Patonôt (1884) được ký kết, xã hội Việt Nam trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến, thừa nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

+ Cuối thế kỷ XIX, các cuộc khởi nghĩa vũ trang dưới khẩu hiệu “Cần

vương” do các văn thân, sỹ phu lãnh đạo cuối cùng cũng thất bại. *Hệ tư tưởng phong kiến đã lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử.*

+ Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam đã làm cho xã hội Việt Nam có sự phân hóa giai cấp-xã hội sâu sắc. *Tạo tiền đề bên trong cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.*

+ Đầu thế kỷ XX, các phong trào vũ trang kháng chiến chống Pháp rầm rộ, lan rộng ra cả nước nhưng đều thất bại (Chủ trương cầu viện, dùng vũ trang khôi phục độc lập của Phan Bội Châu; Chủ trương “ỷ Pháp cầu tiến bộ” khai thông dân trí, nâng cao dân trí,.. trên cơ sở đó mà dần dần tính chuyện giải phóng của Phan Chu Trinh; Khởi nghĩa nặng cốt cách phong kiến của Hoàng Hoa Thám; Khởi nghĩa theo khuynh hướng tư sản của Nguyễn Thái Học). *Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn đi đến thắng lợi, phải đi theo con đường mới.*

Sự xuất hiện tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu, đáp ứng nhu cầu lịch sử của cách mạng Việt Nam.

- *Bối cảnh thời đại (quốc tế)*

+ CNTB từ cạnh tranh đã chuyển sang độc quyền, xác lập sự thống trị trên phạm vi thế giới. *CNDQ là kẻ thù chung của tất cả các dân tộc thuộc địa.*

+ Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi (1917). *“Thức tỉnh của các dân tộc châu Á”, mở ra thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại.*

+ Quốc tế III được thành lập (1919). *Phong trào công nhân trong các nước TBCN và phong trào giải phóng của các nước thuộc địa càng có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là CNDQ.*

Tất cả các nội dung trên cho thấy, việc xuất hiện tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là nhu cầu tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam, mà còn là tất yếu của cách mạng thế giới.

b) Những tiền đề tư tưởng, lý luận

b.1. Giá trị truyền thống của dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết bắt nguồn từ các giá trị truyền thống của dân tộc, là sự kế thừa và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc. Đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước truyền thống mà Bác đã đúc kết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ

xưa đến nay, mỗi khi Tổ Quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước”¹. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống ấy có các giá trị tiêu biểu:

+ *Yêu nước* là dòng chủ lưu chảy suốt trường kỳ lịch sử Việt Nam. Mọi học thuyết đạo đức, tôn giáo từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam đều được tiếp nhận khúc xạ qua lăng kính của chủ nghĩa yêu nước đó.

Lòng yêu nước là điểm tương đồng lớn nhất của mọi người Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bảng giá trị văn hoá, tinh thần Việt Nam. Kế thừa và phát huy chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, Hồ Chí Minh trở thành nhà ái quốc vĩ đại. Người luôn khẳng định truyền thống yêu nước là một thứ vốn quý giá.

+ *Tinh thần nhân nghĩa và truyền thống đoàn kết*, tương thân, tương ái trong khó khăn, hoạn nạn.

+ *Truyền thống lạc quan yêu đời, niềm tin vào chính mình, tin vào sự tất thắng của chân lý và chính nghĩa* dù phải vượt qua muôn ngàn khó khăn, gian khổ.

+ *Truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo, ham học hỏi*, mở rộng cửa đón nhận tinh hoa văn hoá bên ngoài làm giàu cho văn hoá Việt Nam.

Trước 1911, gia đình, quê hương, đất nước đã chuẩn bị đầy đủ hành trang yêu nước để Người ra đi tìm đường cứu nước.

b.2. Tinh hoa văn hoá nhân loại

Kết hợp các giá trị truyền thống của văn hoá phương Đông với các thành tựu của văn minh phương Tây - đó chính là nét đặc sắc trong quá trình hình thành nhân cách và văn hoá Hồ Chí Minh.

Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã được trang bị và hấp thụ nền Quốc học và Hán học khá vững vàng, chắc chắn. Trên hành trình cứu nước, Người đã tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, vốn sống, vốn kinh nghiệm để làm giàu tri thức của mình và phục vụ cho cách mạng Việt Nam.

- *Văn hoá phương Đông*: Người đã tiếp thu tư tưởng của Nho giáo, Phật giáo, và tư tưởng tiên bộ khác của văn hoá phương Đông.

Nho giáo là học thuyết về đạo đức và phép ứng xử, triết lý hành động, lý tưởng về một xã hội bình trị. Đặc biệt Nho giáo đề cao văn hoá, lễ giáo và tạo ra truyền thống hiếu học trong dân. Đây là tư tưởng tiến bộ hơn hẳn so với các học thuyết cổ đại. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng phê phán Nho giáo có những tư tưởng tiêu cực như bảo vệ chế độ phong kiến, phân chia đẳng cấp (quân tử và tiểu nhân), trọng nam khinh nữ.

Hồ Chí Minh là một hiện thân của bậc quân tử, đáng trọng phu trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Phật giáo có hạn chế về thế giới quan duy tâm chủ quan, hướng con người tới xuất gia tu hành làm hạn chế tính tích cực xã hội của con người. Nhưng ưu điểm của Phật giáo là tư tưởng *vị tha, bình đẳng, từ bi, bác ái*. Phật giáo cũng *đề cao nếp sống đạo đức, trong sạch, chăm làm điều thiện, coi trọng lao động*. Phật giáo vào Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa yêu nước sống gắn bó với dân, hoà vào cộng đồng chống kẻ thù chung của dân tộc là chủ nghĩa thực dân.

Nói như Phật giáo Ấn Độ thì Hồ Chí Minh là hiện thân của vị “Phật sống”.

Người cũng đã tìm thấy ở “chủ nghĩa tam dân” của Tôn Trung Sơn những điều phù hợp với điều kiện của cách mạng nước ta là Tư tưởng dân chủ tiến bộ.

Người cũng đã chắt lọc những tinh túy của các triết thuyết Lão Tử, Mặc Tử, Quản Tử..

Hồ Chí Minh là nhà mác-xít tinh táo và sáng suốt, biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng văn hoá phương Đông để phục vụ cho sự nghiệp của cách mạng Việt Nam.

- *Văn hoá phương Tây:*

Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng sâu rộng của nền văn hoá dân chủ và cách mạng phương Tây như: *tư tưởng tự do, bình đẳng* trong “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” của Đại cách mạng Pháp 1791; tư tưởng dân chủ, về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc trong “Tuyên ngôn độc lập” của Mỹ 1776. Trước khi ra nước ngoài, Bác đã nghe thấy ba từ Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái. Sau này Người nhớ lại “*Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe 3 chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... và từ thuở ấy, tôi rất*

muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy”. Lần đầu sang, Pháp Hồ Chí Minh đã thể hiện bản lĩnh, nhân cách, phẩm chất cao thượng, tư duy độc lập tự chủ. Người đã nhìn thấy mặt trái của “lý tưởng” tự do, bình đẳng, bác ái. Người cũng tiếp thu tư tưởng tiến bộ của những nhà Khai sáng Pháp như Voltaire, Rousso, Montesquieu.

Đạo Công giáo là tôn giáo lớn của phương Tây, Hồ Chí Minh quan niệm Tôn giáo là văn hoá. Điểm tích cực nhất của Công giáo là *lòng nhân ái*, là tấm gương nhân từ của Chúa hi sinh vì sự nghiệp cứu rỗi con người.

Hồ Chí Minh tiếp thu có chọn lọc tư tưởng văn hoá Đông - Tây để phục vụ cho cách mạng Việt Nam. Người dẫn lời của Lênin: “*Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại*”¹.

b.3. Chủ nghĩa Mác-Lênin

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp, quyết định bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh, là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tư tưởng của Người góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác-Lênin ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên giành độc lập, tự do. Người khẳng định: “*Chủ nghĩa Mác-Lênin đối với chúng ta... là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội...*”.

Sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác -Lênin ở Hồ Chí Minh nổi lên một số điểm đáng chú ý:

Một là, khi ra đi tìm đường cứu nước Nguyễn Ái Quốc đã có một vốn học vấn chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo, Người đã phân tích, tổng kết các phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; Người tự hoàn thiện vốn văn hoá, vốn chính trị, vốn sống thực tiễn phong phú, nhờ đó Bác đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin như một lẽ tự nhiên “tất yếu khách quan và hợp với quy luật”. Chủ nghĩa Mác-Lênin là bộ phận văn hoá đặc sắc nhất của nhân loại: tinh túy nhất, cách mạng nhất, triệt để nhất và khoa học nhất

Hai là, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin là tìm con

đường giải phóng cho dân tộc, tức là xuất phát từ nhu cầu thực tiễn Việt Nam chứ không phải từ nhu cầu tư duy. Người hồi tưởng lần đầu tiếp xúc với chủ nghĩa Lênin, “*khi ấy ngồi một mình trong phòng mà tôi nói to lên như đang đứng trước đông đảo quần chúng: hồi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng cho chúng ta*”.

Ba là, Người vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin theo phương pháp mác-xít và theo tinh thần phương Đông, không sách vở, không kinh viện, không tìm kết luận có sẵn mà tự tìm ra giải pháp riêng, cụ thể cho cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở chủ yếu nhất hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ:

- Quyết định bản chất thế giới quan khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Quyết định phương pháp hành động biện chứng của Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam, là tư tưởng Việt Nam thời hiện đại.

2. Nhân tố chủ quan

Cùng thời có biết bao Đảng viên Đảng Xã hội Pháp người Việt cũng đọc Luận cương của Lênin, nhưng chỉ có Nguyễn Ái Quốc sớm nhìn ra con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước và giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Nhân tố chủ quan là một nhân tố quan trọng trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhân cách, phẩm chất, tài năng và trí tuệ của Hồ Chí Minh đã tác động rất lớn đến việc hình thành và phát triển tư tưởng của Người. Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh là:

+ Hồ Chí Minh có tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, có óc phê phán tinh tường và sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu các cuộc cách mạng trong nước và trên thế giới.

+ Hồ Chí Minh có sự khổ công học tập, rèn luyện chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của nhân loại, vốn kinh nghiệm đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế để tiếp cận với chủ nghĩa

Mác-Lênin với tư cách là học thuyết về cách mạng của giai cấp vô sản.

+ Hồ Chí Minh có tâm hồn của một người yêu nước vĩ đại, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng; một trái tim yêu thương nhân dân, thương người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập của Tổ Quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Bác Hồ từ một người tìm đường cứu nước đã trở thành người dẫn đường cho cả dân tộc đi theo.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

1. Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước (trước 1911)

- Nguyễn Sinh Cung sinh ra tại quê hương Kim Liên, Nam Đàn, trong một gia đình nhà nho yêu nước. Anh cũng có quãng thời gian 10 năm sống ở Huế. Anh được khai tâm bằng chữ Hán, được hấp thụ tinh thần bất khuất của các phong trào đấu tranh chống Pháp, cách đối nhân xử thế nhân nghĩa, khí khái, thủy chung của những người thân và của nhiều nhà nho yêu nước, được học một số kiến thức về tự nhiên và xã hội; tận mắt chứng kiến sự thống khổ của nhân dân.

- Ngoài vốn Nho học và Quốc học, trong hành trang học vấn của anh Nguyễn hời đó còn có những hiểu biết nhất định về nền văn hoá phương Tây, đặc biệt là nền văn hoá, văn minh Pháp. Hấp dẫn nhất đối với Nguyễn Tất Thành là câu châm ngôn về lý tưởng “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” mà cách mạng Pháp đã khai sinh.

- Điều đặc biệt ở Nguyễn Tất Thành là anh có sự so sánh, nhận xét về các phong trào yêu nước lúc bấy giờ của các bậc tiền bối Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám và đi đến quyết định “muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta” (Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh)

Chính truyền thống quê hương và gia đình đã hình thành ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành *lòng yêu nước, hoài bão cứu nước, lòng nhân ái, thương người, nhất là người nghèo khổ, tha thiết bảo vệ những truyền thống của dân tộc, ham học hỏi những tư tưởng tiến bộ của nhân loại.*

2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải

phóng dân tộc

- Để thực hiện hoài bão của mình, anh Nguyễn đã đi và sống ở nhiều nước thuộc châu Âu, châu Á, châu Phi, Châu Mỹ, tận mắt chứng kiến cuộc sống bị bóc lột, bị đàn áp của nhân dân các nước thuộc địa và cũng đã trực tiếp tìm hiểu đời sống của nhân dân lao động các nước tư bản. Anh rút ra kết luận: trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột và chỉ có một mối tình hữu ái - tình hữu ái vô sản là thật mà thôi.

- Năm 1919, Anh cùng với một số nhà yêu nước Việt Nam thảo *Yêu sách 8 điểm* gửi Hội nghị Vécxây đòi quyền tự do dân chủ cho người Việt Nam. Bản yêu sách không được Hội nghị xem xét, nhưng tên gọi Nguyễn Ái Quốc và nội dung *Yêu sách* đã gây một tiếng vang lớn.

- Người cũng đã khảo sát, và tìm hiểu cuộc cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ, tham gia Đảng Xã hội Pháp (1919), tìm hiểu Cách mạng Tháng Mười Nga.

- Năm 1920, khi đọc *Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và các vấn đề thuộc địa*, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy ở Luận cương những lời giải đáp thuyết phục những câu hỏi mình đang nung nấu, tìm tòi. Sau này nhớ lại cảm tưởng khi đọc Luận cương, Người viết: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”¹. Với sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc - con đường cách mạng vô sản, con đường của Lênin.

- 12/1920, tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp, Người đã biểu quyết việc Đảng Xã hội gia nhập Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Đây là thời kỳ, từ một thanh niên Việt Nam yêu nước Người trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là bước nhảy vọt lớn trong nhận thức của Người, một sự chuyển biến về chất, kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

3. Thời kỳ 1921 – 1930: hình thành tư tưởng cơ bản về cách mạng Việt Nam

Thời kỳ này Hồ Chí Minh có những hoạt động rất tích cực và đầy hiệu quả cả trên bình diện thực tiễn và lý luận.

- 1921 - 1923: Nguyễn Ái Quốc hoạt động với cương vị Trưởng tiểu ban Đông Dương trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp; tham dự Đại hội I, II của đảng này, phê bình Đảng chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa; Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa và xuất bản báo *Le Paria* nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, mục đích của báo là đấu tranh “giải phóng con người”. Tư tưởng về giải phóng con người xuất hiện từ rất sớm và sâu sắc ở Nguyễn Ái Quốc.

- 1923 - 1924: Người sang Liên Xô tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân, tận mắt chứng kiến những thành tựu về mọi mặt của nhân dân Liên Xô. Năm 1924, Người tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản và các Đại hội Quốc tế thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ, Quốc tế Công hội đỏ. Thời gian ở Liên Xô tuy ngắn nhưng những thành tựu về kinh tế - xã hội trên đất nước này đã để lại trong Người những ấn tượng sâu sắc.

- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu thực hiện một số nhiệm vụ do Đoàn chủ tịch Quốc tế nông dân giao phó.

Khoảng giữa 1925, Người sáng lập “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên”, ra báo Thanh niên, mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Năm 1925, tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” được xuất bản tại Pa-ri. Năm 1927, Bác xuất bản tác phẩm “Đường Kách Mệnh”. Tháng 2/1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người trực tiếp thảo văn kiện “Chánh cương vắn tắt”, “Sách lược vắn tắt”, “Điều lệ vắn tắt” và “Chương trình vắn tắt” của Đảng.

Những tác phẩm lý luận chủ yếu của Người thời kỳ này như *Báo cáo Trung kỳ, Nam kỳ và Bắc kỳ; Bản án chế độ thực dân Pháp; Đường Kách mệnh; Cương lĩnh đầu tiên của Đảng;...* cho thấy những luận điểm về cách mạng Việt Nam được hình thành cơ bản. Có thể tóm tắt nội dung chính của những quan điểm lớn, độc đáo, sáng tạo của Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam như sau:

- Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải đi theo con

đường cách mạng vô sản.

- Cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có quan hệ mật thiết với nhau. Phải đoàn kết và liên minh với các lực lượng cách mạng quốc tế.

- Cách mạng thuộc địa trước hết là một cuộc “dân tộc cách mạng”, đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành lại độc lập, tự do.

- Giải phóng dân tộc là việc chung của cả dân chúng; phải tập hợp lực lượng dân tộc thành một sức mạnh to lớn chống đế quốc và tay sai. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phải đoàn kết dân tộc, phải tập hợp, giác ngộ và từng bước tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, bằng hình thức và khẩu hiệu thích hợp.

- Cách mạng trước hết phải có đảng lãnh đạo, vận động và tổ chức quần chúng đấu tranh. Đảng có vững cách mạng mới thành công...

Những quan điểm, tư tưởng cách mạng trên đây của Hồ Chí Minh trong những năm 20 của thế kỷ XX được giới thiệu trong các tác phẩm của Người, cùng các tài liệu mác-xít khác, theo những đường dây bí mật được truyền về trong nước, đến với các tầng lớp nhân dân Việt Nam, tạo một xung lực mới, một chất men kích thích, thúc đẩy phong trào dân tộc phát triển theo xu hướng mới của thời đại.

4. Thời kỳ 1930 – 1945: vượt thử thách, kiên định con đường đã lựa chọn, tiến tới giành thắng lợi đầu tiên cho cách mạng Việt Nam

- Cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỷ XX, Quốc tế Cộng sản bị chi phối nặng bởi khuynh hướng “tả khuynh”. Khuynh hướng này trực tiếp ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất do Quốc tế III chỉ đạo đã chỉ trích và phê phán đường lối của Nguyễn Ái Quốc trong *Chánh cương* và *Sách lược vắn tắt* đã phạm những sai lầm chính trị rất “nguy hiểm”, vì “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp đấu tranh”; ra quyết định thủ tiêu Chánh cương, Sách lược của Đảng.

Trên cơ sở xác định chính xác con đường đi của cách mạng Việt Nam, bằng con đường riêng của mình, Người không lên tiếng phản đối những quy chụp của Quốc Tế Cộng Sản, của nhiều đồng chí trong Đảng để giữ vững lập trường, quan điểm của mình.

- Đến ĐH VI (7/1935), Quốc tế Cộng sản đã phê phán khuynh hướng “tả khuynh” trong phong trào cộng sản quốc tế, chủ trương mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất vì hoà bình, chống chủ nghĩa phát-xít.

Ở Việt Nam, sau quá trình thực hành cách mạng, cọ xát với vấn đề phân hoá kẻ thù, tranh thủ bạn đồng minh,.. đồng thời dựa trên quan điểm chuyển hướng đấu tranh của QTCS, năm 1936, Đảng đề ra chính sách mới, phê phán những biểu hiện “tả khuynh”, cô độc, biệt phái trước đây; thực tế là trở lại với Chánh cương, Sách lược vắn tắt của Nguyễn Ái Quốc. Sự chuyển hướng đó tiếp tục thể hiện trong hai Hội nghị TW VII (11/1939), VIII (5/1941) đã khẳng định chủ trương chiến lược đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết, tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất là hoàn toàn sáng suốt.

- Sau hơn 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trước yêu cầu mới của tình hình, tháng 1/1941, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, Người chủ trì Hội nghị TW VIII lịch sử. Những tư tưởng và đường lối chiến lược đưa ra và thông qua trong Hội nghị này có nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta, dẫn đến thắng lợi trực tiếp của cách mạng tháng Tám năm 1945.

Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. *Tuyên ngôn độc lập* là một văn kiện lịch sử có giá trị to lớn, trong đó độc lập, tự do gắn với phương hướng phát triển lên chủ nghĩa xã hội là tư tưởng chính trị cốt lõi, vốn đã được Hồ Chí Minh phác thảo lần đầu trong cương lĩnh của Đảng năm 1930, nay trở thành hiện thực, đồng thời trở thành chân lý của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới của dân tộc ta.

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là thắng lợi vĩ đại của 15 năm đấu tranh liên tục của Đảng, là sự khảo nghiệm và thắng lợi đầu tiên tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

5. Thời kỳ 1945 – 1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

- Đây là thời kỳ mà Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta vừa tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp, vừa xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1945 - 1954) mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ;

tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

- Về lý luận, từ sau cách mạng tháng Tám đến khi qua đời, bằng nhiều tác phẩm của mình Người đã khơi nguồn cho tư duy đổi mới của Đảng. Đó là các tác phẩm *Đời sống mới*, *Sửa đổi lối làm việc*, *Công tác dân vận*, và *Di chúc*.

Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bản Di chúc thiêng liêng - một bản tổng kết sâu sắc, nói lên những nội dung cơ bản, những tư tưởng, tình cảm lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Bản Di chúc là lời căn dặn cuối cùng đầy tâm huyết, một di sản tư tưởng vô cùng quý báu của Đảng và dân tộc.

- *Những nội dung lớn trong tư tưởng của Hồ Chí Minh thời kỳ này là:*

+ Tư tưởng kết hợp kháng chiến với kiến quốc, tiến hành kháng chiến kết hợp với xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam; tư tưởng về quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển TBCN.

+ Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

+ Tư tưởng và chiến lược về con người.

+ Tư tưởng chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

+ Xây dựng quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

+ Xây dựng Đảng Cộng sản với tư cách là một Đảng cầm quyền...

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh trải qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, là ngọn cờ thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là những quan điểm tư tưởng vừa có ý nghĩa lịch sử nhưng đồng thời có giá trị, ý nghĩa to lớn trong công cuộc đổi mới hiện nay.

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

a) Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của thời đại, nó trường tồn, bất diệt và đã trở thành một bộ phận của văn hoá dân tộc, có sức hấp dẫn, lâu bền và phổ biến là tài sản vô giá của dân tộc ta. Bởi vì tư tưởng của Người không chỉ tiếp thu, kế thừa những giá trị, tinh hoa văn hoá, tư tưởng “vĩnh cửu” của loài người, trong đó chủ yếu là chủ nghĩa Mác-Lênin, mà còn đáp ứng nhiều vấn đề của thời đại, của sự nghiệp cách mạng Việt Nam và thế giới.

Tính sáng tạo của Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ: vừa trung thành với những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời khi nghiên cứu, vận dụng những nguyên lý đó, Người đã mạnh dạn loại bỏ những gì không thích hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, dám đề xuất những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra và giải quyết một cách linh hoạt, khoa học, hiệu quả.

Nét đặc sắc nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh là những vấn đề xung quanh việc giải phóng dân tộc và định hướng cho sự phát triển của dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được kiểm nghiệm trong quá khứ. Ngày nay, tư tưởng đó đang soi sáng con đường cách mạng Việt Nam.

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam

Trong suốt chặng đường hơn một nửa thế kỷ, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đảng Cộng sản Việt Nam, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2/1951) trở lại đây đã liên tục khẳng định vai trò, ý nghĩa, tác dụng của đường lối chính trị, tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách... Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991), Đảng đã trân trọng ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác -Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”.

Trong bối cảnh của thế giới ngày nay, tư tưởng của Người giúp chúng ta nhận thức đúng những vấn đề lớn có liên quan đến việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển xã hội và đảm bảo quyền con người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng vững chắc để Đảng ta vạch đường lối cách mạng đúng đắn, là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn dân tộc ta đi tới

thắng lợi.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng của thời đại

Hồ Chí Minh là nhân vật lịch sử vĩ đại, không chỉ là sản phẩm của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, mà còn là sản phẩm của thời đại, của nhân loại tiến bộ.

Việc xác định đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó có các vấn đề CNXH và xây dựng CNXH, về hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc,.. có giá trị to lớn về mặt lý luận và đang trở thành hiện thực của nhiều bản đề quốc tế ngày nay. Điều này đã được UNESCO khẳng định, ghi nhận.

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh đã tìm ra phương pháp đấu tranh để giải phóng loài người

- Đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với thời đại là từ việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc đến việc xác định một con đường cách mạng, một hướng đi, một phương pháp để thức tỉnh hàng trăm triệu con người bị áp bức trong các nước thuộc địa lạc hậu.

Người đã giải quyết đúng đắn vấn đề “làm thế nào để giải phóng các dân tộc thuộc địa”; xác định chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù lớn nhất của các dân tộc bị áp bức, Người kêu gọi lao động toàn thế giới, nhất là các nước thuộc địa cần phải đại đoàn kết, đại hòa hợp.

- Từ rất sớm, với việc nhận thức đúng đắn *sự chuyển biến* của thời đại, nắm bắt chính xác *xu thế phát triển, đặc điểm* của thời đại, Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam. Rồi từ kinh nghiệm của nước mình, Người đi đến khẳng định: “... trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi trước hết là nông dân và đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận thống nhất, với sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi”¹.

Những chân lý trên đây của Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ mãi mãi là chân lý sáng ngời, góp phần vào sự kiến tạo và phát triển của nhân loại.

c) Tư tưởng Hồ Chí Minh cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại của nhân dân Việt Nam, là nhà hoạt động xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX.

Chính Người đã làm sống lại những giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta trở thành tấm gương cổ vũ tinh thần đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Trong lòng nhân dân thế giới tiến bộ, yêu chuộng hoà bình, Hồ Chủ tịch sống mãi. Bạn bè năm châu hết lòng kính trọng, khâm phục và ca ngợi Người, coi Người là “lãnh tụ của thế giới thứ ba”, là “nguồn cổ vũ đối với tất cả các chiến sĩ đấu tranh cho tự do”.

Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, dân tộc là sản phẩm lâu dài của lịch sử. Trước dân tộc là các hình thức cộng đồng như: thị tộc, bộ tộc, bộ lạc. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã dẫn tới sự ra đời và phát triển của các dân tộc bản chủ nghĩa. Khi CNTB chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các đế quốc thực hiện chính sách vũ trang xâm lược, cướp bóc, nô dịch. Vấn đề dân tộc trở nên gay gắt và từ đó xuất hiện *vấn đề dân tộc thuộc địa*.

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

a) Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

Tư tưởng Hồ Chí Minh không đề cập đến các vấn đề dân tộc nói chung mà là vấn đề dân tộc thuộc địa. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa trong tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh giành sự quan tâm đến đấu tranh chống chủ nghĩa thực

dân, xoá bỏ ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài; giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập Nhà nước dân tộc độc lập.

Nếu Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống CNTB, Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống CNDQ, thì Hồ Chí Minh tập trung bàn về cuộc đấu tranh chống CN Thực dân. Mác và Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước TBCN, thì Hồ Chí Minh bàn nhiều về đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

- *Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc.*

Từ thực tiễn của phong trào cứu nước của dân tộc và nhân loại, Hồ Chí Minh khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc trong bối cảnh mới của thời đại là CNXH.

Hoạch định con đường phát triển của dân tộc thuộc địa là một việc làm hết sức mới mẻ: từ nước thuộc địa lên CNXCH phải trải qua nhiều giai đoạn chiến lược khác nhau.

Con đường đó, như trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Người viết: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹. Thực chất là con đường ĐLDT gắn liền với CNXH.

Con đường đó phù hợp với hoàn cảnh của các nước thuộc địa, nó hoàn toàn khác biệt với các nước đã phát triển đi lên CNXH ở phương Tây. Đây là nét độc đáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

b) Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

- *Hồ Chí Minh đã tiếp cận vấn đề độc lập dân tộc từ quyền con người.*

Trên con đường tiếp cận chân lý cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu và tiếp nhận những nhân tố có giá trị trong Tuyên ngôn độc lập của Mỹ năm 1776: “Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”; Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Từ quyền con người ấy, Người đã khái quát nên chân lý về quyền cơ bản của các dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra có quyền bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”¹.

- Nội dung của độc lập dân tộc

Là người dân mất nước, nhiều lần được chứng kiến tội ác dã man của chủ nghĩa thực dân đối với đồng bào mình và nhân dân các dân tộc bị áp bức trên thế giới, Hồ Chí Minh thấy rõ một dân tộc không có quyền bình đẳng chủ yếu là do dân tộc đó mất độc lập. Vì vậy, theo Người, các dân tộc thuộc địa muốn có quyền bình đẳng thực sự phải tự đứng lên đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành lại độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn cho dân tộc mình.

Nền độc lập hoàn toàn, độc lập thật sự của một dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải được thể hiện đầy đủ ở những nội dung cơ bản sau đây:

+ *Độc lập tự do là quyền tự nhiên, thiêng liêng, vô cùng quý giá và bất khả xâm phạm của dân tộc.* Độc lập của Tổ Quốc, tự do của nhân dân là thiêng liêng nhất. Người đã từng khẳng định: *Cái mà tôi cần nhất trên đời này là: đồng bào tôi được tự do, Tổ Quốc tôi được độc lập.*

Trong “Bản Yêu sách tám điểm” gửi Hội nghị Vec-xay năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

Nội dung cốt lõi trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng năm 1930 là: độc lập, tự do cho dân tộc.

Trực tiếp chủ trì Hội nghị TW 8 (5/1941), Người viết thư Kính cáo đồng bào và chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng là cao hơn hết thảy”².

Tháng 8 năm 1945, khi thời cơ cách mạng chín muồi, Người khẳng định quyết tâm: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập dân tộc”³.

Trong “Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, Người long trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do,

độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ quyền tự do độc lập ấy”¹. v.v.

+ *Độc lập dân tộc phải gắn liền với sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.*

Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian sau CMTT, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ độc lập và chủ quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ Quốc và độc lập cho đất nước”².

Khi đế quốc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền được thể hiện rõ: “*Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”³. Và khi đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc, Hồ Chí Minh đã đưa ra một chân lý bất hủ: “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”⁴.

Chính bằng tinh thần, nghị lực này cả dân tộc ta đứng dậy đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc. Và chính phủ Mỹ phải cam kết: “*Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận*”.

+ *Dân tộc độc lập trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.* Mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia do dân tộc đó tự quyết định. Người khẳng định: Nước Việt Nam là của người Việt Nam, do dân tộc Việt Nam quyết định, nhân dân Việt Nam không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài .

Trong hành trình tìm đường cứu nước, ngày 18/6/1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi đến hội nghị Véc-xây *Bản yêu sách của nhân dân An-Nam* đòi quyền bình đẳng cho dân tộc Việt Nam.

Một là, đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người bản xứ Đông Dương như đối với châu Âu, xoá bỏ chế độ cai trị bằng sắc lệnh, thay thế

¹ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, trang 4.

² Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 3, trang 496.

bằng chế độ đạo luật.

Hai là, đòi quyền tự do dân chủ tối thiểu cho nhân dân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, hội họp, tự do cư trú...

Bản yêu sách không được chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc rút ra bài học: Muốn bình đẳng thực sự phải đấu tranh giành độc lập dân tộc - làm cách mạng, muốn giải phóng dân tộc chỉ có thể trông cậy vào chính mình, vào lực lượng của bản thân mình.

+ *Trong nền độc lập đó, mọi người dân đều ấm no, tự do, hạnh phúc, nếu không độc lập chẳng có nghĩa gì.* Nghĩa là độc lập dân tộc phải gắn liền với hạnh phúc, cơm no, áo ấm của nhân dân.

Suốt đời Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn tột bậc là “*làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân tộc ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*”

Người nói: “Chúng ta đã hy sinh, đã giành được độc lập, dân chỉ thấy giá trị của độc lập khi ăn đủ no, mặc đủ ấm”. => Tư tưởng này thể hiện tính nhân văn cao cả và triệt để cách mạng của Hồ Chí Minh.

Tóm lại, “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*” không chỉ là lý tưởng mà còn là lẽ sống, là học thuyết cách mạng của Hồ Chí Minh. Đó là lý do chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của cả dân tộc Việt Nam, đồng thời là nguồn động viên đối với các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

c) Chủ nghĩa dân tộc - một động lực lớn của đất nước

- Cùng với sự kết án chủ nghĩa thực dân và cổ vũ các dân tộc thuộc địa vùng dậy đấu tranh, Hồ Chí Minh khẳng định: Đối với các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, “*chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước*”¹. Ví thế, “*người ta sẽ không làm gì được cho người An Na m nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ*”². Người kiến nghị về cương lĩnh hành động của QTCS là: “*Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế*”³.

Sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa yêu nước chân chính của

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.466

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.466

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.466

các dân tộc thuộc địa. Đó là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi trước bất cứ thế lực ngoại xâm nào.

Xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc chân chính. Muốn cách mạng thành công thì người cộng sản phải biết nắm lấy và phát huy.

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

a) Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau

- Vấn đề dân tộc bao giờ cũng được nhận thức và giải quyết theo lập trường của một giai cấp nhất định. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, chỉ trên lập trường của giai cấp công nhân, cách mạng vô sản mới giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc. Tuy nhiên, Mác và Ăngghen không đi sâu nghiên cứu vấn đề dân tộc vì ở Tây Âu vấn đề dân tộc đã được giải quyết trong cách mạng tư sản, đối với Mác, vấn đề dân tộc chỉ là thứ yếu so với vấn đề giai cấp.

Thời đại Lênin, khi CNDQ đã trở thành một hệ thống thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc trở thành bộ phận của cách mạng vô sản, Lênin mới phát triển vấn đề dân tộc thành học thuyết về cách mạng thuộc địa. Lênin cho rằng, cách mạng vô sản ở chính quốc không thể giành thắng lợi nếu không liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Khẩu hiệu của Mác được bổ sung: “vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại”. Lênin đã thực sự “đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa”.

- Hồ Chí Minh là người cộng sản sớm nhận thức mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp và vận dụng nhuần nhuyễn mối quan hệ này trong cách mạng Việt Nam. Người chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công-nông và trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng; sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù; thiết lập nhà nước của dân, do dân, vì dân; gắn kết ĐLDT với CNXH.

b) Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với CNXH

- Hồ Chí Minh khẳng định: các nước thuộc địa phương Đông không

phải làm ngay cách mạng vô sản, mà trước hết giành độc lập dân tộc. Có độc lập dân tộc rồi mới bàn đến cách mạng XHCN.

- Khác với các con đường cứu nước của cha ông, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa phong kiến (cuối thế kỷ XIX), hoặc với chủ nghĩa tư bản (đầu thế kỷ XX), con đường cứu nước của Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

+ Năm 1930, trong *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*, Hồ Chí Minh xác định con đường của cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

+ Năm 1960, Hồ Chí Minh lại khẳng định rõ hơn: “chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”. “Nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó giữa độc lập dân tộc và CNXH vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với các mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Do đó “giành được độc lập rồi phải tiến lên CNXH, vì mục tiêu của CNXH là “làm sao cho dân giàu, nước mạnh”, “là mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do”. Hồ Chí Minh nói: “Yêu Tổ Quốc, yêu nhân dân phải gắn với yêu CNXH, vì có tiến lên CNXH thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ Quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm”².

c) Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp, nhưng đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị thực dân là điều kiện để giải phóng giai cấp, có độc lập rồi mới có địa bàn để làm cách mạng XHCN. Vì thế, lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc.

Tháng 5 - 1941, Người cùng với Trung ương Đảng khẳng định: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt trước sự sinh tử, tồn vong

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.56

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.173

của quốc gia dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹.

d) Giữ vững độc lập của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác

Ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn luôn thống nhất với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập dân tộc mình mà còn đấu tranh cho tất cả các dân tộc bị áp bức. Người nói: “Chúng ta phải tranh đấu cho tự do, độc lập của các dân tộc khác như là đấu tranh cho dân tộc ta vậy”.

Người nêu cao tinh thần tự quyết của dân tộc, song không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình trong việc giúp đỡ các đảng cộng sản ở một số nước Đông Nam Á, ủng hộ nhân dân Trung Quốc chống Nhật, ủng hộ Lào và Campuchia chống Pháp và khẳng định: “giúp bạn là tự giúp mình”, bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

Tóm lại, quan niệm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang một nội dung toàn diện, sâu sắc và triệt để; không chỉ bao hàm độc lập, tự do, thống nhất cho dân tộc, mà còn chứa đựng cả con đường và điều kiện phát triển dân tộc. Đó là gắn độc lập dân tộc với dân chủ của nhân dân, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Quan điểm đó trở thành mục tiêu, lý tưởng, thành khẩu hiệu động viên, cổ vũ nhân dân Việt Nam làm nên kỳ tích oai hùng, đánh thắng mọi kẻ thù, đưa đến độc lập, thống nhất cho đất nước; đồng thời cơ sở lý luận để hoạch định chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

a) Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa

- Phân tích thực tiễn xã hội thuộc địa Hồ Chí Minh nhận thấy, sự phân hoá giai cấp ở các nước thuộc địa phương Đông không giống như ở các nước

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 113.

tư bản phương Tây. Các giai cấp ở thuộc địa có sự khác nhau ít nhiều nhưng đều có chung số phận là người nô lệ mất nước.

Mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu trong xã hội thuộc địa phương Đông là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân xâm lược và tay sai của chúng. Do vậy, cuộc đấu tranh giai cấp cũng không diễn ra giống như ở phương Tây.

Nếu ở các nước TBCN phải tiến hành đấu tranh giai cấp, thì các nước thuộc địa trước hết phải tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

- *Đối tượng của cách mạng thuộc địa không phải là giai cấp tư sản bản xứ, càng không phải là giai cấp địa chủ nói chung, mà là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động.*

Cách mạng thuộc địa trước hết phải “lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc”, chứ chưa phải là cuộc cách mạng xoá bỏ sự tư hữu, sự bóc lột nói chung.

- Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn dân tộc, quy định tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa là giải phóng dân tộc.

+ Trong “Đường kách mệnh”, Người phân loại thành 3 cuộc cách mạng: CMTS, CMVS và CMGPDT. Ở đó Người nhấn mạnh tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc.

+ Trong “Cương lĩnh chính trị đầu tiên” của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo xác định những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, nhưng nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc, nó đã bao hàm một phần công cuộc giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

+ Hội nghị TW8 (5/1941) do Hồ Chí Minh chủ trì kiên quyết giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, nhấn mạnh đó là “nhiệm vụ bức thiết nhất”, chủ trương tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” và chỉ tiến hành nhiệm vụ đó ở một mức độ thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

+ Trong nhiều bài viết, bài nói thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, Người tiếp tục khẳng định nhiệm vụ giải phóng dân tộc. “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, thống nhất độc lập nhất định thành công”.

b) Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

- *CMGPDT nhằm đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân.*

+ Đến với Lênin và Quốc Tế III, vì ở đó Người tìm thấy chủ trương giải

phóng dân tộc bị áp bức.

+ Người xác định mục tiêu cấp thiết của cách mạng ở các nước thuộc địa chưa phải là giành quyền lợi riêng biệt của mỗi giai cấp, mà phải là lợi ích chung của toàn dân tộc. *Phù hợp với thời đại cách mạng chống CNDQ.*

- Tuy nhiên, do tả khuynh, Hội nghị lần thứ nhất BCHTW Đảng 10/1930 đã phê phán quan điểm của Nguyễn Ái Quốc. Với bản lĩnh cách mạng kiên cường, bám sát thực tiễn cách mạng Việt Nam, tháng 5/1941, khi Người đã về nước chủ trì HNBCHTW lần thứ 8, Hội nghị (chuyên hướng cách mạng) đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, chỉ chia lại ruộng đất “tịch thu của Việt gian phản quốc” cho dân cày nghèo. Tức chỉ chống kẻ thù của dân tộc, chứ không phải là giai cấp địa chủ nói chung, nhằm đánh lại kẻ thù dân tộc cả về chính trị và kinh tế.

- Thắng lợi của CMT8, cũng như đại thắng Mùa xuân 1975 trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

a) Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó

- Các cuộc đấu tranh giành độc lập cuối thế kỷ XIX diễn ra theo hệ tư tưởng phong kiến đều thất bại là do chưa có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn.

- Các cuộc đấu tranh giành độc lập đầu thế kỷ XX: con đường bạo động của Phan Bội Châu chẳng khác gì “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”; con đường của Phan Chu Trinh cũng chẳng khác nào “xin giặc rủ lòng thương”; Con đường của Hoàng Hoa Thám thực tế hơn, nhưng vẫn mang nặng cốt cách phong kiến.

- Con đường của Nguyễn Thái Học theo hệ tư tưởng tư sản, đã chứng tỏ giai cấp tư sản Việt Nam không đảm đương được sứ mệnh dân tộc.

Khâm phục tinh thần cách mạng của cha ông, nhưng Người không tán thành con đường cách mạng của họ. Người xuất ngoại, đến nhiều quốc gia trên thế giới để tìm một con đường cứu nước mới.

b) Cách mạng tư sản là không triệt để

Người nghiên cứu rất kỹ các cuộc cách mạng, điển hình là cách mạng

giải phóng dân tộc của Mỹ năm 1776, cách mạng Pháp 1789 và đi đến kết luận: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”¹.

=> Người không đi theo con đường cách mạng Tư sản.

c) Con đường giải phóng dân tộc

Người đến với Lênin và tán thành QT III vì Người thấy ở đó một phương hướng mới để giải phóng dân tộc: Cách mạng Vô sản. Người nhận xét: Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật sự. Cuộc cách mạng này đã mở ra hai con đường: giải phóng nhân dân lao động trong nước và tạo điều kiện cho nhân dân các nước thuộc địa đứng lên tự giải phóng:

*“Nước Nga có chuyện lạ đời
Biến người nô lệ thành người tự do”*

Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chí Minh đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”².

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

a) Cách mạng trước hết phải có Đảng

Người đã chỉ ra, muốn làm cách mệnh “trước hết phải làm cho dân chúng giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân chúng hiểu”³. “Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân... Vậy nên sức mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh”⁴.

Trong “Đường Cách mệnh” Người khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.314

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.274

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.267

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.267

dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

b) Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất

- Các lãnh tụ yêu nước tiên bối đã bước đầu nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của chính đảng cách mạng.

+ Phan Chu Trinh nói: ngày nay, muốn độc lập, tự do phải có đoàn thể.

+ Phan Bội Châu đã tổ chức ra Duy Tân hội (1904) và Việt Nam Quang phục hội (1912).

+ Các nhà cách mạng có khuynh hướng tư sản đã lập ra Việt Nam Quốc dân Đảng

Nhưng tất cả các tổ chức cách mạng kiểu đó đều không thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thành công, vì nó thiếu đường lối chính trị đúng đắn, thiếu phương pháp cách mạng khoa học và không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

- Đầu 1930, Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, một chính đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, lấy CNMLN “làm cốt”, có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh và liên hệ mật thiết với quần chúng.

+ Hồ Chí Minh là người chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời, đồng thời là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta.

+ Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. => Đây là luận điểm Người đã phát triển học thuyết MLN về Đảng Cộng sản, nhờ nó mà Đảng Cộng sản Việt Nam có sự gắn bó chặt chẽ với nhân dân, với toàn dân tộc trong mọi thời kỳ của cách mạng Việt Nam.

- Ngay từ khi mới ra đời, Đảng do Hồ Chí Minh sáng lập đã qui tụ được lực lượng và sức mạnh của toàn bộ giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam. Đó là một đặc điểm, đồng thời là ưu điểm của Đảng. Nhờ đó, ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã nắm ngọn cờ lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và trở thành nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

a) Cách mạng là sự nghiệp của dân chúng bị áp bức

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.267-268

Từ 1924, Người cho rằng: “Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương: 1- Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng...”¹.

Người phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động. Người khẳng định: Cách mạng giải phóng dân tộc “là sự nghiệp của cả dân chúng chứ không phải việc của một hai người”².

Trong CMT8 cũng như trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hồ Chí Minh luôn lấy nhân dân làm nguồn sức mạnh. Người nói: “Đối với tôi câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”³.

Hồ Chí Minh luôn đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân, coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng nhân dân là then chốt bảo đảm thắng lợi.

b) Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc

Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, trừ bọn tay sai bán nước, tất cả mọi giai tầng ở Việt Nam đều có khả năng tham gia cách mạng giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh phân tích: “... dân tộc cách mạng thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”⁴.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Người khẳng định lực lượng cách mạng là bao gồm cả dân tộc.

Trong phạm vi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà đối tượng cần đánh đổ trước hết là bọn đế quốc và đại địa chủ phong kiến tay sai, Hồ Chí Minh chủ trương tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân Việt Nam đang bị làm nô lệ trong một mặt trận dân tộc thống nhất nhằm huy động sức mạnh toàn dân. *Sách lược vắn tắt* chỉ rõ “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt,.. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản An Nam mà chưa rõ

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.468-469

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.261-262

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.192

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.266

mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, chí ít là làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì cần phải đánh đổ”¹.

Trong lực lượng toàn dân tộc, Người luôn nhắc nhở không được quên cốt lõi của nó là công - nông. Phải nhớ: “Công nông là gốc cách mệnh, học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư sản áp bức, song không cực khổ bằng công nông, ba hạng ấy chỉ là bầu bạn của cách mệnh, của công nông thôi”², và phải thực hiện theo đúng nguyên tắc: “Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp”³.

Hồ Chí Minh chưa bao giờ vì vấn đề dân tộc mà quên đi hoặc coi nhẹ vấn đề giai cấp, ngược lại, Người luôn tìm thấy mối quan hệ khăng khít giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Tuy nhiên, để có thể tập hợp lực lượng thì phải đoàn kết tất cả những người Việt Nam yêu nước để cùng đánh đổ kẻ thù chung của cả dân tộc, trong đó bộ phận trung tâm là công nhân, nông dân và khối liên minh công – nông do giai cấp công nhân lãnh đạo.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

a) Cách mạng giải phóng dân tộc cần tiến hành chủ động, sáng tạo

- Hồ Chí Minh khẳng định sức sống và nội dung của chủ nghĩa đế quốc tập trung ở các nước thuộc địa. Chính sự áp bức, bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đế quốc đã tạo nên mâu thuẫn gay gắt giữa các dân tộc thuộc địa với CNTB.

Người viết: “tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi CNTB lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ công nhân rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó”⁴. “...nội dung và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các nước thuộc địa”⁵.

- Trong cuộc đấu tranh chống CNDQ, CNTD, cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách

¹ Xem Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 3, tr.3

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.266

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.266

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.243

⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.274

mạng to lớn. Chủ nghĩa dân tộc chân chính, chủ nghĩa yêu nước truyền thống là một động lực to lớn của cách mạng giải phóng dân tộc.

Cho nên, phải “làm cho các dân tộc hiểu nhau hơn, xích lại gần nhau, đoàn kết với nhau để tạo cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, làm một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹; phải phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh quốc tế Cộng sản.

- Trong khi yêu cầu QT III và các đảng cộng sản quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định *công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng*.

Vận dụng công thức của C.Mác: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân”, Người đi đến luận điểm: “Công cuộc giải phóng anh em (tức nhân dân thuộc địa), chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”².

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao sức mạnh của một dân tộc vùng dậy chống đế quốc thực dân; chủ trương phát huy nỗ lực chủ quan của dân tộc, tránh tư tưởng bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài. Người nói: “Kháng chiến trường kỳ gian khổ đồng thời phải tự lực cánh sinh. Trông vào sức mình... Cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”³.

b) Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc

- Trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Quan điểm này vô hình dung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của các phong trào cách mạng ở thuộc địa. Hồ Chí Minh đã phê phán và chỉ ra sai lầm của quan điểm đó.

- Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.124

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 2, tr.128

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 6, tr.522

quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ lệ thuộc hay quan hệ chính - phụ.

Năm 1925 Người viết, “Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”¹.

- Nhận thức đúng vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa và sức mạnh dân tộc, Nguyễn Ái Quốc cho rằng *cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước và giúp đỡ cách mạng vô sản ở chính quốc*.

Bởi vì “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở thuộc địa”², và “Ngày mà hàng trăm nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”³.

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận thực tiễn và lý luận to lớn; một cống hiến quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đã được thắng lợi của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong gần một thế kỷ qua chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

a) Tính tất yếu của bạo lực cách mạng

- Theo Mác: bạo lực là bà đỡ của mọi chính quyền cách mạng, vì giai cấp thống trị bóc lột không bao giờ tự giao chính quyền cho lực lượng cách mạng.

- Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường cách mạng bạo lực được quy định bởi các yếu tố:

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.298

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.273

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.36

+ Sự thống trị của thực dân đế quốc ở thuộc địa vô cùng hà khắc, không hề có một chút quyền tự do dân chủ nào, không có cơ sở nào cho thực hành đấu tranh không bạo lực.

+ “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”¹. Vì thế, con đường để giành và giữ độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực.

+ Cách mạng giải phóng dân tộc là lật đổ chế độ thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay cách mạng, nó phải được thực hiện bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Như ở Việt Nam là khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

Người viết: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp của cả dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành chính quyền và bảo vệ chính quyền”².

- Quán triệt quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, Hồ Chí Minh chỉ rõ, *bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng*, nghĩa là toàn dân vùng dậy đánh đuổi quân xâm lược.

- *Hình thức của bạo lực cách mạng gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang*, nhưng phải “tùy tình hình cụ thể mà quy định những hình thức cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị cho cách mạng”³, ngoài ra còn phải tận dụng đấu tranh trên mặt trận ngoại giao.

b) Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hoà bình

- Xuất phát từ tình yêu thương con người, quý trọng sinh mạng con người, Hồ Chí Minh luôn tranh thủ mọi khả năng giành và giữ chính quyền ít đổ máu. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hoà bình, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận nhượng bộ có nguyên tắc.

+ Việc tiến hành các hội nghị Việt - Pháp và ký các Hiệp định trong năm 1946, việc kiên trì yêu cầu đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ thể hiện rõ tư tưởng nhân đạo và hoà bình của Hồ Chí Minh.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 1, tr.96

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 12, tr.304

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 12, tr.304

+ Người viết: “Tôi không muốn trở về Hà Nội tay không. Tôi muốn khi trở về nước sẽ đem cho Việt Nam những kết quả cụ thể với sự cộng tác chắc chắn mà chúng tôi mong đợi ở nước Pháp”.

- Việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng. Chỉ khi không còn khả năng hoà hoãn, khi kẻ thù ngoan cố bám giữ lập trường thực dân, chỉ muốn giành thắng lợi bằng quân sự, thì Hồ Chí Minh mới kiên quyết phát động chiến tranh.

Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến 1946* của Người có đoạn: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

- Trong khi tiến hành chiến tranh, Người vẫn tìm mọi cách vẫn hồi hoà bình.

Trong kháng chiến chống Pháp cũng như chống Mỹ, Người đã nhiều lần gửi thư cho Chính phủ và nhân dân hai nước này đề nghị đàm phán hoà bình để kết thúc chiến tranh. Điều này thể hiện trong chiến lược ngoại giao “vừa đánh vừa đàm” của Người.

c) Hình thái bạo lực cách mạng

- Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch, *Hồ Chí Minh chủ trương khởi nghĩa toàn dân và phát động cuộc chiến tranh nhân dân*. Người nói: “Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó thì không thể nào thắng lợi được”¹.

Toàn dân khởi nghĩa, toàn dân nổi dậy là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thái của bạo lực cách mạng.

- *Phương châm chiến lược là toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến*

Trong chiến tranh, “quân sự là việc chủ chốt”, nhưng đồng thời kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị. “Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn”².

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 4, tr.298

² Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trang nhân dân, Nxb QĐND, Hà Nội, 1975, tr.148

Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược nhằm thêm bạn bớt thù, phân hoá, cô lập kẻ thù, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của quốc tế. “vừa đánh vừa đàm”, “đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ”¹.

Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch.

“Chiến tranh về mặt văn hoá hay tư tưởng so với những mặt khác cũng không kém phần quan trọng”².

Về kháng chiến trường kỳ, trong thời kỳ chống Pháp Người nói: “Địch muốn tót chiến tót thắng. Ta lấy trường kỳ kháng chiến trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng”³. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước Người ra Lời kêu gọi (17/7/1967): “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác có thể bị tàn phá, nhưng chúng ta nhất định phải đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

- Tự lực cánh sinh cũng là một phương châm chiến lược rất quan trọng nhằm phát huy cao độ nguồn sức mạnh của nhân dân.

Trong *Đường Kách mệnh* Người chỉ rõ: muốn người ta giúp cho thì mình phải tự giúp lấy mình đã.

Tháng 8 năm 1945 khi thời cơ xuất hiện, Người kêu gọi toàn quốc, đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà giải phóng cho ta.

- Độc lập tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế cũng là một quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Người đã động viên sức mạnh toàn dân tộc, đồng thời ra sức vận động, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế to lớn và có hiệu quả cả về vật chất và tinh thần.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc có những luận điểm sáng tạo, đặc sắc có giá trị lý luận và thực tiễn lớn.

1. Làm phong phú học thuyết Mác-Lênin về cách mạng thuộc địa

- Về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc: Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, xác định con đường cứu nước theo khuynh hướng chính trị vô sản,

¹ Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb CTQG, Hà Nội, 1997, trang 205

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.319

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.485

nhưng Hồ Chí Minh đã không áp dụng rập khuôn, máy móc những nguyên lý có sẵn. Năm 1924, Người đã phát hiện thấy chủ nghĩa Mác được xây dựng trên một triết lý nhất định của lịch sử châu Âu, mà châu Âu “chưa phải là toàn thể nhân loại”, và đặt ra nhiệm vụ: “*xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông*”.

- *Lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh làm phong phú thêm CNMLN về cách mạng thuộc địa*: Vận dụng phương pháp làm việc biện chứng của học thuyết Mác-Lênin, Người đã phân tích thực tiễn xã hội thuộc địa, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện lịch sử cụ thể, *xây dựng nên lý luận cách mạng giải phóng dân tộc* và truyền bá vào Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, yêu cầu khách quan của cách mạng ở thuộc địa không phải là chống chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chống chủ nghĩa thực dân và tay sai của nó. Cho nên điều cần kíp là phải tiến hành cuộc cách mạng giải phóng, giành độc lập tự do cho dân tộc.

Về động lực của cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã khẳng định, *chủ nghĩa dân tộc chân chính là một động lực to lớn* và kêu gọi phát động chủ nghĩa dân tộc nhân danh Quốc tế cộng sản.

- *Phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh hết sức độc đáo và sáng tạo, thấm nhuần tính nhân văn*.

Xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể ở thuộc địa, nhất là so sánh lực lượng quá chênh lệch về kinh tế và quân sự giữa các dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa đế quốc, Người đã xây dựng nên lý luận về phương pháp khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, phát huy và sử dụng sức mạnh toàn dân tộc để chiến thắng kẻ thù hùng mạnh. => Đây là một di sản tư tưởng quân sự vô giá mà Bác để lại cho Đảng và nhân dân ta.

2. Soi đường thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 và 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975) đã chứng minh tinh thần độc lập, tự chủ, tính khoa học, tính cách mạng và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc ở Việt Nam, soi đường cho dân tộc Việt Nam tiến lên cùng nhân loại, biến thế kỷ XX thành một *thế kỷ giải trừ chủ nghĩa thực dân* trên toàn thế giới.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về

vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, chúng ta phải biết khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc; nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân; chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em và trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

ĐỀ TÀI THẢO LUẬN

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, hãy làm rõ vì sao trong giai đoạn hiện nay càng phải cần thiết nhận thức và giải quyết các vấn đề dân tộc trên lập trường giai cấp vô sản trong sáng?

Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi quốc tế là quy luật phát triển của xã hội loài người.

+ Dựa vào học thuyết hình thái kinh tế - xã hội Người khẳng định, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là một tất yếu kinh tế, nguyên nhân sâu xa là sự phát triển của sức sản xuất xã hội (LLSX).

+ Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là do nhu cầu giải phóng con người một cách triệt để (theo 3 trình độ từ thấp đến cao: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng từng cá nhân để hình thành những nhân cách phát triển toàn diện).

+ Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là một tất yếu đạo đức xã hội (Người lý giải theo quy luật đấu tranh giữa thiện - ác, tốt - xấu và quy luật chung là cái thiện, cái tốt nhất định sẽ chiến thắng cái ác, cái xấu).

Trong *Thường thức chính trị* Người viết: “CNCS ra đời thì lúc đó mọi người đều sống có đạo đức”.

+ Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là một tất yếu của văn minh nhân loại.

CNXH ra đời là do tác động của tất cả các nhân tố: kinh tế, chính trị, đạo đức, xã hội, văn hoá. Do vậy, sự ra đời của nó (CNXH, CNCS) là không cưỡng lại được. Người nói: Không có một lực lượng nào ngăn trở được mặt trời mọc. Không có một lực lượng nào ngăn trở được xã hội loài người tiến lên. Không có một lực lượng nào ngăn trở CNXH, CNCS phát triển.

- Theo Hồ Chí Minh, sự ra đời của CNXH ở Việt Nam cũng là một sản phẩm tất yếu của quá trình phát triển lịch sử. Bởi vì:

+ Sau khi nước ta giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản thì đi lên xây dựng CNXH là một bước phát triển hợp quy luật.

+ Chỉ có xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa thì nước nhà mới thật sự độc lập, nhân dân lao động mới thực sự được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam

a) Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh đến với CNXH từ lập trường của một người yêu nước đi tìm đường giải phóng dân tộc để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp. Người hoàn toàn tán thành cách tiếp cận CNXH từ những kiến giải kinh tế - xã hội, chính trị - triết học của các nhà kinh điển Mác-Lênin, đồng thời có sự bổ sung giác độ nhìn mới để thấy CNXH cũng tất yếu ở Việt Nam.

- *Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận về CNXH trước hết là từ lòng yêu nước, ý chí quyết tâm cứu nước và khát vọng giải phóng dân tộc Việt Nam.* Người tìm thấy trong lý luận Mác-Lênin sự thống nhất biện chứng của giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (đã bao gồm giải phóng giai cấp), giải phóng con người. Đó cũng là mục tiêu cuối cùng của CNCS theo đúng bản chất của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- *Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH từ phương diện đạo đức*

CNXH với mục tiêu và cơ sở kinh tế công hữu của nó sẽ đi đến giải phóng cho cả loài người khỏi bị áp bức bóc lột. Nó xa lạ và đối lập với chủ nghĩa cá nhân, nhưng không phủ nhận cá nhân, trái lại còn đề cao, tôn trọng con người cá nhân, các giá trị cá nhân, phát triển mọi năng lực cá nhân vì sự phát triển xã hội và hạnh phúc con người. Người cho rằng: “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng CNXH. Cho nên, thắng lợi của CNXH không thể tách rời với sự thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ

nghĩa cá nhân”¹. “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và đảm bảo cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa”².

- *Hồ Chí Minh còn tiếp cận CNXH từ văn hoá*

Người đã đưa văn hoá thâm nhập vào bên trong của chính trị, kinh tế, tạo nên sự thống nhất giữa chúng, giữa các mục tiêu phát triển xã hội. Quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam cũng là quá trình xây dựng một nền văn hoá mà trong đó có sự kết tinh, kế thừa, phát triển những giá trị truyền thống văn hoá tốt đẹp hàng ngàn năm của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, kết hợp truyền thống với hiện đại, dân tộc và quốc tế.

- *Hồ Chí Minh còn nhận thấy những nét tương đồng của CNXH với truyền thống lịch sử, văn hoá và con người Việt Nam.*

+ Lịch sử Việt Nam có truyền thống chống giặc ngoại xâm từ buổi đầu lập nước.

Chế độ công điền và công cuộc trị thủy trong nền kinh tế nông nghiệp đã từ lâu tạo nên truyền thống cố kết cộng đồng.

+ Văn hoá Việt Nam lấy nhân nghĩa làm gốc, có truyền thống trọng dân, khoan dung, hoà mục để hoà đồng. Văn hoá Việt Nam còn là văn hoá trọng trí thức, hiền tài.

+ Con người Việt Nam có tâm hồn trong sáng, giàu lòng vị tha, yêu thương đồng loại, kết hợp được cái chung với cái riêng, gi a đình với Tổ Quốc, dân tộc và nhân loại.

Những truyền thống tốt đẹp đó đã giúp Hồ Chí Minh đến với CNXH và CNXH đến với nhân dân Việt Nam như một tất yếu.

Hồ Chí Minh đã nhận thức được tính tất yếu và bản chất của CNXH như là kết quả tác động tổng hợp của các nhân tố: truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế; kinh tế, chính trị, đạo đức, văn hoá. Người không tuyệt đối hoá mặt nào và đánh giá đúng vị trí của chúng. Như vậy, Hồ Chí Minh đã làm phong phú cách tiếp cận về CNXH, có những cống hiến xuất sắc vào việc phát triển lý luận Mác-Lênin.

b) Bản chất và đặc trưng tổng quát của CNXH

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 12, tr.474

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.291

- *Quan niệm của CNMLN*

Xét ở góc độ CNXHKH là:

+ Xoá bỏ từng bước chế độ tư hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đ ối với tư liệu sản xuất, thiết lập chế độ sở hữu công cộng đ ối với tư liệu sản xuất, nhằm giải phóng cho sức sản xuất xã hội phát triển.

+ Có nền đại công nghiệp cơ khí với trình độ khoa học hiện đại, có khả năng cải tạo nông nghiệp, tạo ra năng suất lao động cao hơn hẳn CNTB. (Mác nói: Suy cho cùng, ai thắng ai xuất phát từ năng suất lao động)

+ Thực hiện sản xuất có kế hoạch, tiến tới xoá bỏ trao đổi hàng hoá, tiến lên trao đổi bằng tiền tệ.

+ Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, thể hiện sự công bằng và bình đẳng về lao động và hưởng thụ.

+ Giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột nhằm nâng cao trình độ tư tưởng và văn hoá cho nhân dân, tạo điều kiện cho con người phát triển một cách toàn diện.

Xét ở góc độ triết học là:

+ Về kinh tế có nền ĐCN phát triển cao hơn ĐCN của CNTB phát triển ở trình độ cao và phát triển dựa trên CDCH về TLSX;

+ Về tinh thần là CNND phát triển cao hơn NĐCN của CNTB phát triển về giải phóng con người.

- *Quan niệm của Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam*

Hồ Chí Minh bày tỏ quan niệm của mình về CNXH không chỉ trong một bài nói, bài viết nhất định nào, mà trong từng hoàn cảnh cụ thể, từng đ ối tượng cụ thể Người lại có những cách diễn đạt phù hợp. Bởi vậy, trong tư tưởng của Người có khoảng 20 định nghĩa khác nhau về CNXH.

Vấn theo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH, nhưng qua cách diễn đạt của Hồ Chí Minh thì những vấn đề đầy chất lý luận chính trị phức tạp được biểu thị bằng những ngôn ngữ dung dị của đời sống hàng ngày.

Trả lời câu hỏi “CNXH là gì?” Hồ Chí Minh đưa ra những luận đề tiêu biểu sau đây:

+ Nói một cách tóm tắt mộc mạc, CNXH trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát khỏi nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. CNXH là giải phóng nhân dân

lao động khỏi nghèo nàn lạc hậu¹.

+ CNXH là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng,... làm của chung².

+ CNXH là một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều thì hưởng nhiều, ai làm ít thì hưởng ít, không làm không hưởng³.

+ CNXH gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hoá của nhân dân⁴.

+ Chỉ trong chế độ XHCN thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình⁵.

+ CNXH là do quần chúng nhân dân tự mình xây dựng nên. Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng⁶.

+ Chế độ XHCN và CSCN là chế độ do nhân dân lao động làm chủ...⁷

Từ những luận đề trên có thể khái quát lên thành những đặc trưng chủ yếu của CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh là:

CNXH là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ.

Hồ Chí Minh coi nhân dân có vị trí tối thượng trong mọi cấu tạo quyền lực. CNXH chính là sự nghiệp của chính bản thân nhân dân, dựa vào sức mạnh của toàn dân để đưa lại quyền lợi cho nhân dân.

CNXH là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao gắn liền với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, dần xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về TLSX.

Đó là xã hội có một nền kinh tế phát triển dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội cao, sức sản xuất luôn luôn phát triển trên nền tảng phát triển khoa học kỹ thuật, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - kỹ thuật của nhân loại.

CNXH là chế độ xã hội không còn người bóc lột người.

Nghĩa là trong chế độ đó không còn sự áp bức, bất công, thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và nguyên tắc phân phối theo lao động.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 10, tr.312-313

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 8, tr.226

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.23

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.586

⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.291

⁶ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.291

⁷ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.291

Đó cũng là một xã hội công bằng và hợp lý, các dân tộc đều bình đẳng, miền núi được giúp đỡ để tiến kịp miền xuôi.

CNXH là một xã hội phát triển cao về văn hoá và đạo đức.

Đó là một xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn áp bức, bóc lột, bất công, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hoà trong phát triển của xã hội và tự nhiên.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, CNXH là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, đạo đức, văn minh, một chế độ xã hội ưu việt nhất trong lịch sử, một xã hội tự do và nhân đạo, phản ánh được nguyện vọng thiết tha của loài người.

3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của CNXH ở Việt Nam

a) Những mục tiêu cơ bản

- Mục tiêu tổng quát: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

Hồ Chí Minh có nhiều cách đề cập đến mục tiêu của CNXH.

+ Có khi Người trả lời một cách *trực tiếp*: “Mục đích của CNXH là gì? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”¹. Có khi người diễn giải mục tiêu tổng quát này thành những tiêu chí cụ thể: “CNXH là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần được xoá bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến bộ, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là CNXH”².

+ Có khi Người nói một cách gián tiếp thông qua “ham muốn tốt bậc” và bản Di chúc của Người. Di chúc viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là; toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của thế giới”³.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 10, tr.271

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 10, tr.591

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 12, tr.512

- Những mục tiêu cụ thể:

+ *Mục tiêu chính trị*: xây dựng chế độ do nhân dân lao động làm chủ, trong đó nhân dân là những người chủ chân chính. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có hai chức năng cơ bản là dân chủ với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù của nhân dân.

Mặt khác, Hồ Chí Minh cũng xác định: đã là người chủ phải biết làm chủ. Mọi công dân trong xã hội đều có nghĩa vụ lao động, bảo vệ Tổ Quốc, tôn trọng và chấp hành pháp luật, tôn trọng và bảo vệ của công, đồng thời có nghĩa vụ học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt để xứng đáng vai trò làm chủ.

+ *Mục tiêu kinh tế*: Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, bóc lột bị xoá bỏ dần, cải thiện đời sống. Người coi công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà. Chú trọng xây dựng nền kinh tế mới, cải tạo nền kinh tế cũ, nhưng xây dựng là trọng tâm.

Kết hợp các lợi ích kinh tế là vấn đề rất được Hồ Chí Minh quan tâm. Người đặc biệt nhấn mạnh chế độ khoán là một trong những hình thức của sự kết hợp lợi ích kinh tế.

+ *Mục tiêu văn hoá - xã hội*:

Chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, trong đó phải biết kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu những tinh hoa của nhân loại để làm giàu nền văn hoá dân tộc, phải đưa văn hoá vào đời sống nhân dân. Văn hoá phải góp phần sửa sang chính thể. Văn hoá phải chống tham ô, lười biếng.

Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Người nói: *Muốn có CNXH trước hết phải có con người XHCN*. Đó là những con người có trí tuệ, đạo đức cách mạng, có tác phong, đạo đức làm chủ tập thể.

b) Các động lực của CNXH

b) Động lực

- Động lực của chủ nghĩa xã hội theo nghĩa rộng được Hồ Chí Minh chỉ ra là Sử dụng đồng bộ các đòn bẩy về kinh tế-chính trị-văn hóa-xã hội để kích thích tính tích cực của người lao động. Ở phương diện này Người nhấn mạnh 2 nội dung Tính đồng bộ của các đòn bẩy và Trình độ năng lực của

cán bộ quản lý nhà nước

- Động lực của chủ nghĩa xã hội theo nghĩa hẹp được Hồ Chí Minh chỉ ra là vấn đề con người. Ở phương diện này Người khẳng định là Đại đoàn kết dân tộc và Con người mới XHCN.

- Động lực của chủ nghĩa xã hội được Hồ Chí Minh nêu rất cụ thể, nhưng cũng rất phong phú đa dạng, có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, động lực chính trị tư tưởng, tinh thần.

Sức mạnh tiềm tàng của quần chúng chỉ được huy động vào sự nghiệp cách mạng khi quần chúng giác ngộ lý tưởng cách mạng, nhất trí với quan điểm của Đảng, tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hồ Chí Minh từng nói, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công “cần có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, một lòng một dạ phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội”¹.

Sự giác ngộ này có được là kết quả của một quá trình tuyên truyền, giáo dục lâu dài, bền bỉ của toàn hệ thống chính trị.

Thứ hai, phát huy sức mạnh đoàn kết của cộng đồng dân tộc.

Sức mạnh ấy thể hiện ở lực lượng của các giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, các dân tộc, đồng bào yêu nước trong và ngoài nước không phân biệt đảng phái, tôn giáo, tín ngưỡng.

Thứ ba, thoả mãn những nhu cầu, lợi ích chính đáng của người lao động

Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc rằng, hành động của con người luôn luôn gắn với nhu cầu và lợi ích của họ. Vì vậy, Người chú ý kích thích động lực mới là lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động; chủ trương thực hiện các cơ chế chính sách để kết hợp hài hoà lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, như thực hiện kho án, thưởng, phạt đúng đắn và nghiêm túc trong lao động sản xuất.

Trong cách mạng, có những lĩnh vực đòi hỏi con người phải chịu hy sinh, thiệt thòi, chỉ lợi ích kinh tế không thôi thì chưa giải quyết được, cần có động lực chính trị - tinh thần. Vì vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải phát huy quyền làm chủ và ý thức là chủ của người lao động.

Thực hiện công bằng xã hội (công bằng nhưng không cào bằng). Người căn dặn: *không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên.*

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tập 9, tr.457

Thứ tư, để tạo động lực cho CNXH, còn cần phải sử dụng vai trò điều chỉnh của các nhân tố tinh thần khác như chính trị, đạo đức, văn hoá, pháp luật.

Thứ năm, ngoài các động lực bên trong, theo Hồ Chí Minh, phải kết hợp được sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới,...

Giữa nội lực và ngoại lực, Hồ Chí Minh xác định rất rõ nội lực là quyết định nhất, ngoại lực là rất quan trọng.

- Để phát huy cao độ những động lực của CNXH, cần phải khắc phục những trở lực kìm hãm nó. Đó là:

+ Phải thường xuyên đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân (giặc nội xâm), vì nó là kẻ địch hung ác của CNXH, là "*bệnh mẹ*" đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm khác.

+ Phải thường xuyên đấu tranh chống tham ô, lãng phí và quan liêu, vì nó là bạn đồng minh của thực dân phong kiến, nó phá hoại đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính.

+ Chống chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật, vì nó làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng.

+ Chống chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu học tập,...

II - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Con đường

a) Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ

Quan điểm của các nhà kinh điển Mác-Lênin

- Trong "Phê phán Cương lĩnh Gotha", Mác viết: giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản là một thời kỳ chuyển biến từ chế độ nọ sang chế độ kia. Và thích ứng với thời kỳ đó là một thời kỳ quá độ về chính trị, trong đó chức năng của nhà nước đóng vai trò quan trọng.

- Nếu Mác mới chỉ ra con đường quá độ trực tiếp từ nước tư bản phát triển ở trình độ cao lên CNXH với tính chất là sự chuyển biến cách mạng gay go và quyết liệt, thì Lênin đã chỉ ra con đường thứ hai – quá độ gián tiếp lên CNXH với hai hình thức:

1. Từ nước tư bản phát triển trung bình đi lên CNXH.

2. Từ nước tiền tư bản hoặc kém phát triển đi lên CNXH.

Tính chất của nó, theo Lênin dù ở hình thức nào cũng đều là “con đàu để kéo dài”.

Quan niệm của Hồ Chí Minh

Tiếp thu và vận dụng sáng tạo CNMLN vào Việt Nam, từ đặc điểm lịch sử của Việt Nam, Người khẳng định: *Con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dân lên CNXH.* Về thời kỳ quá độ lên CNXH, Người chỉ rõ: Việt Nam quá độ từ một nước nông nghiệp lạc hậu, thuộc địa và phong kiến lên CNXH không kinh qua phát triển TBCN. Tính chất của nó là cuộc đấu tranh một mất, một còn giữa CNXH và CNTB. Đặc điểm này sẽ chi phối, quy định nội dung con đường, hình thức, bước đi và cách làm của CNXH ở Việt Nam.

b) Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

- Theo Hồ Chí Minh, thực chất của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là cải biến nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu thành nền sản xuất tiên tiến hiện đại. Đây cũng là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong điều kiện mới.

- Thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam vì thế là một quá trình dần dần, khó khăn, phức tạp và lâu dài.

- Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam bao gồm:

+ “Phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của CNXH”, biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành nước có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến.

+ Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu, chủ chốt, lâu dài.

- Về tính chất tuần tự, dần dần được Người lý giải:

+ Đây là cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Đây là công việc hết sức mới (do thiếu kinh nghiệm), nên vừa làm vừa học và có thể có thiếu sót, vấp vấp.

+ Luôn bị các thế lực thù địch trong và ngoài nước tìm mọi cách chống phá.

Phải thận trọng, không được nóng vội, chủ quan, đốt cháy giai đoạn,

đòi hỏi một năng lực lãnh đạo mang tính khoa học và phải có nghệ thuật khôn khéo cho thật sát với tình hình thực tế. “Ta xây dựng CNXH từ hai bàn tay trắng đi lên thì khó khăn còn nhiều và lâu dài”; “Phải làm dần dần”, “không thể một sớm một chiều”, ai nói dễ là chủ quan và sẽ thất bại.

Người chỉ đạo *bước đi* của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là phải qua nhiều bước, “bước ngắn, bước dài tùy theo hoàn cảnh”, “chớ ham làm mau, ham rầm rộ,... Đi bước nào vững chắc bước ấy, cứ tiến dần dần”, đi bước trước phải tính tới bước sau, đi bước sau phải hoàn thiện bước trước. Không được nóng vội, đốt cháy giai đoạn.

Thời kỳ đầu, Hồ Chí Minh cũng nói đến *độ dài* của thời kỳ quá độ là phải trải qua vài ba kế hoạch dài hạn, nhưng về sau Người chỉ bàn về chia nhỏ thời kỳ quá độ thành nhiều bước đi, mỗi bước đi phải đặt ra những trọng tâm trọng điểm để tập trung hoàn thành và phụ thuộc bởi thành tựu CNH, HĐH của mỗi bước đi.

c) Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ

- Trong lĩnh vực chính trị, nội dung quan trọng nhất là phải phát huy và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải luôn tự đổi mới và chỉnh đốn để Đảng thực sự là Đảng cầm quyền.

- Củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; củng cố và tăng cường sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó.

- Trong lĩnh vực kinh tế, Hồ Chí Minh đề cập đến các mặt: LLSX, QHSX, cơ chế quản lý kinh tế. Người nhấn mạnh đến việc tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa; chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, cơ cấu ngành và cơ cấu các thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ

Hồ Chí Minh không chỉ là người đầu tiên chủ trương kinh tế nhiều thành phần suốt thời kỳ quá độ, mà còn là người đầu tiên đề cập đến chế độ khoán trong sản xuất..

- Trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới; nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và sử dụng nhân tài.

2. Biện pháp

a) Phương châm:

Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em nhưng không sao chép, máy móc, giáo điều. Người cho rằng, Việt Nam có thể làm khác với Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác vì Việt Nam có điều kiện cụ thể khác

“Muốn đỡ bớt mò mẫm, đỡ phạm sai lầm thì phải học kinh nghiệm của các nước anh em” nhưng “áp dụng kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo”, “ta không thể giống Liên Xô vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử khác...”.

Hai là, xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

Trong khi nhấn mạnh hai nguyên tắc trên, Người lưu ý vừa chống xa rời nguyên lý của CNMLN, quá tuyệt đối hóa cái riêng, đồng thời phải chống chủ nghĩa máy móc, giáo điều khi áp dụng các nguyên lý của CNMLN vào Việt Nam.

b) Biện pháp

- “Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH” không có nghĩa là làm bừa., làm ẩu, đốt cháy giai đoạn, mà phải vững chắc từng bước phù hợp với điều kiện thực tế.

- Người đặc biệt nhấn mạnh vai trò của CNH, HĐH XHCN.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội là “làm cho người nghèo thì đủ ăn , người đủ ăn thì khá giàu, người giàu thì giàu thêm”. Như vậy, chủ nghĩa xã hội không đồng nhất với bình quân, mà từng bước tiến lên cuộc sống sung túc, dồi dào.

- Người đã sử dụng một số cách làm cụ thể sau:

+ Kết hợp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực, mà xây dựng là chủ chốt và lâu dài.

+ Kết hợp xây dựng với bảo vệ, tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau trong phạm vi một quốc gia.

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp và quyết tâm

để thực hiện thắng lợi kế hoạch, muốn kế hoạch thực hiện được tốt thì "*chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi.*"

+ CNXH là do nhân dân tự xây dựng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì vậy phải "*đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân*", Chính phủ chỉ giúp đỡ kế hoạch chứ không thể làm thay dân. Phải phát huy hết tiềm năng, nguồn lực có trong dân để đem lại lợi ích cho dân.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam bao quát những vấn đề cốt lõi, cơ bản nhất trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác-Lênin về bản chất, mục tiêu và động lực của CNXH; về tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ; về đặc điểm, nhiệm vụ lịch sử, nội dung, các hình thức, bước đi và biện pháp tiến hành công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.. Tư tưởng đó trở thành tài sản vô giá, cơ sở lý luận và kim chỉ nam cho việc kiên trì, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, đồng thời gợi mở nhiều vấn đề về xác định hình thức, biện pháp và bước đi lên CNXH phù hợp với những đặc điểm dân tộc và xu thế vận động của thời đại ngày nay.

Cùng với việc tổng kết lý luận - thực tiễn công cuộc xây dựng đất nước trong mấy thập kỷ qua, quan niệm về CNXH, về con đường đi lên CNXH ngày càng được cụ thể hoá. Nhưng trong quá trình xây dựng CNXH, bên cạnh những thời cơ, vận hội, Việt Nam đang phải đối đầu với hàng loạt thách thức, khó khăn cả trên bình diện quốc tế, cũng như từ các điều kiện thực tế trong nước tạo nên. Trong bối đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH, chúng ta cần tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng nhất. Đó là:

1. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, nhất là nguồn lực nội sinh để đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức.
3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
4. Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư để xây dựng CNXH.

ĐỀ TÀI THẢO LUẬN

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hãy cho biết vì sao chủ nghĩa xã hội đã bị tan rã ở Liên-Xô và sụp đổ ở Đông Âu từ 1991, nhưng hiện nay Đảng và Nhà nước ta vẫn khẳng định Việt Nam tiếp tục kiên định con đường lên chủ nghĩa xã hội?

Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng Cộng sản ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Nghĩa là khi phong trào công nhân tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin làm cơ sở lý luận cách mạng, điều này thúc đẩy phong trào công nhân phát triển và đến một lúc nào đó, chính phong trào này đặt ra yêu cầu khách quan là phải có đảng lãnh đạo để dẫn dắt phong trào tiếp tục phát triển, đi tới chủ nghĩa cộng sản.

b) Quan điểm của Hồ Chí Minh

Vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh xác định: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Điều này thể hiện:

- Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với cách mạng nói chung và đối với sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng.

- Đánh giá cao vị trí, vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam và phong trào công nhân. Giai cấp công nhân lúc bấy giờ tuy còn nhỏ bé (2% dân số), phong trào công nhân còn yếu nhưng họ vẫn giữ vai trò lãnh đạo cách mạng

vì:

+ Đó là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, đại diện cho PTSX mới, gánh trách nhiệm đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đế quốc để xây dựng một xã hội mới.

+ Đó là giai cấp có tinh thần cách mạng kiên quyết, triệt để nhất, có tổ chức, kỷ luật cao.

+ Giai cấp công nhân có chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng.

- Phong trào yêu nước là một thành tố quan trọng trong việc ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vì:

+ Phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam.

Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam, là nhân tố chủ đạo quyết định sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Phong trào yêu nước Việt Nam là phong trào rộng lớn nhất có trước phong trào công nhân từ nghìn năm lịch sử. Nó cuốn hút mọi tầng lớp nhân dân, toàn dân tộc đứng lên chống kẻ thù.

+ Phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước vì nó đều có mục tiêu chung.

Phong trào công nhân ngay từ khi mới ra đời đã kết hợp với phong trào yêu nước. Cơ sở của sự kết hợp từ đầu, liên tục, chặt chẽ giữa hai phong trào này do mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với bọn đế quốc và tay sai, cả hai phong trào đều có *mục tiêu chung là giải phóng dân tộc, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước giàu mạnh*. Khác với những người cộng sản phương Tây, Hồ Chí Minh và những người cộng sản Việt Nam đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp.

+ Phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân ngay từ đầu. Đầu thế kỷ XX, nông dân Việt Nam chiếm khoảng hơn 90% dân số, họ là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân. Hai giai cấp này hợp thành đội quân chủ lực của cách mạng.

+ Phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trí thức Việt Nam là những người chằm “ngồi nỏ” cho các phong trào yêu nước giải phóng dân tộc. (Những yếu nhân của phong trào công sản ở Việt Nam thực chất đều xuất thân từ tầng lớp trí thức tiểu tư sản). Họ cũng rất nhạy cảm, chủ động và có cơ hội đón nhận những “luồng gió mới” của tất cả các trào lưu tư tưởng trên thế giới vào Việt Nam.

Quy luật về sự hình thành của Đảng Cộng sản Việt Nam là một luận điểm cực kỳ sáng tạo, có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với cách mạng nước ta mà còn ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng thế giới.

Thực tiễn cho thấy, khi Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam thì cách mạng Việt Nam từ 1925 đã có sự chuyển hướng mạnh mẽ theo xu hướng vô sản. Khi phong trào lên cao đã đòi hỏi phải có Đảng tiên phong dẫn đường. Đáp ứng đòi hỏi khách quan đó, ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của xã hội.

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Sức mạnh của nhân dân là vô cùng to lớn, nhưng chỉ được phát huy khi được giác ngộ, tập hợp, đoàn kết, lãnh đạo của một tổ chức cách mạng. Người nói: “Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi”¹.

- Muốn làm cách mạng, trước hết phải có Đảng để “trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản ở mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”².

- Hồ Chí Minh còn khẳng định: cách mạng muốn thắng lợi phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ *tình hình, đường lối*, và định *phương châm* cho đúng, để khỏi lạc đường. Làm cách mạng là *rất gian khổ*, phải có chí khí kiên quyết, phải được tổ chức chặt chẽ. Vì vậy phải có Đảng để *tổ chức và giáo dục* nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để giành lấy chính quyền.

“Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo”³.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.290

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 2, tr.267-268

3. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 7, tr.229

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, có khả năng đoàn kết tập hợp các tầng lớp nhân dân khác làm cách mạng. Đảng là đội tiên phong dũng cảm và là đội tham mưu sáng suốt. Đảng Cộng sản Việt Nam tận tâm, tận lực phụng sự Tổ Quốc, phụng sự nhân dân, trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, *Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân và của dân tộc*. Mục tiêu phấn đấu của Đảng là độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho mọi người.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh: Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo, tổ chức, thực hiện và quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, *mang bản chất giai cấp công nhân*.

- Nội dung quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng là: nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác -Lênin; mục tiêu, đường lối của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nguyên tắc và tổ chức sinh hoạt của Đảng theo Đảng vô sản kiểu mới.

- Từ việc xác định quy luật hình thành của Đảng Cộng sản Việt Nam, Người nhiều lần khẳng định Đảng còn là *đảng của dân tộc Việt Nam*.

+ Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II (2/1951), Người nêu rõ: Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam.

+ Năm 1961, Bác viết: “Đảng ta là đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc không thiên tư, thiên vị”

+ Năm 1965, Hồ Chí Minh khẳng định lại: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bản chất giai cấp công nhân của Đảng là thống nhất với tính dân tộc, tính nhân dân.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản cầm quyền

a) Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành đảng cầm quyền

- Hồ Chí Minh đã sớm xác định độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

- Để thực hiện lý tưởng cao cả đó, Người tích cực chuẩn bị cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức và sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam – nhân tố quyết định hàng đầu mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam:

+ Công-nông là gốc của cách mạng, nhưng “trước hết phải làm cho dân giác ngộ”. Dân phải được tổ chức, “trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi”¹

+ Để Đảng thống nhất về tư tưởng và hành động, Người chọn chủ nghĩa Mác-Lênin làm nòng cốt của Đảng.

+ Cách mạng Việt Nam muốn thành công phải đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cách mạng chân chính, mang bản chất giai cấp công nhân. Đảng không bao giờ hy sinh lợi ích của công-nông cho bất kỳ giai cấp nào khác. Đảng tận tâm, tận lực, phụng sự, trung thành với lợi ích của dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam được sự tổ chức, rèn luyện, giáo dục của Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức chặt chẽ, đã lãnh đạo toàn dân tộc chiến đấu oanh liệt, giành được chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đó cũng là thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền.

b) Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

- *Khái niệm “Đảng cầm quyền”*

+ Đảng cầm quyền là khái niệm dùng trong khoa học chính trị, chỉ một đảng chính trị đại diện cho một giai cấp đang nắm giữ và lãnh đạo chính quyền để điều hành, quản lý đất nước nhằm thực hiện lợi ích của giai cấp đó.

+ Cụm từ “Đảng cầm quyền” được Hồ Chí Minh sử dụng trong bản Di chúc của Người. Theo Người, Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 2, trang 267.

giành được quyền lực nhà nước và Đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

- *Khi chưa có chính quyền*: Đảng lãnh đạo nhân dân và dân tộc lật đổ chính quyền thực dân và phong kiến để thiết lập chính quyền nhân dân. Thời kỳ này, phương thức lãnh đạo, công tác chủ yếu của Đảng là giáo dục, thuyết phục, vận động tổ chức quần chúng, đưa quần chúng vào đấu tranh giành chính quyền.

- *Khi có chính quyền*: Một số cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất trở thành “quan cách mạng” là vấn đề mới cực kỳ to lớn, thử thách hết sức nặng nề của Đảng.

+ *Mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền*

Theo Hồ Chí Minh, Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Tổ Quốc, của nhân dân: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Đó là mục tiêu, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

“Người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ Quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới”¹.

+ *Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.*

Đây là luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về đảng cầm quyền.

+ “Đảng lãnh đạo”: tức là Đảng là tổ chức lãnh đạo duy nhất đối với toàn bộ xã hội. Đối tượng lãnh đạo của Đảng là toàn thể nhân dân Việt Nam nhằm đưa lại độc lập cho dân tộc, hạnh phúc ấm no cho nhân dân. Muốn vậy Đảng phải có tư cách, phẩm chất, năng lực cần thiết.

Đảng lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, giác ngộ quần chúng, “phải đi theo đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh và gò ép nhân dân”. Đồng thời, Đảng phải tập hợp, đoàn kết nhân dân thành một khối thống nhất, bày cách cho dân và hướng dẫn họ hành động.

Đảng phải sâu sát, gần bó mật thiết với nhân dân, khiêm tốn học hỏi

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 11, trang 372.

nhân dân, chịu sự kiểm soát của nhân dân. Để thực hiện đầy đủ chức năng lãnh đạo, Đảng phải thực hiện chế độ kiểm tra và phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

+ “Đảng là đầy tớ thật trung thành của nhân dân”

“Đầy tớ” không có nghĩa là tôi tớ, tôi đòi hay theo đuôi quần chúng mà là “tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân nhằm đem lại các quyền và lợi ích cho nhân dân”. “Việc gì có lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì hại cho dân, thì phải hết sức tránh”¹. Mỗi cán bộ, đảng viên đều là “công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”².

Là đầy tớ của nhân dân, theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ; phải tích cực tuyên truyền vận động quần chúng đi theo Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

Như vậy, “lãnh đạo” và “đầy tớ” là hai khái niệm được Hồ Chí Minh sử dụng trong mối quan hệ biện chứng với nhau vì cùng chung một mục đích là: *vì dân*. Làm tốt cả hai vai trò này là cơ sở đảm bảo uy tín và năng lực lãnh đạo của Đảng.

+ *Đảng cầm quyền, dân là chủ.*

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng triệt để phải là quyền lực thuộc về nhân dân. Người nói: “Cách mạng rồi thì giao quyền cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một số ít người”². Quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất, nguyên tắc của chế độ mới, xa rời nguyên tắc này Đảng sẽ trở nên đối lập với nhân dân. Dân là chủ, Đảng lãnh đạo, Đảng phải lấy “dân làm gốc”. Đồng thời, dân muốn làm chủ thực sự cũng phải tích cực tham gia xây dựng chính quyền, làm tròn nghĩa vụ và quyền hạn của mình.

Đảng lãnh đạo việc xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH VỮNG MẠNH

1. Xây dựng Đảng – Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.88

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.56

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 2, tr.270

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 12, tr.557-558

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch vững mạnh chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ di sản tư tưởng của Người. Với Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để Đảng hoàn thành vai trò chiến sĩ tiên phong trước giai cấp, dân tộc, nhân dân.

Theo Người, xây dựng Đảng là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài. Khi cách mạng gặp khó khăn, xây dựng Đảng để cán bộ, đảng viên cũng cố lập trường, quan điểm, bình tĩnh, sáng suốt, không bi quan, nao núng, bị động. Khi cách mạng trên đà thắng lợi cũng cần đến xây dựng Đảng để xây dựng những quan điểm, tư tưởng cách mạng, khoa học, ngăn ngừa bệnh chủ quan, tự mãn, lạc quan tếu và bệnh “kiêu ngạo cộn g sản”. Người nhận định: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”². *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công việc quyết định sự sống còn của Đảng.*

- Căn cứ quyết định tính khách quan của công tác xây dựng Đảng:

+ Sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là một quá trình, bao gồm nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn; mỗi thời kỳ, giai đoạn có những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và những yêu cầu riêng. Trước diễn biến của yêu cầu khách quan, bản thân Đảng phải tự chỉnh đốn, tự đổi mới để vươn lên làm tròn trọng trách trước giai cấp và dân tộc.

+ Đảng là một bộ phận cấu thành của xã hội, mỗi cán bộ, đảng viên sẽ luôn chịu những ảnh hưởng, tác động của môi trường xã hội (cả những yếu tố tích cực, tiến bộ lẫn những yếu tố tiêu cực, phản tiến bộ). *Phải thường xuyên chỉnh đốn Đảng để phát huy những mặt tích cực, chống lại những thói xấu trong mỗi cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh.*

+ Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, giữ vững đạo đức cách mạng, hoàn thành các nhiệm vụ do Đảng và nhân dân giao phó.

+ Trong điều kiện Đảng trở thành Đảng cầm quyền thì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng càng cần được nhấn mạnh. Vì, theo Hồ Chí Minh, quyền lực có tính hai mặt: *một mặt*, nó có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội

cũ, xây dựng xã hội mới nếu biết sử dụng đúng; *mặt khác*, quyền lực cũng có sức phá hoại ghê gớm nếu người nắm quyền lực bị tha hoá, biến chất, tham quyền lực, lộng quyền,... ⇒ Đảng phải đặc biệt quan tâm đến việc chỉnh đốn, đổi mới để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi, tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hoá, biến chất gây nên.

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, xây dựng và chỉnh đốn Đảng là vấn đề mang tính quy luật và là nhu cầu tồn tại và phát triển của bản thân Đảng. Chỉnh đốn và đổi mới Đảng là nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững vàng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; làm cho đội ngũ cán bộ, Đảng viên không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực trước yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao, càng phức tạp của nhiệm vụ cách mạng. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng sẽ làm cho Đảng trở thành một khối thống nhất, vững mạnh, đủ sức lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua những khúc quanh đầy thử thách để cập bến thắng lợi.

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng

a) Xây dựng Đảng về tư tưởng - lý luận

Theo Bác “... chỉ có đảng nào theo lý luận cách mạng tiên phong, đảng cách mạng mới làm nổi trách nhiệm cách mạng tiên phong”, “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy” “bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”...

Để đạt mục tiêu cách mạng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, phải làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm cốt có nghĩa là Đảng ta nắm vững tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin, lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời nắm vững tinh hoa văn hoá dân tộc và trí tuệ thời đại vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Không máy móc, kinh viện, giáo điều.

Vì vậy, trong tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh lưu ý những điểm sau đây:

- Học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin phải luôn phù hợp với hoàn cảnh và từng đối tượng.

- Vận dụng phải phù hợp từng hoàn cảnh.

- Chú ý học tập, kế thừa kinh nghiệm tốt của các Đảng cộng sản khác, tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung cho chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Đảng tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

b) Xây dựng Đảng về chính trị

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Đảng về chính trị có nhiều nội dung, trong đó *đường lối chính trị* là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng.

Muốn xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, Đảng phải: dựa trên cơ sở lý luận Mác-Lênin, vận dụng sáng tạo trên nền tảng điều kiện Việt Nam qua từng giai đoạn nhất định, học tập kinh nghiệm của các đảng cộng sản anh em,...

Người lưu ý phải giáo dục đường lối chính sách của Đảng, thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên để họ luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh. Đồng thời người cũng cảnh báo nguy cơ sai lầm về đường lối chính trị, gây hậu quả nghiêm trọng đến vận mệnh của tổ quốc, sinh mệnh của từng cán bộ, đảng viên và nhân dân.

c) Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

- Hệ thống tổ chức của Đảng

+ Hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở phải thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao. Mỗi cấp độ tổ chức có chức năng, nhiệm vụ riêng.

+ Hồ Chí Minh rất coi trọng các tổ chức Đảng ở cơ sở, đặc biệt là chi bộ, vì đó là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng.

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng

+ *Tập trung dân chủ*

Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng. Giữa “tập trung” “và dân chủ” có mối quan hệ khăng khít với nhau, là hai yếu tố của một nguyên tắc. Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung.

Tập trung là thống nhất về tư tưởng, tổ chức, hành động. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, đảng viên chấp hành nghị quyết của

tổ chức Đảng. “Đảng tuy nhiều người, nhưng khi tiến hành thì chỉ như một người”.

Dân chủ là của “của quý báu của nhân dân”, là thành quả của cách mạng. Tất cả mọi người được tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Phải phát huy dân chủ nội bộ nếu không sẽ suy yếu từ bên trong.

+ *Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách*

Tập thể lãnh đạo vì, nhiều người thì thấy hết mọi việc, hiểu hết mọi mặt của vấn đề, có nhiều kiến thức, tránh tể bao biện, quan liêu, độc đoán, chủ quan.

Cá nhân phụ trách vì, “Việc gì đã bàn kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy”, tránh bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ dễ hỏng việc.

Phải khắc phục tể độc đoán, chuyên quyền, đồng thời chống cả tình trạng dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm.

+ *Tự phê bình và phê bình:*

Đây là nguyên tắc sinh hoạt đảng, là quy luật phát triển đảng

Mục đích của tự phê bình và phê bình là để làm cho phần tốt trong mỗi con người, mỗi tổ chức nảy nở như hoa mùa xuân, phần xấu mất dần đi.

Người khẳng định: “Một đảng mà giấu diếm khuyết điểm đó là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”.

Thái độ, phương pháp tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh nêu rõ: Phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày; phải thẳng thắn, chân thành, trung thực, không nể nang, không giấu diếm và cũng không thêm bớt khuyết điểm; “phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau”, tránh lợi dụng phê bình để nói xấu nhau, bôi nhọ nhau, đả kích nhau...

+ *Kỷ luật nghiêm minh và tự giác*

Sức mạnh của một tổ chức cộng sản và mỗi đảng viên bắt nguồn từ ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm minh và tự giác.

Nghiêm minh là thuộc về tổ chức đảng, kỷ luật đối với mọi đảng viên

không phân biệt. Mọi đảng viên đều bình đẳng trước Điều lệ Đảng.

Tự giác là thuộc về mỗi cá nhân cán bộ đảng viên đối với Đảng. Kỷ luật này do lòng tự giác của họ về nhiệm vụ đối với Đảng. Yêu cầu cao nhất của kỷ luật đảng là chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng, tuân theo nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt Đảng. “Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật đảng, mà cả kỷ luật của đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng”.

+ *Đoàn kết thống nhất trong Đảng*

Theo Hồ Chí Minh: “Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta, của nhân dân ta... phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Cơ sở để đoàn kết nhất trí trong Đảng chính là đường lối, quan điểm của Đảng, điều lệ Đảng.

- Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng

+ Nhận thức rõ tầm quan trọng của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh cho rằng, cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy, là mắt khâu trung gian nối liền giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Cho nên người cán bộ phải có đủ đức, đủ tài để phục vụ cách mạng.

+ Công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng. Nội dung của nó bao hàm các mắt khâu liên hoàn, liên quan chặt chẽ với nhau, gồm: tuyển chọn cán bộ; đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ; đánh giá đúng cán bộ; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ; thực hiện các chính sách đối với cán bộ.

d) Xây dựng Đảng về đạo đức

Khẳng định một đảng chân chính phải có đạo đức, Người rất quan tâm đến vấn đề xây dựng đạo đức của Đảng. Đạo đức của Đảng ta là đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Mỗi đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Giáo dục đạo đức cách mạng là một nội dung quan trọng trong việc tu dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Nó gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân nhằm làm cho Đảng luôn thực sự trong sạch, xứng đáng là một đảng cầm quyền.

KẾT LUẬN

Hồ Chí Minh là người sáng lập, đồng thời là người giáo dục và rèn

luyện Đảng Cộng sản Việt Nam trong gần 40 năm. Người đã thực sự dành nhiều tâm huyết cho Đảng, xác lập nên một hệ thống các quan điểm, tư tưởng về ĐCSVN trên cơ sở vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin về Đảng Cộng sản vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Có thể kể đến những sáng tạo của Bác về ĐCSVN là quan điểm về quy luật hình thành đảng; về sự thống nhất biện chứng giữa bản chất giai cấp công nhân với tính dân tộc và tính nhân dân của Đảng; quan niệm về Đảng cầm quyền và các yếu tố đảm bảo vai trò cầm quyền của Đảng.

Trong bối cảnh, điều kiện mới, đứng trước những cơ hội cũng như những thách thức không nhỏ, Đảng ta vẫn kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng đã xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, đồng thời xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo nền tảng tinh thần cho sự phát triển xã hội.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐCSVN đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh; phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục, ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi những hạn chế, yếu kém; để lấy lại niềm tin trong nhân dân, xứng đáng với vai trò người lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam.

Bởi vậy, việc tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh phải được quán triệt đến từng tổ chức cơ sở đảng, từng cán bộ, đảng viên.

ĐỀ TÀI THẢO LUẬN

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, hãy làm rõ triết lý Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền của Hồ Chí Minh?

Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Đại đoàn kết dân tộc là nội dung xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như trong hoạt động thực tiễn của Người. Trong các bài viết, nói, vấn đề đại đoàn kết dân tộc được Bác Hồ đề cập đến chiếm tỷ lệ 43%. Trong tác phẩm “Sửa đổi lỗi làm việc” Bác nhắc tới 16 lần đại đoàn kết. Tại buổi khai mạc Đại hội thống nhất Việt minh - Liên việt, Bác nhắc tới 17 lần. Trong diễn văn kỷ niệm quốc khánh 1957, Bác nhắc tới 19 lần.

Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

- Chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, cố kết cộng đồng của dân tộc Việt Nam là cơ sở đầu tiên, sâu xa cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Yêu nước-nhân nghĩa-đoàn kết

+ Là tình cảm tự nhiên của mỗi con người Việt Nam: “Nhiều điều phải lấy giá gương. Người trong một nước thì thương nhau cùng”.

+ Là triết lý nhân sinh của người Việt Nam: “Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại thành hòn núi cao”.

+ Là phép ứng xử và tư duy chính trị của người Việt Nam: “Tình làng nghĩa nước. Nước mất nhà tan. Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh”.

Tất cả đã ghi đậm dấu ấn trong cấu trúc xã hội truyền thống, tạo thành quan hệ ba tầng chặt chẽ gia đình-làng xã-quốc gia (nhà-làng-nước), là sợi dây liên kết các dân tộc, các giai tầng trong xã hội Việt Nam.

- Những giá trị nhân bản trong văn hoá phương Đông và phương Tây.

+ Đại đồng của Nho giáo (cho dù là trên cơ sở phân chia đẳng cấp).

+ Bình đẳng, Từ bi hỷ xả, Vô ngã vị tha, lợi lạc quần sinh,.. của Phật giáo (dù là duy tâm).

+ Tự do-Bình đẳng-Bác ái của dân chủ tư sản (dù là hình thức, giả tạo).

- Tổng kết những kinh nghiệm thành công và thất bại của các phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới (Mọi thất bại của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới đều do không phát huy được sức mạnh toàn dân).

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; liên minh công – nông là cơ sở để xây dựng lực lượng cách mạng.

- Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất, nhân cách Hồ Chí Minh: lòng yêu nước nồng nàn, trái tim thương dân, thương yêu những người cùng khổ, tin tưởng sức mạnh nhân dân, sẵn sàng hi sinh vì độc lập tự do của dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân; sức cảm hoá lớn đối với mọi người,...

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

- *Thế nào là vấn đề có ý nghĩa chiến lược?*

+ Về khái niệm: Chiến lược được hiểu là phương châm và biện pháp có tính toàn cục được vận dụng trong suốt tiến trình cách mạng.

+ Trong tư tưởng Hồ Chí Minh Đoàn kết là một chiến lược chứa đựng hệ thống những luận điểm thể hiện những nguyên tắc, biện pháp giáo dục, tập hợp những lực lượng cách mạng tiến bộ nhằm phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc và quốc tế trong sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

+ Chiến lược là cái nhất quán, xuyên suốt tiến trình cách mạng, thể hiện cả vấn đề lý luận lẫn vấn đề thực tiễn. (43% bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh đề cập đến vấn đề đoàn kết).

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng .

- Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng có thể và cần thiết điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng, song *đại đoàn kết luôn là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng*

Hồ Chí Minh đã khái quát thành luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết:

+ *Đoàn kết làm ra sức mạnh*: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn nhiệm vụ mà nhân dân giao phó”¹; “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”².

+ “*Đoàn kết là điểm mọ*. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”³.

+ *Đoàn kết là then chốt của thành công*.

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết;

Thành công, thành công, đại thành công”⁴.

b) Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc

- Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không đơn thuần là phương pháp tập hợp lực lượng cách mạng, mà đó là *mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của cách mạng*. Đại đoàn kết dân tộc là một vấn đề có tính đường lối, một chính sách nhất quán chứ không thể là một thủ đoạn chính trị.

Cách mạng muốn thành công, đường lối đúng đắn thôi chưa đủ, mà trên cơ sở đường lối đúng, Đảng phải cụ thể hoá thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 7, tr.392

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 7, tr.397

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.392

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.392

+ Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam năm 1951, Hồ Chí Minh nêu mục đích của Đảng Lao động Việt Nam gồm 8 chữ: “*Đoàn kết toàn dân, phụng sự tổ quốc*”.

+ Năm 1963, khi nói chuyện với cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng XHCN, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trước Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm sao cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: *Một là đoàn kết. Hai là* làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích của tuyên truyền huấn luyện là: *Một là đoàn kết. Hai là* xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Ba là* đấu tranh thống nhất nước nhà”¹.

- *Đại đoàn kết dân tộc còn là nhiệm vụ hàng đầu của toàn dân tộc*. Bởi vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Từ trong đấu tranh mà nảy sinh nhu cầu khách quan về đoàn kết, hợp tác. Đảng có nhiệm vụ thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng; chuyển những nhu cầu, đòi hỏi khách quan, tự phát đó thành nhu cầu tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn để hoàn thành các mục tiêu cách mạng.

2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

a) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- Đây là luận điểm sáng tạo, đặc sắc của Hồ Chí Minh.

- Vì sao phải đoàn kết toàn dân?

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân.

+ Cách mạng là việc lớn, không thể một hai người mà làm được.

+ Trong mỗi con người Việt Nam đều có ít nhiều lòng ái quốc. (Người ví khối đại đoàn kết dân tộc như hình ảnh bàn tay)

- Khái niệm “Dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh có biên độ rất rộng lớn.

Đó là:

+ Toàn thể con dân nước Việt có lòng yêu nước, trừ một bộ phận ô m chân đế quốc, phản bội lại quyền lợi của dân tộc.

+ Là “mỗi một người con Rồng cháu Tiên”, không phân biệt đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, không phân biệt “già, trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện”.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 11, tr.130

Dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với tư cách mỗi con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, họ là chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc.

Người nói: “Ta đoàn kết là để đấu tranh thống nhất và độc lập Tổ Quốc, ta còn phải đoàn kết là để xây dựng nước nhà. Vậy ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ Quốc và phục vụ nhân dân thì ta đều đoàn kết với họ”.

- Nòng cốt của khối đại đoàn kết là liên minh công - nông - trí thức.

Người nhắc nhở: Trong khi tập hợp khối đại đoàn kết thì “lực lượng chủ yếu của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh công - nông, cho nên liên minh công - nông là nền tảng của mặt trận dân tộc thống nhất”. “Đại đoàn kết trước hết là đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác”. Về sau, Hồ Chí Minh mở rộng “liên minh công - nông và lao động trí óc làm nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân”. “Trong bầu trời không có gì quý bằng dân, trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”.

b) Thực hiện đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước-nhân nghĩa-đoàn kết của dân tộc; đồng thời phải có tâm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người.

- Phải có lòng khoan dung, độ lượng, thương yêu, tin tưởng con người.

Quan điểm này của Hồ Chí Minh đã kế thừa truyền thống nhân ái, khoan dung của dân tộc, trên cơ sở xác định rõ vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của nhân dân trong lịch sử và trong sự nghiệp cách mạng.

Người cho rằng: “Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên, ta phải khoan hồng, đại lộ, ta phải nhận rằng là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối làm đường, ta phải dùng tình thân ái mà cảm hoá họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn vẻ vang”¹.

- Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao.

- Luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, thực hiện đại đoàn kết với phương châm “nước lấy dân làm gốc”.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.246-247

Nền gốc của đại đoàn kết là liên minh công-nông. Nền gốc vững vẫn cần phải đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác.

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a) Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

- Nhận thức rõ rằng đoàn kết phải có vỏ vật chất, phải có hình thức cụ thể mới vững mạnh được, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến vấn đề tổ chức từ rất sớm, đặc biệt từ khi Đảng ra đời. Tổ chức đó chính là *Mặt trận dân tộc thống nhất*.

+ Khối đại đoàn kết dân tộc phải được giác ngộ về mục tiêu, tổ chức thành khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Và phải đưa quần chúng vào tổ chức phù hợp với từng giai tầng, từng lứa tuổi, giới tính, ngành nghề, tôn giáo, phù hợp với từng bước phát triển của phong trào cách mạng. Đó có thể là hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay hội phụ lão, Hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay nghiệp đoàn...

+ Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước. Trong từng thời kỳ Mặt trận có những nét khác nhau và tên gọi khác nhau (Hội phản đế đồng minh-1930, Mặt trận dân chủ-1936, Mặt trận nhân dân-1939, Mặt trận Việt Minh-1941, Mặt trận Liên Việt-1946, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam-1960, Mặt trận tổ quốc Việt Nam-1955, 1976), căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, nhưng đó phải là mặt trận chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các lực lượng phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

b) Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Một là, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Sở dĩ phải lấy liên minh công - nông làm nền tảng vì: “họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết và cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc

chấn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác”¹.

+ Người cũng cần dặn, làm cách mạng phải có tri thức và tầng lớp trí thức rất quan trọng đối với cách mạng. Người nói: “trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng CNXH, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và công, nông, trí cần đoàn kết chặt chẽ thành một khối”².

+ Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là công việc của toàn dân tộc, song chỉ có thể được củng cố và phát triển vững chắc khi được Đảng lãnh đạo. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận là *vấn đề mang tính nguyên tắc*, vừa là một *tất yếu* đảm bảo cho Mặt trận tồn tại, phát triển và có hiệu lực trong thực tiễn.

Mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận là mối quan hệ má u thịt. Không có Mặt trận, Đảng không có lực lượng, không thể thực hiện được nhiệm vụ cách mạng; không có sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận không thể hình thành, phát triển và có đường lối đúng đắn.

Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là thành viên của Mặt trận. Đảng lãnh đạo bằng việc xác định chính sách mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng. Đảng phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng nhân ái, chân thành để cảm hoá, khơi dậy tinh thần tự giác, tự nguyện, không gò ép quan liêu mệnh lệnh.

Hai là, Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.

Độc lập, tự do là nguyên tắc bất di bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết, là mẫu số chung để quy tụ các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo vào trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Trên cơ sở xác định lợi ích tối cao của dân tộc, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra các tiêu chí đảm bảo quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân là độc lập, tự do và hạnh phúc.

Ba là, Mặt trận dân tộc hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, đảm bảo đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững.

Nguyên tắc hiệp thương dân chủ đòi hỏi tất cả mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.214

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.214

Thực hiện nguyên tắc này cũng phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, lợi ích chung và lợi ích riêng, lợi ích lâu dài và lợi ích trước mắt.

Bốn là, đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, chân thành, thân ái, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết. Phương châm là “câu đồng tồn dị” lấy cái chung để hạn chế cái riêng. Trong đoàn kết phải luôn đấu tranh chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều.

Người viết: “Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học hỏi những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân. Tóm lại, muốn tiến lên CNXH thì toàn dân cần đoàn kết lâu dài, đoàn kết thực sự và cùng nhau tiến bộ”¹.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là kết tinh mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc với giai cấp, nhân loại. Mở rộng khối đại đoàn kết đến đâu thì giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc, giai cấp, nhân loại đến đó. Quyền lợi của nhân dân lao động luôn gắn với quyền lợi tối cao của dân tộc.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

a) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

+ Tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thế giới tạo ra sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù.

+ Sức mạnh dân tộc là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là chủ nghĩa yêu nước truyền thống, ý thức tự lực, tự cường của dân tộc.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.137

+ Sức mạnh quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng: Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc; Phong trào cách mạng của công nhân và nhân dân lao động các nước chính quốc và TBCN nói chung; Phong trào XHCN; Phong trào vì Hòa bình, ĐLDT, Dân chủ và tiến bộ xã hội; Phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương...

Sức mạnh thời đại mà Hồ Chí Minh nhận thức còn là *sức mạnh của tiến bộ khoa học công nghệ*, làm thay đổi có tính cách mạng về các lĩnh vực như: năng lượng, vật liệu, công nghệ sinh học, giao thông vận tải..., loài người đã tiến một bước dài trong việc chinh phục thiên nhiên. “50 năm qua thế giới đã có những chuyển biến lớn... đặc biệt là sức mạnh nguyên tử, nhiều hơn thế kỷ trước cộng lại”.

+ Theo Hồ Chí Minh thực hiện đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế. Đoàn kết dân tộc phải là cơ sở cho thực hiện đoàn kết quốc tế. Đoàn kết quốc tế là nhân tố thường xuyên và hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi.

b) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng

+ Kết hợp nhuần nhuyễn các vấn đề DT-GC, ĐLDT-CNXH, CNYNTT-CNQTVSTS không chỉ vì sự thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại: Hòa bình, ĐLDT, Dân chủ, Tiến bộ xã hội, và XHCN.

+ Muốn đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các đảng cộng sản phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng cơ hội, vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh...

+ Thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh: Kết hợp nhuần nhuyễn các vấn đề dân tộc-giai cấp, ĐLDT-CNXH, CNYNTT-CNQTVSTS mà cốt lõi là Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội.

Công lao to lớn đầu tiên của Người là đã đặt phong trào cách mạng Việt Nam vào hàng ngũ, vào quỹ đạo của cách mạng thế giới, đưa dân tộc Việt Nam đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin.

2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

a) Các lực lượng cần đoàn kết

- Phong trào cộng sản, phong trào công nhân thế giới là lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế.

+ Tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy phương hướng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng thời Người cũng tìm thấy một lực lượng ủng hộ mạnh mẽ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, đảm bảo cho sự nghiệp cách mạng của nước nhà đi đến thắng lợi vẻ vang. Đó là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; là Liên Xô và sau này là các nước XHCN; là Quốc tế III và sau này là Cục thông tin quốc tế.

+ Thực tế, Người nhận thấy, chủ nghĩa đế quốc là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Vì vậy, chỉ có sự đoàn kết, nhất trí, đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể thắng được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa thực dân.

+ Chủ trương đoàn kết giai cấp vô sản các nước, đoàn kết giữa các đảng Cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp vô sản trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới.

+ Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta không tách rời sự đồng tình, ủng hộ của Liên Xô và các nước XHCN, của các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế.

- Đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa.

+ Ra đi tìm đường cứu nước từ một nước nô lệ nên trái tim Người cùng nhịp đập với nỗi thống khổ của các dân tộc khác cùng hoàn cảnh với dân tộc mình.

+ Từ sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra âm mưu chia rẽ dân tộc để dễ bề cai trị của các nước đế quốc, tạo sự thù ghét, đối kháng dân tộc, chủng tộc,... nhằm làm suy yếu sức mạnh của các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Người đề nghị Quốc tế cộng sản phải làm sao cho các dân tộc hiểu biết lẫn nhau, xích lại gần nhau (“làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những

cái cánh của cách mạng vô sản”¹) và bằng mọi cách phải làm cho “đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này”².

- *Đoàn kết với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý*

+ Xuất phát từ mục tiêu chung của nhân loại tiến bộ là đấu tranh cho hoà bình, độc lập, thống nhất và tiến bộ, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc khơi dậy lương tri của loài người, tạo nên tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ từ các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng người cụ thể trên hành tinh đối với cuộc cách mạng chính nghĩa của nhân dân ta.

+ Quan điểm ngoại giao này cũng thể hiện chủ nghĩa nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người đã tìm thấy bạn ngay trong các nước đi xâm lược. Bởi vậy, mà Người chủ trương chống thực dân, chống bọn xâm lược chứ không phải chống người Pháp, người Mỹ nói chung.

b) Hình thức đoàn kết quốc tế

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết quốc tế đối với cách mạng dân tộc, ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến việc thành lập các mặt trận. Đó là:

- *Chủ trương thành lập một liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung giữa 3 nước Đông Dương.*

Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, Người quyết định thành lập mặt trận riêng biệt, *Mặt trận độc lập đồng minh*, cho từng nước Việt Nam, Lào, Cao Miên, tiến tới thành lập Đông Dương độc lập đồng minh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành *Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào*, phối hợp, giúp đỡ nhau cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.

- *Thiết lập mặt trận trong phe dân chủ*

+ Người chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt theo tinh thần “vừa là đồng chí, vừa là anh em” với Trung Quốc, nước láng giềng có quan hệ lịch sử - văn hoá lâu đời với Việt Nam.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.124

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.124

+ Thực hiện đoàn kết với các dân tộc châu Á và châu Phi đang đấu tranh giành độc lập

Từ những năm 1920, cùng với việc sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức tại Trung Quốc. Đây là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức theo xu hướng vô sản, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Với sự kiện này, Người đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của *Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam*.

- *Thiết lập mặt trận đối với các lực lượng yêu chuộng hoà bình, công lý*

Trong những năm đấu tranh, Hồ Chí Minh đã tiến hành những hoạt động ngoại giao không mệt mỏi nhằm xây dựng các quan hệ với Mặt trận dân chủ và các lực lượng đồng minh chống phát xít, đoàn kết với nhân dân tiến bộ ở các nước trên thế giới, kể cả ở Mỹ và Pháp, hình thành *Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*.

Như vậy, tư tưởng đại đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng của Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: *Mặt trận đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào, Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam, Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ và thắng lợi to lớn của tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

3. Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết quốc tế

a) Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý có tình

- Đối với phong trào cộng sản công nhân quốc tế, dứt khoát giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

+ Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, để thực hiện đoàn kết thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thì đoàn kết giữa các Đảng là “điều kiện quan trọng để đảm bảo cho phong trào cộng sản và công nhân toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người”¹. Thực hiện sự đoàn kết đó cũng phải đứng vững trên lập trường

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 10, tr.235

của giai cấp công nhân, quán triệt sâu sắc những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

+ “*Có lý*” tức là phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới; đồng thời phải biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo, có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn của mỗi nước, mỗi đảng.

+ “*Có tình*” là sự cảm thông, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, chung mục tiêu đấu tranh; phải khắc phục tư tưởng “sô vanh”, nước lớn, áp đặt, hoặc dung các giải pháp về kinh tế, chính trị, ... để gây sức ép với nhau. Có tình còn đòi hỏi trong mọi vấn đề phải chờ đợi nhau để cùng nhận thức, cùng hành động vì lợi ích chung. Tôn trọng lợi ích của mỗi dân tộc, mỗi đảng nếu lợi ích đó không phương hại đến lợi ích chung, lợi ích của đảng khác, dân tộc khác.

+ “*Có lý, có tình*” vừa thể hiện nguyên tắc, vừa là một nội dung của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh - chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Nó có tác dụng to lớn trong việc củng cố khối đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân và tình đoàn kết trong nhân dân lao động.

- Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

+ Độc lập tự do cho mỗi dân tộc theo Hồ Chí Minh là quyền trời cho, là “lẽ phải không ai chôi cãi được”. Suốt cuộc đời mình, Người không chỉ đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn cho các dân tộc khác trên thế giới.

+ Trong quan hệ với các nước láng giềng cũng như các nước khác, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc gia, dân tộc trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó. Người cũng khẳng định nhất quán chính sách ngoại giao của Việt Nam là: “làm bạn với tất cả các nước dân chủ, không gây thù oán với một ai”¹.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.220

Nêu cao tư tưởng độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng và là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc mình, đồng thời thúc đẩy cho sự hiểu biết lẫn nhau, thực hiện đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới với Việt Nam vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước .

- Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ hoà bình trong công lý.

+ Gương cao ngọn cờ hoà bình và đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh xâm lược là tư tưởng bất di bất dịch của Hồ Chí Minh, nhưng đó phải là “một nền hoà bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ”¹. Người khẳng định: “Chính sách ngoại giao của Chính phủ Việt Nam thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hoà bình”², “thái độ của Việt Nam đối với những nước Á châu là thái độ anh em, đối với ngũ cường là thái độ bạn bè”³.

+ Chính quan điểm này của Hồ Chí Minh và lòng khao khát hoà bình của nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Bởi vậy, trong hai cuộc kháng chiến, dân tộc ta đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ to lớn của rất nhiều lực lượng yêu chuộng g hoà bình, nhờ vậy chúng ta đã làm nên những chiến thắng vẻ vang, lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Đánh giá vai trò và cống hiến của Hồ Chí Minh trong công tác tập hợp lực lượng cách mạng xây dựng khối đại đoàn kết, Rômét Chandra, nguyên Chủ tịch hoà bình thế giới cho rằng: “Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập, tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hoà bình và công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu, nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống lại đói nghèo, ở đó có ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao” (Rômét Chandra, Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại, báo Nhân Dân, ngày 21/5/1980).

b) Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb C TQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.66

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.136

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.136

- Nội lực luôn là nhân tố quyết định hàng đầu, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần “tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “muốn người khác giúp mình thì trước hết tự mình phải giúp lấy mình đã”. Người còn chỉ rõ “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì dân tộc đó không xứng đáng được độc lập”¹.

Trong quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh: *phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn...*

- Vì vậy, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn.

- Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chính nhờ thực hiện chính sách ngoại giao theo tư tưởng Hồ Chí Minh này mà chúng ta đã nhận được nhiều sự ủng hộ quý báu của rất nhiều nước và tổ chức trên thế giới.

KẾT LUẬN

1. Sáng tạo của Hồ Chí Minh trong tư tưởng về đại đoàn kết

- Đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cách mạng được Hồ Chí Minh đề ra từ rất sớm, trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, là cội nguồn sức mạnh làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, một đóng góp quan trọng vào kho tàng kinh nghiệm cách mạng thế giới.

- Nhận thức của Hồ Chí Minh về truyền thống đoàn kết của dân tộc và quan điểm về tập hợp lực lượng của chủ nghĩa Mác -Lênin.

+ Truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam xuất hiện cùng quá trình dựng nước và giữ nước. Đó là vốn quý của dân tộc ta chiến thắng hoạ xâm lăng và âm mưu đồng hoá của kẻ thù. Nhưng nó chỉ là đoàn kết một cách tự phát, thiếu lý luận khoa học, cách mạng chỉ đường.

+ Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin do những đặc điểm của thời đại mình đã chưa đánh giá đầy đủ vấn đề dân tộc và vấn đề đoàn kết dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Khẩu hiệu của Mác là: “Vô sản tất các nước đoàn kết lại”, Lênin phát triển trong điều kiện mới thành: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.522

- Hồ Chí Minh đã nâng truyền thống đoàn kết của dân tộc lên tầm cao mới: lấy lý luận Mác-Lênin dẫn đường dựa trên điều kiện thực tế của Việt Nam

+ Mở rộng khối đại đoàn kết với biên độ lớn.

+ Hiện thực hoá qua việc thành lập các mặt trận qua mỗi thời kỳ để tập hợp lực lượng cách mạng.

- Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã và đang chứng minh sức sống kỳ diệu của tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh. Trung thành và kiên định đi theo ngọn cờ đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, nghiên cứu để kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng này của Người là một trong những nhân tố quan trọng giúp chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành nhiệm vụ, góp phần nước Việt Nam độc lập, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong giai đoạn hiện nay.

- Trong công cuộc đổi mới đất nước, đại đoàn kết phải được củng cố và phát triển nhằm rửa được cái nhục đói nghèo và lạc hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới; khơi dậy tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, quyết tâm chấn hưng đất nước; phát huy tính năng động của mỗi người dân, của cả cộng đồng, khắc phục những mặt trái của kinh tế thị trường, giữ vững và phát huy nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc.

- Xây dựng Đảng cầm quyền thật sự trong sạch, vững mạnh; xây dựng một chế độ dân chủ, một Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; một hệ thống chính trị có hiệu quả và hiệu lực thực tế.

- Chủ động xác định rõ các bước hội nhập quốc tế, củng cố khối đoàn kết với mọi lực lượng tiến bộ trên thế giới vì mục tiêu hoà bình, độc lập, dân chủ và phát triển.

3. Ý nghĩa của việc học tập

+ Thấy rõ vai trò, sức mạnh to lớn của đại đoàn kết; tin tưởng vào tiềm năng cách mạng của quần chúng nhân dân.

+ Đóng góp sức mình vào xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; thật sự đoàn kết trong tập thể nhằm tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

ĐỀ TÀI THẢO LUẬN

Tại sao nói tư tưởng của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết không chỉ là chiến lược, sách lược, nghệ thuật cách mạng mà chủ yếu là đường lối cách mạng của Hồ Chí Minh?

Chương 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

- Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân

Dân chủ là khát vọng ngàn đời của con người. Nhân dân ta hàng ngàn năm nay sống dưới chế độ phong kiến và gần một trăm năm dưới chế độ thực dân đều không biết đến dân chủ, tự do.

- Dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ

+ “Dân là chủ” là muốn nói đến vị thế, quyền lực của dân trong bộ máy nhà nước; vai trò của nhân dân trong sự phát triển xã hội. Dân phải ở địa vị cao nhất của đất nước. Người nói: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”¹.

+ “Dân làm chủ” là đề cập đến năng lực và trách nhiệm của nhân dân. “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”².

+ Tuy Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền nhưng phải luôn lấy dân làm gốc. Nghĩa là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nhưng phải luôn để cho dân làm chủ và dân là chủ.

Hai vế của mệnh đề luôn đi đôi với nhau, thể hiện vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm của nhân dân.

Quan niệm đó của Hồ Chí Minh phản ánh đúng nội dung bản chất quan niệm dân chủ chung trên thế giới được hình thành từ xa xưa: quyền hành và lực lượng đều thuộc về nhân dân. Xã hội nào bảo đảm cho điều đó được thực thi thì đó là một xã hội thực sự dân chủ.

2. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội

- Dân chủ trong xã hội Việt Nam thể hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội..., trong đó dân chủ thể hiện trong lĩnh vực chính trị là quan trọng nhất và được biểu hiện tập trung trong hoạt động của Nhà nước do nhân dân thành lập, ủng hộ, xây dựng.

- *Điểm cốt lõi của dân chủ trong chính trị* là chế độ uỷ quyền của dân thông qua bầu cử, bằng phương thức dân chủ đại diện, bầu ra Chính phủ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Khi Chính phủ đó ra đời, nhiệm vụ chủ yếu cấp bách là phải thực hiện dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Đó là mục đích căn bản sâu xa của dân chủ trong chính trị.

- *Điểm cốt lõi của dân chủ trong kinh tế* là *vấn đề lợi ích*. Theo Hồ Chí Minh, Chính phủ là đầy tớ của nhân dân thì việc to, việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân với tinh thần “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”.

- Dân chủ còn thể hiện ở phương thức tổ chức xã hội, ở đó, người dân, cả trực tiếp lẫn gián tiếp qua dân chủ đại diện đều được tham chính. Thực

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.515

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 10, tr.251

hiện *dân chủ trong xã hội* đòi hỏi phải đảm bảo công bằng trong phân phối lợi ích và công bằng trong cơ hội phát triển, đảm bảo bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật.

- Hồ Chí Minh không chỉ coi dân chủ có ý nghĩa là một giá trị chung, là sản phẩm của văn minh nhân loại mà xem nó là lý tưởng phấn đấu của các dân tộc; nó không dừng lại với tư cách như là một thiết chế xã hội của một quốc gia mà còn có ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế. Đó là dân chủ, bình đẳng trong mọi tổ chức quốc tế, là nguyên tắc ứng xử trong mọi quan hệ quốc tế.

3. Thực hành dân chủ

Thực hành dân chủ là một vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi vì dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Dân chủ càng được đảm bảo thì cách mạng mới thành công và thành công triệt để. Vì vậy phải:

a. Xây dựng và hoàn thiện các thiết chế đảm bảo dân chủ rộng rãi

- Ngay trong Chương trình của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), Hồ Chí Minh đã xây dựng một chương trình thực hiện mục tiêu dân chủ, xác định rõ quyền và trách nhiệm của nhân dân tr ước vận mệnh của nước nhà, gắn độc lập, tự do của tổ quốc với quyền lợi của từng người dân.

- Các bản Hiến pháp của nước Việt Nam mới (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959) thể hiện rõ và thấm đẫm nhất tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh. Điều 6 của Hiến pháp năm 1959 ghi rõ: “Tất cả các cơ quan Nhà nước phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Tất cả các nhân viên nhà nước đều phải trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, tuân theo Hiến pháp và pháp luật, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân”¹.

Người chú trọng đảm bảo quyền lực của các giai cấp, tầng lớp, các cộng đồng dân tộc trong thể chế chính trị nước ta.

b. Xây dựng các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh để đảm bảo dân chủ trong xã hội

Trong việc xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chú trọng tới việc xây dựng các tổ chức đảm bảo dân chủ trong xã hội:

1. Hiến pháp Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.29

- Xây dựng Đảng với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước và lãnh đạo toàn xã hội;

- Xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân;

- Xây dựng Mặt trận với vai trò là liên minh chính trị tự nguyện của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội vì mục tiêu chung là sự phát triển của đất nước;

- Xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi khác của nhân dân

Trong đó, quan điểm nhất quán của Người là có đảm bảo và phát huy dân chủ trong Đảng thì mới đảm bảo được dân chủ của toàn xã hội.

II. QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân

Nếu vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền thì vấn đề cơ bản của chính quyền là ở chỗ nó thuộc về ai, phục vụ quyền lợi cho ai.

Năm 1927, trong cuốn “Đường Kách Mệnh” Bác chỉ rõ: “Chúng ta đã hy sinh làm kách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao kách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”.

Sau khi giành độc lập, Người khẳng định, “nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân... nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

Đó là điểm khác nhau giữa nhà nước ta với nhà nước bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử.

a) Nhà nước của dân

- *Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân.*

Điều 1 Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (Năm 1946) nói: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”.

- *Nhân dân có quyền quyết định những vấn đề liên quan đến vận mệnh quốc gia, dân tộc.*

Điều 32 (Hiến pháp 1946 quy định: “Những việc liên quan đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết...”, thực chất đó là chế độ trưng cầu dân ý, một hình thức dân chủ đề ra khá sớm ở nước ta.

Hoặc khi dân bầu ra các đại biểu, uỷ quyền cho họ bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh, thì nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu họ không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

- *Nhà nước của dân thì dân là chủ*, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền làm những việc pháp luật không cấm và có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời, là người chủ cũng phải thể hiện năng lực, trách nhiệm làm chủ của mình.

Nhà nước phải bằng mọi nỗ lực, hình thành thiết chế dân chủ để thực thi quyền làm chủ của người dân. Những vị đại diện do dân cử ra chỉ là thừa uỷ quyền của dân, là “công bộc” của dân; phải làm đúng chức trách và vị thế của mình, không phải đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cậy thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

b. Nhà nước do dân

- *Nhà nước phải do dân lựa chọn, bầu ra những đại biểu của mình*

Nhà nước đó do dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để nhà nước chi tiêu, hoạt động, vận hành bộ máy để phục vụ nhân dân.

Nhà nước đó do dân phê bình, xây dựng, giúp đỡ.

Nhà nước do dân tạo ra và tham gia quản lý, thể hiện ở chỗ:

+ Toàn bộ công dân bầu ra Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp.

+ Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ (nay gọi là Chính phủ).

+ Hội đồng Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và chấp hành pháp luật.

+ Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lý xã hội đều thực hiện ý chí của dân (Thông qua Quốc hội do dân bầu ra).

- Do đó, *Hồ Chí Minh yêu cầu tất cả các cơ quan nhà nước là phải dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân*. Người nói: “Nếu chính phủ làm hại dân thì dân có quyền

đuổi chính phủ”, nghĩa là khi cơ quan nhà nước không đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của nhân dân thì nhân dân có quyền bãi miễn nó. Hồ Chí Minh khẳng định: mỗi người có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần” vì quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ.

c. Nhà nước vì dân

- Đó là Nhà nước *phục vụ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính*. Trong nhà nước đó, cán bộ từ chủ tịch trở xuống đều là công bộc của dân.

- Mọi hoạt động của chính quyền phải nhằm mục tiêu mang lại quyền lợi cho nhân dân và lấy con người làm mục tiêu phấn đấu lâu dài. Trách nhiệm của Nhà nước là nhằm thoả mãn những nhu cầu thiết yếu của nhân dân, mà trước hết là:

“Làm cho dân có ăn
Làm cho dân có mặc
Làm cho dân có chỗ ở
Làm cho dân có học hành”¹

“Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm,
Việc gì có hại đến dân ta phải hết sức tránh”²

- Hồ Chí Minh chú ý mối quan hệ giữa *người chủ* nhà nước là nhân dân với *cán bộ* nhà nước là *công bộc* của dân, do dân bầu ra, được nhân dân uỷ quyền. Là người phục vụ, nhưng *cán bộ nhà nước đồng thời là người lãnh đạo, hướng dẫn nhân dân*. “Nếu không có nhân dân thì chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường”. Cán bộ là đày tớ của nhân dân là phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính...; là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi với dân, trọng dụng hiền tài... *Cán bộ phải vừa có đức vừa có tài, vừa hiền lại vừa minh*.

Hồ Chí Minh là người Chủ tịch suốt đời vì dân. Người tâm sự: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc, và hạnh phúc của nhân dân.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.152

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.57

Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc vào chôn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó.

Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, uỷ thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhần nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó”.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

Quán triệt lý luận về nhà nước của chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết về tính giai cấp, tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước cách mạng Việt Nam: “Tính chất nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến Pháp. Đó là nội dung giai cấp của chính quyền. Chính quyền về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai? Điều đó quyết định toàn bộ nội dung của Hiến Pháp...”

Nhà nước của ta là nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công - nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”¹.

a. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ ra rằng: nhà nước là một phạm trù lịch sử, là sản phẩm tất yếu của xã hội có giai cấp, nó bao giờ cũng mang một giai cấp nhất định, không có nhà nước phi giai cấp, nhà nước đứng trên giai cấp.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được coi là nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “nhà nước toàn dân” hiểu theo nghĩa nhà nước phi giai cấp. Theo Hồ Chí Minh, *Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân*.

Điều này được thể hiện:

- *Nhà nước ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.*

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước là:

+ Đảng lãnh đạo bằng những chủ trương, đường lối, quan điểm để Nhà nước thể chế hoá thành pháp luật, chính sách, kế hoạch.

+ Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan Nhà nước.

+ Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.586

- *Bản chất giai cấp còn thể hiện ở định hướng đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội*. Như Người đã xác định: “Bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”.

- *Bản chất giai cấp của nhà nước ta còn thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản là nguyên tắc tập trung dân chủ*. Hồ Chí Minh rất chú ý đến tính dân chủ trong tổ chức và hoạt động của tất cả cơ quan nhà nước, nhấn mạnh đến việc phát huy cao độ dân chủ, đồng thời phải phát huy cao độ tập trung.

Người nói: “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ... mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời, phải tập trung cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Bên cạnh dân chủ, Bác cũng nhắc đến chuyên chính, “chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là ai chuyên chính với ai?”. “Dân chủ là của quý báu của nhân dân, chuyên chính là cái khoá, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại... dân chủ cũng cần chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ”.

b. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

- *Tính dân tộc và tính nhân dân:*

+ *Tính nhân dân* của nhà nước ta biểu hiện tập trung ở chỗ đó là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tính nhân dân biểu hiện cụ thể trong cơ cấu tham chính, với sự có mặt rộng rãi của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, từ nông dân, công nhân, trí thức, phụ nữ, tôn giáo, dân tộc, kể cả công chức, quan lại cũ tiến bộ, không phân biệt nguồn gốc, miễn là thành thật hợp tác, vì quyền lợi của dân tộc.

+ *Tính dân tộc* của nhà nước ta được thể hiện trước hết ở chỗ Nhà nước thay mặt nhân dân thực thi chủ quyền dân tộc, đấu tranh cho lợi ích của dân tộc, đấu tranh với mọi xu hướng đi ngược lại lợi ích của dân tộc.

Tính dân tộc còn thể hiện sâu sắc ở chỗ, nguồn gốc sức mạnh của Nhà nước ta là khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng; Nhà nước luôn hoạt động vì lợi ích quốc gia, của dân

tộc, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và có chính sách đúng đắn để giải quyết vấn đề dân tộc.

- *Cơ sở khách quan đảm bảo tính thống nhất này chính là ở chỗ giai cấp công nhân lãnh đạo Nhà nước*, mà “quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc là một”¹. Giai cấp công nhân không có lợi ích nào khác lợi ích của dân tộc, của nhân dân và chỉ có giải phóng dân tộc mới giải phóng được giai cấp công nhân một cách triệt để.

- *Mối quan hệ biện chứng bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước* thể hiện ở chỗ:

+ Nhà nước ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam từ quá trình dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc.

+ Nhà nước ta lấy lợi ích của dân tộc làm nền tảng và bảo vệ lợi ích cho nhân dân. Chính phủ do Hồ Chí Minh đứng đầu luôn là Chính Phủ đại đoàn kết dân tộc.

+ Trong thực tế, Nhà nước ta khi vừa mới ra đời đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

3. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

Tư tưởng về một nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ là giá trị đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó thể hiện ở một số nội dung chính sau đây:

a. Xây dựng một nhà nước hợp pháp, hợp hiến

- Ngay sau khi giành chính quyền, Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với quốc dân đồng bào và với thế giới ***khai sinh*** nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhờ đó, Chính phủ lâm thời có địa vị hợp pháp và *Tuyên ngôn độc lập* trở thành một văn bản pháp lý nổi tiếng.

- Sau đó, Người bắt tay xây dựng hiến pháp dân chủ, tổ chức TỔNG TUYÊN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu, thành lập Ủy ban dự thảo Hiến

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.175

pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cuối năm 1946, Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Đây là *Chính phủ hợp hiến đầu tiên* do nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết các vấn đề đối nội và đối ngoại. (vì vậy, quân đội Tưởng và đại diện Đồng minh khi vào Việt Nam đã phải làm việc với Chính phủ Hồ Chí Minh).

b. Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống

- Theo Hồ Chí Minh, nhà nước dân chủ Việt Nam không thể thiếu pháp luật. Vì pháp luật là *bà đỡ* cho dân chủ. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hoá bằng hiến pháp và pháp luật; và ngược lại, hệ thống pháp luật phải đảm bảo cho quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

- Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa đảm bảo được việc thực thi quyền lực của nhân dân.

+ Năm 1919, Người đã khẳng định vai trò của pháp luật là: Trăm điều phải có thần linh pháp quyền.

+ Người có công lớn trong sự nghiệp lập hiến, lập pháp của nước ta. Người luôn chăm lo hoàn thiện hệ thống pháp luật. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp 1946 và 1959), đã ký công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật khác. (Theo tài liệu của Viện nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, tháng 3 - 1993).

- *Phải đưa pháp luật vào đời sống một cách sâu rộng.*

Theo Người, công bố luật mới chỉ là bước đầu, phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện luật được tốt. Những biện pháp cơ bản cần làm là:

+ Cán bộ nhà nước phải là gương về tuân thủ pháp luật (trước hết là cá nhân bộ trong ngành tư pháp và hành pháp).

+ Coi trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển văn hoá chính trị và tính tích cực công dân; khuyến khích nhân dân tham gia vào công việc của nhà nước, phê bình, giám sát công việc của nhà nước, khắc phục mọi thứ dân chủ hình thức, “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền

dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”¹.

+ Pháp luật phải xét xử công bằng, nghiêm minh, “phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề gì”².

c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài

- Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức. Người coi cán bộ nói chung “là cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”.

- Người quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vừa có đức, vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý và hoạt động có hiệu quả. Những tiêu chuẩn của đội ngũ này, theo Người là:

+ Tuyệt đối trung thành với cách mạng.

+ Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Hồ Chí Minh hiểu rõ xu hướng quan liêu hoá khó tránh khỏi của bộ máy nhà nước, nên Người luôn nhắc nhở công chức nhà nước phải gần dân, trọng dân, không được “lên mặt quan cách mạng” với dân, phải lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Chỉ có trí tuệ và lòng dân mới có thể làm cho chính quyền trở nên mạnh mẽ, sáng suốt.

+ Cán bộ công chức là những người dám phụ trách, dám qu yết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, “thắng không kiêu, bại không nản”.

+ Phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của nhà nước.

- Các biện pháp cơ bản trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức;

+ Đẩy mạnh đào tạo;

+ Tìm kiếm nhân tài;

+ Biết sử dụng cán bộ vào đúng nội dung và tài năng của họ;

+ Xây dựng quy chế công chức và tổ chức thi tuyển công chức.

- Để đảm bảo công bằng và dân chủ trong tuyển dụng cán bộ nhà nước, Người ký sắc lệnh ban hành Quy chế công chức. Công chức theo chế độ chức nghiệp, vì vậy phải qua thi tuyển công chức để bổ nhiệm vào

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 12, tr.223

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.641

ngạch, bậc hành chính. **Nội dung thi tuyển khá toàn diện bao gồm 6 môn thi:** chính trị, kinh tế, pháp luật, địa lý, lịch sử và ngoại ngữ. Điều này thể hiện tầm nhìn xa, tính chính quy hiện đại, tinh thần công bằng dân chủ ... của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền móng cho pháp quyền Việt Nam.

4. Xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

a. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

Xây dựng một Nhà nước của dân, do dân, vì dân không bao giờ tách rời với việc làm cho Nhà nước luôn luôn trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình lãnh đạo Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh thường chỉ rõ những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng, khắc phục:

- Đặc quyền, đặc lợi

Phải chống thói cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, lợi dụng chức quyền để vơ vét cho cá nhân.

- Tham ô, lãng phí, quan liêu

Hồ Chí Minh coi đây là những “giặc nội xâm”, “giặc trong lòng”, thứ giặc còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm. Quan điểm của Người là: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù có ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”¹.

Mác và Ăngghen đã từng cảnh tỉnh giai cấp vô sản rằng chủ nghĩa quan liêu có thể dẫn các đảng cộng sản cầm quyền đến chỗ “đánh mất một lần nữa chính quyền vừa giành được”. Lênin cũng viết “... chúng ta bị khốn khổ trước hết về tệ quan liêu. Những người cộng sản đã trở thành tên quan liêu. Nếu có cái gì sẽ làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó”.

Vì vậy không thể nói đến một nhà nước trong sạch vững mạnh, hiệu quả nếu không kiên quyết, thường xuyên đẩy mạnh cuộc đấu tranh để ngăn chặn tận gốc những nguyên nhân gây ra nạn tham ô, lãng phí, quan liêu.

- Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr. 490

Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè kéo cánh, tệ nạn bà con bạn hữu mình không tài cán gì cũng kéo vào chức này, chức nọ; còn những người có tài, có đức nhưng không vừa lòng mình thì trừ dập, đẩy ra ngoài. Đó là những hành động gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác.

b. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

- Đạo đức và pháp luật vốn có quan hệ khăng khít với nhau, luôn kết hợp, bổ sung cho nhau trong điều chỉnh hoạt động của con người.

Do tập quán của dân ta là kinh tế tiểu nông nên muốn hình thành ngay một nhà nước pháp quyền là chưa được. Vì vậy, một mặt phải nhấn mạnh vai trò của luật pháp, đồng thời tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân nhất là *giáo dục đạo đức*.

- Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật với phát huy những truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam được hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử.

“Phép trị nước” của Hồ Chí Minh là kết hợp cả “pháp trị” và “đức trị - nhân trị”; “pháp trị” rất nghiêm khắc, công minh và “đức trị - nhân trị” cũng rất tình người, bao dung, thấu tình đạt lý.

Ví dụ: Trong Quốc lệnh do Người ban hành ngày 26/1/1946, đã đưa ra 10 điều khen thưởng (đức trị) và 10 hình phạt (pháp trị). Trong 10 điều khen thưởng, Điều 3 “Ai vì nước hi sinh sẽ được thưởng”, Điều 5 “Ai làm việc công một cách trong sạch, ngay thẳng sẽ được thưởng”, Điều 6 “Ai làm việc gì có lợi cho nước nhà, dân tộc và được dân chúng mến phục sẽ được thưởng”. Trong 10 điều hình phạt, Điều 1 “Thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử”, Điều 6 “Để cho bộ đội hại dân sẽ bị xử tử”, Điều 8 “Trộm cắp của công sẽ bị xử tử”.

Thực tế đó cho thấy rằng, Hồ Chí Minh là một nhà lập pháp sắc sảo, đồng thời là một nhà hành pháp nghiêm minh. Pháp quyền trong tư tưởng của Người là *pháp quyền nhân nghĩa* rất đặc sắc.

KẾT LUẬN

1. Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh

- Từ việc nghiên cứu kỹ các mô hình nhà nước trong lịch sử dân tộc cũng như trên thế giới, Người đã lựa chọn một mô hình nhà nước phù hợp

với thực tế của Việt Nam. Đó là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tư tưởng về nhà nước của dân, do dân, vì dân là một công hiến về lý luận và thực tiễn to lớn và đặc sắc của Hồ Chí Minh.

- Ngoài ra, trong tư tưởng về xây dựng nhà nước kiểu mới, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ:

+ Bản chất dân chủ triệt để của nó.

+ Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

+ Kết hợp cả đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân vào việc xây dựng nền dân chủ và Nhà nước kiểu mới ở nước ta hiện nay.

a) Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân

Nhà nước phải đảm bảo quyền làm chủ thật sự của nhân dân trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Trong vấn đề này, việc mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng. Chính vì vậy, quyền làm chủ của nhân dân phải được thể chế hoá bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa Hiến pháp và pháp luật vào cuộc sống.

b) Kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước

Kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng dân chủ, trong sạch, vững mạnh, phục vụ đắc lực cho nhân dân và công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Kiên quyết khắc phục thói quan liêu, hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, tham nhũng, bộ máy chồng chéo, kém hiệu lực. Chú trọng và tiến hành thường xuyên công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức.

c) Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thể hiện ở những nội dung như: Lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng; đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bằng cách Đảng lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức, bộ máy của Đảng trong các cơ quan Nhà nước, bằng vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên trong bộ máy Nhà nước, bằng công tác thanh tra, kiểm tra, Đảng không làm thay công việc

quản lý của Nhà nước.

3. Ý nghĩa của việc học tập

- Thấy được vai trò của Hồ Chí Minh trong việc khơi nguồn dân chủ và xác lập nhà nước kiểu mới Việt Nam.

- Nhận thức được bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta.

- Có thái độ đúng đắn trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, tham gia xây dựng Nhà nước ta ngày càng trong sạch, sáng suốt, mạnh mẽ.

ĐỀ TÀI THẢO LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân đã thể hiện đầy đủ nhất triết lý của Người về dân chủ?.

Chương 7: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ

Nói văn hóa Hồ Chí Minh là nói đến những hoạt động và công hiến sáng tạo của một vĩ nhân trong cuộc đấu tranh vì con người, cho con người và giải phóng con người khỏi sự bần cùng, áp bức, sự tha hóa ở thế kỷ XX. Đó cũng chính là những giá trị nhân văn cao quý trong sự nghiệp hoạt động và sáng tạo văn hóa của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh được UNESCO thừa nhận là nhà văn hóa kiệt xuất, vì:

1. Hồ Chí Minh là người có học vấn uyên thâm, uyên bác, tích tụ nhiều lĩnh vực, biết nhiều nền văn hóa: Nói chuyện được với mọi tầng lớp trong xã hội như nông dân, chính khách, nhà khoa học... Những đối tượng khi được tiếp xúc với Người dù là ai thì bao giờ cũng có những nhận thức mới về thế giới (đặc biệt Người nói chuyện bằng ngôn ngữ chính của đối tượng; Người thông thạo được nhiều thứ tiếng: Trung, Pháp, Anh, Nga, Đức, Ý, Tây Ban Nha,..).

2. Hồ Chí Minh là người để lại dấu ấn sâu đậm trong quá trình phát triển của xã hội loài người ở thế kỷ XX đã góp phần làm phong phú phát triển các giá trị chung của nhân loại:

- Có công trong nghiên cứu bản chất của CNTD và chỉ cho nhân loại con đường thoát khỏi hiện tượng phản tiến bộ, phản văn hóa đó.

- Đã tạo ra một cách làm giáo dục để nâng cao trình độ dân trí cho dân cư, trình độ cho toàn xã hội (xã hội học tập, học tập suốt đời, xã hội hóa giáo dục.).

- Là người đặt nền móng cho sự xuất hiện một loại hình văn hóa mới, đó là văn hóa sinh thái (1950) trước nhân loại khoảng 20 năm.

3. Hồ Chí Minh đã có đóng góp toàn diện trong các lĩnh vực văn hóa cụ thể:

- Là một nhà văn (có 27 sáng tác văn xuôi).

- Là một nhà thơ (có trên 200 bài thơ).

- Là một nhà báo (có trên 2000 bài báo), bài đầu tiên được đăng tháng 8 năm 1919 và bài cuối cùng là tháng 6 năm 1969, có trên 100 bút danh.

4. Hồ Chí Minh kết tinh được những giá trị truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam:

- Giá trị truyền thống nhân nghĩa.

- Giá trị khoan dung của Việt Nam.

- Văn hóa ứng xử của người Việt Nam: biết Biền-Hóa-Dùng; ứng xử với con người, biết mình, biết người, biết thời, biết dừng, biết biến.

5. Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa kiệt xuất bởi vì Người là mẫu mực của tinh thần khoan dung văn hóa.

6. Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa kiệt xuất bởi vì Người là hiện thân rực rỡ của văn hóa hòa bình, của đường lối ngoại giao hòa bình, đối thoại giữa các dân tộc trong giải quyết mâu thuẫn nhằm xích lại gần nhau để hợp tác trong một cộng đồng thống nhất, và cái cao nhất là chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu Hồ Chí Minh.

1. Khái niệm văn hoá theo tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Định nghĩa về văn hoá

Khái niệm văn hoá có nội hàm phong phú và ngoại diên rất rộng. Chính vì vậy mà có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hoá. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm văn hoá được hiểu theo cả 3 nghĩa *rộng*, *hẹp* và *rất hẹp*.

- Theo nghĩa *rộng*, Hồ Chí Minh nêu văn hoá là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời

đó cũng là mục đích của cuộc sống loài người .

Tháng 8/1943, khi còn trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, lần đầu tiên Hồ Chí Minh đưa ra định nghĩa của mình về văn hoá. Và định nghĩa của Người có rất nhiều điểm gần với quan niệm hiện đại về văn hoá. Người viết:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Định nghĩa của Hồ Chí Minh đã khắc phục những quan niệm phiến diện về văn hoá trong lịch sử và hiện tại.

- *Theo nghĩa hẹp*, văn hóa là những giá trị tinh thần. Người viết: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng” (Báo cứu quốc 8.1945).

- *Theo nghĩa rất hẹp*, văn hóa đơn giản là trình độ học vấn của con người, thể hiện ở việc Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người phải đi học văn hóa”, xóa mù chữ,...

b. Quan điểm về xây dựng một nền văn hoá mới

Theo Người, nền văn hoá dân tộc phải được xây dựng trên 5 điểm lớn sau đây:

“(1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

(2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

(3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

(4) Xây dựng chính trị: dân quyền.

(5) Xây dựng kinh tế”².

Muốn xây dựng nền văn hoá dân tộc thì phải xây dựng trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tâm lý con người.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 3, tr.431

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 3, tr.431

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá

a. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hoá trong đời sống xã hội

- Một là, văn hoá là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng

Hồ Chí Minh đặt văn hoá ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành 4 vấn đề chính của đời sống và chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau.

+ Trong đó, chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Ngược lại, chính trị giải phóng sẽ mở đường cho văn hoá phát triển. Người nói: “Xã hội thế nào thì văn hoá thế ấy. Văn nghệ của ta rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn, không thể phát triển được”¹.

Phải tiến hành cách mạng chính trị trước, cụ thể là cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, từ đó giải phóng văn hoá, mở đường cho văn hoá phát triển.

+ Trong quan hệ với kinh tế thì, kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hoá. Cho nên, phải chú trọng xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng để có điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hoá. Kinh tế phải đi trước một bước .

- Hai là, văn hoá không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.

Hồ Chí Minh cho rằng, văn hoá có tính tích cực, chủ động, nó đóng vai trò như một động lực to lớn thúc đẩy kinh tế và chính trị phát triển. Người khẳng định: “Trình độ văn hoá của nhân dân lên cao sẽ giúp cho chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ, cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”².

+ “Văn hoá ở trong chính trị” tức là văn hoá phải tham gia nhiệm vụ chính trị, tham gia cách mạng, kháng chiến và xây dựng CNXH.

+ “Văn hoá ở trong kinh tế” tức là văn hoá phải phục vụ, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 7, tr 434

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.281

+ “Văn hoá ở trong kinh tế và chính trị” cũng có nghĩa là chính trị và kinh tế phải có tính văn hoá.

Trong kháng chiến chống Pháp, quan điểm “Văn hoá cũng là một mặt trận”; “Kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến” mà Người đưa ra đã tạo nên một phong trào văn hoá, văn nghệ sôi động, đem lại sức mạnh vượt trội cho nhân dân Việt Nam đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ.

b. Quan điểm về tính chất của nền văn hoá

Sự khác nhau giữa nền văn hóa mới Việt Nam và nền văn hóa cũ trước hết ở tính chất cơ bản của nó. Nền văn hóa cũ mang tính chất *nô dịch, ngu dân* đã được Hồ Chí Minh phân tích, tố cáo, lên án trong nhiều bài viết, nhất là trong “Bản án chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương”.

Mặc dù có nhiều cách diễn đạt khác nhau, song, nền văn hoá mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh luôn bao hàm 3 tính chất: *tính dân tộc, tính khoa học, tính đại chúng*

- *Tính dân tộc* của nền văn hoá được Hồ Chí Minh diễn đạt bằng nhiều khái niệm như: đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc.

+ Đó chính là cái tinh túy, là chiều sâu bản sắc đặc trưng riêng của văn hoá dân tộc.

+ Tính dân tộc không chỉ thể hiện ở chỗ biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mà còn phát triển những truyền thống văn hoá tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước.

- *Tính khoa học* của nền văn hoá thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hoá của thời đại. Đó là: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Người nói: “Nay nước ta đã được độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có *một nền văn hóa hợp với khoa học* và hợp với cả nguyện vọng của nhân dân”.

Phải kiên quyết đấu tranh chống những gì trái với khoa học, phản tiến bộ. Những người làm văn hoá phải có trí tuệ, hiểu biết khoa học tiên tiến, phải có chiến lược xây dựng văn hoá mang tầm thời đại.

- *Tính đại chúng* của nền văn hoá thể hiện ở chỗ nền văn hoá ấy phải phục vụ nhân dân, phù hợp nguyện vọng của nhân dân và do nhân dân xây

dựng nên, đậm đà tính nhân văn.

Hồ Chí Minh nói: “Văn hoá phục vụ ai? Cố nhiên, chúng ta phải nói phục vụ công nông binh, tức là phục vụ đại đa số nhân dân”; “Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa...”¹.

Tại Hội nghị những người tích cực làm công tác văn hóa quần chúng (2/1960), Người khẳng định: “Văn hóa phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng”.

Tính đại chúng của văn hóa đòi hỏi các nhà hoạt động văn hóa phải tăng cường liên hệ với thực tế, đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, vừa để phản ánh tâm tư, nguyện vọng và cuộc sống của nhân dân, vừa để đem ánh sáng văn hóa đến với mọi người, mọi nhà.

c. Quan điểm về chức năng của văn hoá

- Một là, bồi dưỡng những tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp

Tư tưởng và tình cảm là hai vấn đề chủ yếu nhất trong đời sống tinh thần của con người. Tư tưởng có thể đúng đắn hoặc sai lầm, tình cảm có thể thấp hèn hoặc cao đẹp. Chức năng cao quý nhất của văn hóa là phải bồi dưỡng, nêu cao những tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho nhân dân, loại bỏ những sai lầm hoặc thấp hèn có thể có trong tư tưởng và tình cảm của mỗi người.

Trong diễn văn khai mạc Hội nghị văn hoá toàn quốc (24 - 11 - 1946), Hồ Chí Minh nêu rõ: Văn hoá phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập tự do. Đồng thời, văn hoá phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng.

+ *Lý tưởng* mà Hồ Chí Minh xác định cho Đảng và nhân dân ta là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ *Tình cảm lớn*, theo Người là lòng yêu nước, thương dân, thương yêu con người, yêu tính trung thực, chân thành, thủy chung, ghét những thói hư, tật xấu, sự sa đọa, căm thù mọi thứ “giặc nội xâm”...

- Hai là, mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr 249-250

+ Nói đến văn hoá phải nói đến dân trí. Đó là trình độ hiểu biết, vốn tri thức của người dân. Nâng cao dân trí phải bắt đầu từ chỗ biết đọc, biết viết đến chỗ hiểu biết các lĩnh vực khác của đời sống. Người nói: “mọi người phải hiểu biết quyền lợi của mình... phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”.

+ Nâng cao dân trí nhằm phục vụ cho mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao dân trí là để nhân dân có thể tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn hoá, góp phần cùng Đảng “biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui hạnh phúc”¹. Đó cũng là mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” mà Đảng ta vạch ra trong công cuộc đổi mới.

- *Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh; hướng con người tới chân, thiện, mỹ để không ngừng hoàn thiện bản thân.*

Phẩm chất và phong cách được hình thành từ đạo đức, lối sống, từ thói quen của cá nhân và phong tục tập quán của cả cộng đồng. Tùy vào yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, Hồ Chí Minh đề ra những phẩm chất và phong cách cần thiết để mọi người tự tu dưỡng.

Người chỉ rõ: phải làm thế nào cho văn hoá *thấm sâu vào tâm lý quốc dân*, nghĩa là văn hoá phải *sửa đổi được những tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ*; văn hoá phải *soi đường cho quốc dân đi*.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực của văn hoá

a. Văn hoá giáo dục

- Người phê phán nền giáo dục phong kiến là nền giáo dục kinh viện xa rời thực tiễn, coi kinh sách của thánh hiền là đỉnh cao của tri thức. Giáo dục phong kiến hướng tới kẻ sỹ, người quân tử, bậc trượng phu, phụ nữ bị tước quyền học hành. Trong nền giáo dục thực dân, không mở mang trí tuệ, thực hiện ngu dân. Đó là nền văn hoá đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát.

- Nền giáo dục của nước Việt Nam sau khi được độc lập là nền giáo dục mới. Nền giáo dục đó sẽ “...làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.494

cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập”¹

- Trong quá trình xây dựng nền văn hóa giáo dục ở Việt Nam, Người đã đưa ra hệ thống quan điểm định hướng cho nền Giáo dục Việt Nam: Giáo dục toàn diện; Giáo dục tiên tiến; Giáo dục toàn dân; Giáo dục nhằm đào tạo con người mới XHCN.

+ *Mục tiêu* của văn hoá giáo dục là thực hiện cả ba chức năng của văn hoá bằng dạy và học. Đó là:

Đào tạo những con người mới vừa có đức vừa có tài; học để làm việc, làm người, làm cán bộ; “cải tạo trí thức cũ”, “đào tạo trí thức mới”; “công nông hoá trí thức”, “trí thức hoá công nông”, xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng đông đảo, trình độ ngày càng cao.

Đào tạo những lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng xây dựng đất nước giàu mạnh và văn minh; mở mang dân trí từ việc xoá nạn mù chữ, chống giặc đói, kết hợp phổ cập và nâng cao, đưa Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu.

Để thực hiện phải tiến hành cải cách giáo dục để xây dựng hệ thống trường, lớp với *chương trình và nội dung dạy học thật khoa học, hợp lý, phù hợp với bước phát triển của đất nước*.

+ *Nội dung giáo dục*: bao gồm cả văn hóa, chính trị, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp, lao động... Nghĩa là phải thực hiện giáo dục toàn diện.

+ *Phương châm, phương pháp giáo dục*:

Phải luôn gắn giáo dục với thực tiễn Việt Nam, *học đi đôi với hành*, học kết hợp với lao động sản xuất. Giáo dục phải có tính định hướng đúng đắn, rõ ràng, thiết thực, phối hợp nhà trường với gia đình và xã hội. Phải tạo môi trường giáo dục lành mạnh, bình đẳng, dân chủ, trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò.

Học ở mọi nơi, mọi lúc, học mọi người; học suốt đời; coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại; “học không biết chán, học không bao giờ đủ, còn sống còn phải học”.

Phương pháp giáo dục phải bám chắc vào mục tiêu giáo dục.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 4, trang 8.

b. Văn hoá văn nghệ

Văn nghệ là biểu hiện tập trung nhất của nền văn hoá, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Trong quá trình chỉ đạo xây dựng nền văn nghệ cách mạng, Hồ Chí Minh đã đưa ra 3 quan điểm lớn sau đây:

- *Một là, văn hoá - văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng.*

+ Hồ Chí Minh coi mặt trận văn hoá cũng có tầm quan trọng như mặt trận quân sự, chính trị, văn hoá. Đó là một cuộc chiến không lờ giữa chính và tà, giữa cách mạng và phản cách mạng. Cuộc chiến đó sẽ rất quyết liệt, lâu dài nhưng cũng rất vẻ vang.

+ Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ vẻ vang đó, Hồ Chủ tịch yêu cầu “chiến sĩ nghệ thuật cần có *lập trường vững vàng, tư tưởng đúng... đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết*”¹.

Quan điểm của Người đã tạo nên một nền văn nghệ cách mạng và đội ngũ các nghệ sĩ cách mạng. Nó đặt văn nghệ của ta vào vị trí tiên phong chống đế quốc thực dân của thế kỷ XX.

- *Hai là, văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống của nhân dân.*

+ Thực tiễn đời sống của nhân dân rất phong phú, bao gồm thực tiễn lao động sản xuất, chiến đấu, sinh hoạt và xây dựng đời sống mới. Đây là nguồn nhựa sống, là sinh khí và chất liệu vô tận cho văn nghệ sáng tác. *Văn nghệ vừa phải phản ánh thực tiễn ấy, vừa hướng cho nhân dân thúc đẩy sự phát triển của thực tiễn ấy theo quy luật của cái đẹp.*

+ Hồ Chí Minh yêu cầu các văn nghệ sĩ phải “thật hoà mình vào quần chúng”, phải “tìm trong quần chúng ra, trở về nơi quần chúng”, phải “liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân”², để hiểu thấu tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân, học tập nhân dân và “miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn”.

Quan điểm trên của Hồ Chí Minh đã mang lại cho nền văn nghệ cách mạng ở ta tính dân tộc, tính nhân dân và tính hiện thực sâu sắc.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.368

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.368

- *Ba là, phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới của đất nước, của dân tộc.*

+ Một tác phẩm hay là tác phẩm *diễn đạt đầy đủ* những điều đáng nói, ai đọc cũng *hiểu được* và khi đọc xong phải *suy ngẫm*. Tác phẩm đó phải kế thừa những tinh hoa văn hoá dân tộc, mang được hơi thở của thời đại, phản ánh chân thật những gì có trong đời sống, vừa phê phán cái dở, cái xấu, cái sai, hướng nhân dân tới cái chân, cái thiện, cái mỹ, vươn tới cái lý tưởng. Đó chính là sự phản ánh có *tính hướng đích* của văn nghệ. Chính điều đó mở đường cho sáng tạo không giới hạn của văn nghệ sĩ.

+ Để thực hiện tính hướng đích đó thì các tác phẩm văn nghệ phải chân thực về nội dung, đa dạng, phong phú về hình thức và thể loại. Người nói: “Quần chúng mong muốn những tác phẩm có nội dung chân thật và phong phú, có hình thức trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có bổ ích”¹. “Cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi. Cũng như vào vườn hoa, cần cho mọi người thấy nhiều loại hoa đẹp”.

c. Văn hoá đời sống

Văn hoá đời sống thực chất là đời sống mới. Xây dựng đời sống mới là một quan điểm độc đáo của Hồ Chí Minh về văn hoá. Đời sống mới bao gồm cả *đạo đức mới, lối sống mới* và *nếp sống mới*. Chúng có mối quan hệ gắn bó với nhau, trong đó đạo đức đóng vai trò chủ yếu.

- Đạo đức mới

Theo Hồ Chí Minh, thực hành đời sống mới trước hết là thực hành đạo đức cách mạng: Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Người đã nhiều lần khẳng định: “Nếu không giữ được Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”², “Nêu cao và thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính tức là nhen lửa cho đời sống mới”³.

- *Lối sống mới* là lối sống có lý tưởng có đạo đức, văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hoà truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá của nhân loại. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu: phải “sửa đổi những việc rất

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 10, tr.646-647

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.104

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.110

cần thiết, rất phổ thông, trong đời sống của mọi người, tức là sửa đổi *cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc*”.

Phong cách sống (cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại) phải khiêm tốn, giản dị, chừng mực, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, quý trọng thời gian, ít lòng ham muốn về vật chất, chức quyền, danh lợi; với người thì nhân ái, khoan dung, độ lượng, với mình thì chặt chẽ, nghiêm khắc.

Phong cách làm việc là phải sửa sao cho có tác phong quần chúng, tác phong tập thể - dân chủ, tác phong khoa học.

- *Nếp sống mới*

Quá trình xây dựng lối sống mới làm cho nó dần dần trở thành *thói quen* ở mỗi người, thành *phong tục tập quán* của cả cộng đồng trong phạm vi địa phương hay cả nước gọi là *nếp sống mới*.

Nếp sống mới phải kế thừa những truyền thống tốt đẹp, những *thuần phong mỹ tục* lâu đời của nhân dân ta. Cái gì cũ mà xấu thì bỏ. Cái gì cũ mà không xấu thì phải sửa đổi cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt thì phát triển thêm. Cái gì mới mà hay thì phải làm.

Đảng và Nhà nước ta đã và đang phát động phong trào xây dựng đời sống mới một cách rộng rãi trong nhân dân. Đó là một công việc lâu dài, khó khăn, đòi hỏi quyết tâm cao của cả cộng đồng dân tộc, song tước hết, phải được bắt đầu từ mỗi con người, mỗi gia đình với tư cách là tế bào của xã hội.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Quan niệm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*

+ Hồ Chí Minh khẳng định đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹.

+ Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là công việc vẻ vang nhưng cũng rất khó khăn, nặng nề, “sức có mạnh mới gánh được

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.252-253

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.283

nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”². Người cách mạng muốn cho dân tin, dân yêu thì phải có tư cách đạo đức đã.

+ Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Người luôn trấn trở với nguy cơ thoái hoá biến chất của cán bộ, đảng viên. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”.

+ Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là *đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Người luôn đặt đức - tài trong mối quan hệ gắn bó mật thiết. Đức là gốc nhưng đức và tài, hồ ng và chuyên phải kết hợp, năng lực và phẩm chất phải đi đôi, không thể có mặt này, thiếu mặt kia.*

Người phân tích: Người nào có đức mà không có tài thì cũng chẳng khác gì ông bụt ngồi trong chùa, không làm hại ai, nhưng cũng chẳng có ích gì. Ngược lại, nếu có tài mà không có đức thì cũng chẳng khác gì một anh làm kinh doanh giỏi, đem lại nhiều lãi, nhưng lãng phí, tham ô, ăn cắp của công, thì như vậy chỉ có hại cho dân, cho nước, còn sự nghiệp của bản thân thì sớm muộn cũng đổ vỡ. Người thực sự có đức thì bao giờ cũng cố gắng học tập, nâng cao trình độ, nâng cao năng lực, tài năng để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

“Có tài mà không có đức là người vô dụng
Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó”

“Có trí tuệ mà không có đạo lý, phải coi như con cọp có thêm lưỡi gươm” - Marden

“Có đạo đức mà không có tài năng như áo giáp không gươm, chỉ có thể bảo vệ được mình mà không che chở cho bạn bè được” - Colton.

- *Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội*

+ Theo Hồ Chí Minh, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội chưa phải là ở lý tưởng cao xa, ở mức sống vật chất dồi dào, ở tư tưởng được tự do giải phóng, mà trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản luôn sống và chiến đấu cho lý tưởng đó của loài người thành hiện thực.

+ Bác nói: “*Đối với phương Đông một tấm gương sống còn có giá trị hơn 100 bài diễn văn tuyên truyền*”. Và cuộc đời của Người chính là một tấm gương đạo đức sáng ngời, chẳng những có sức hấp dẫn lớn lao, mạnh

mẽ với nhân dân Việt Nam mà còn cả với nhân dân thế giới. Tấm gương của Người trở thành nguồn cổ vũ, động viên tinh thần quan trọng đối với nhân dân ta và nhân loại tiến bộ đoàn kết đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- *Trung với nước, hiếu với dân*

Trong mỗi quan hệ đạo đức thì mỗi quan hệ giữa mỗi người với đất nước, với nhân dân, với dân tộc là mỗi quan hệ lớn nhất. Trung, hiếu là phẩm chất đạo đức quan trọng nhất, bao trùm nhất.

+ *Trung, hiếu* là những khái niệm đã có trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, song có nội dung hạn hẹp, phản ánh bản phận của dân đối với vua, con đối với cha mẹ: “*Trung với vua, hiếu với cha mẹ*”.

+ Hồ Chí Minh đã mượn khái niệm cũ và đưa vào nội dung mới: “*Trung với nước, hiếu với dân*”, tạo nên một cuộc cách mạng trong quan niệm về đạo đức.

Trung với nước là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước; là suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Trung với nước phải gắn liền *hiếu với dân*. Vì nước là nước của dân, còn nhân dân là chủ của đất nước. Đây là chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. *Hiếu với dân* thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, gần bó với dân, kính trọng và học tập nhân dân, lấy dân làm gốc, phục vụ nhân dân hết lòng.

Đối với cán bộ lãnh đạo, Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm vững *dân tình*, hiểu rõ *dân tâm*, thường xuyên quan tâm cải thiện *dân sinh*, nâng cao *dân trí*.

- *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*

Đây là những phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hàng ngày của con người. Hồ Chí Minh cũng dùng những phạm trù đạo đức cũ, lọc bỏ những nội dung lạc hậu, đưa vào những nội dung mới đáp ứng nhu cầu cách mạng.

+ **Cần** là lao động cần cù, siêng năng, lao động có kế hoạch, sáng tạo năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm.

+ **Kiệm** là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của nhân dân, của đất nước, của bản thân mình. Tiết kiệm từ cái nhỏ đến cái to; “Không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”¹, nhưng không phải là bủn xỉn. Kiệm trong tư tưởng của Người còn đồng nghĩa với năng suất lao động cao.

+ **Liêm** là “luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân; không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của nhà nước, của nhân dân”. Phải trong sạch, *không tham lam* địa vị, tiền của, danh tiếng, sung sướng.

Không tâng bốc mình. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Hành vi trái với chữ liêm là:... cậy quyền thế mà đục khoét, ăn của dân, hoặc trộm của công làm của riêng. Dìm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mình là trộm vị. Gặp việc phải, mà sợ khó nhọc nguy hiểm, không dám làm là tham ụy lạo. Cụ Khổng nói: người mà không liêm, không bằng súc vật. Cụ Mạnh nói: ai cũng tham lợi thì nước sẽ nguy.

+ **Chính** là không tà, thẳng thắn, đứng đắn đối với mình, với người, với việc.

Đối với mình, không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn kiểm điểm mình để phát huy điều hay, sửa đổi điều dở.

Đối với người, không nịnh hót người trên, xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, không dối trá, lừa lọc.

Đối với việc, để việc công lên trên việc tư, làm việc gì cho đến nơi, đến chốn, không ngại khó, nguy hiểm, cố gắng làm việc tốt cho dân cho nước.

Theo Hồ Chí Minh, *Cần, kiệm, liêm, chính* là “tứ đức” không thể thiếu được của con người. Người viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính
Thiếu một mùa thì không thành trời
Thiếu một phương thì không thành đất
Thiếu một đức thì không thành người”.

Bác cũng nhấn mạnh: *Cần, kiệm, liêm, chính* càng cần thiết đối với người cán bộ, đảng viên. Nếu đảng viên mắc sai lầm thì sẽ ảnh hưởng đến uy

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.636

tín của Đảng, nhiệm vụ của cách mạng. *Cần, kiệm, liêm, chính* còn là thước đo sự giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần, sự văn minh của dân tộc. “Nó” là cái cần thiết để “làm việc, làm người, làm cán bộ, để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”.

+ **Chí công vô tư** là ham làm những việc ích quốc, lợi dân, không ham địa vị, không màng công danh, vinh hoa phú quý; “phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ (tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc).

Thực hành *chí công vô tư* là nêu cao chủ nghĩa tập thể, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân chỉ biết đến mình, muốn “mọi người vì mình”. Nó là giặc nội xâm, còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm.

Hồ Chí Minh viết: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”. Người cũng phân biệt lợi ích cá nhân và chủ nghĩa cá nhân.

Chí công vô tư là tính tốt có thể gồm 5 điều: *nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm*. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư* là để người cách mạng vững vàng qua mọi thử thách: “Giàu sang không quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”.

- *Thương yêu con người, sống có tình nghĩa*

+ Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp truyền thống nhân nghĩa với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thế kỷ, qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định tình yêu thương con người là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

+ Tình yêu thương con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh có phạm vi rất rộng lớn, đó là tình thương bao la dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức, bóc lột không chỉ ở Việt Nam mà còn trên khắp thế giới.

+ Yêu thương con người là nghiêm khắc với mình, độ lượng với người khác; phải có tình nhân ái với cả những ai có sai lầm, đã nhận rõ và cố gắng sửa chữa, đánh thức những gì tốt đẹp trong mỗi con người. Người nói “*cần làm cho phần tốt trong con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi*”. Bác căn dặn, Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau,

trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình chân thành, thẳng thắn, không “dĩ hoà vi quý”, không hạ thấp con người, càng không phải vùi dập con người.

- *Tinh thần quốc tế trong sáng, thuỷ chung*

+ Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Nó được bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân.

+ Nội dung của chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc; chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, chủ nghĩa bành trướng, bá quyền.

Người khẳng định: “Bốn phương vô sản đều là anh em”; giúp bạn là tự giúp mình; thắng lợi của mình cũng là thắng lợi của nhân dân thế giới.

Người đã góp phần to lớn, tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, kiến tạo một nền văn hoá hoà bình cho nhân loại.

c. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

- *Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức*

+ *Nói đi đôi với làm* được Hồ Chí Minh coi là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng một nền đạo đức mới.

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân và có tác dụng đối với người khác. Nếu nói nhiều, làm ít, nói mà không làm, hơn nữa, nói một đằng, làm một nẻo thì chỉ đem lại hiệu quả phản tác dụng mà thôi. Nói mà không làm gọi là đạo đức giả.

+ *Nêu gương về đạo đức* là một nét đẹp trong truyền thống phương Đông. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹. Nói đi đôi với làm phải gắn với nêu gương về đạo đức.

Hồ Chí Minh cho rằng, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 1, tr.263

2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 12, tr.558

đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng đạo làm gương. “Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”². *Phải luôn chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình người tốt, việc tốt trong mọi lĩnh vực của đời sống.*

Nêu gương về đạo đức phải diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi. Trong gia đình, đó là tấm gương của bố mẹ đối với con cái, của anh chị đối với các em, của ông bà đối với con cháu; trong nhà trường, đó là tấm gương của thầy cô giáo đối với học sinh; trong tổ chức, tập thể là tấm gương của người lãnh đạo, của cấp trên đối với cấp dưới; trong xã hội là tấm gương của người này đối với người kia, của thế hệ trước đối với thế hệ sau, ...

Tấm gương đạo đức của Hồ Chủ tịch là tấm gương chung cho cả dân tộc, cho các thế hệ người Việt Nam mãi mãi về sau.

- *Xây đi đôi với chống*

+ Xây dựng đạo đức mới là phải giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới cho con người Việt Nam trong thời đại mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh, từ gia đình, nhà trường, đến xã hội. Phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mọi người. Bên cạnh đó, phải không ngừng chống lại những cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức. Xây đi đôi với chống, muốn chống phải xây, chống nhằm mục đích xây.

+ Để xây và chống có kết quả phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức, phải kiên quyết loại trừ chủ nghĩa cá nhân.

- *Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời*

+ Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở sự tự giác tu dưỡng đạo đức của mỗi người.

+ Theo Hồ Chí Minh, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ tốt, chỗ xấu, ai cũng có thiện, có ác ở trong mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào mình, thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy, thấy cái xấu, cái dở để mà quyết tâm khắc phục, không tự lừa dối, huyênh hoặc.

+ Đối với mỗi người, việc tu dưỡng đạo đức phải thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong mọi quan hệ xã hội, phải chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày. Phải làm kiên trì, bền bỉ, suốt đời. Bởi vì:

“Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹.

2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

a. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

- Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một người chân chính, bình thường, gần gũi, ai cũng có thể học theo, để làm theo, để trở thành một người cách mạng, người công dân tốt hơn trong xã hội. Điều đó được thể hiện trong các điểm sau:

+ Đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương trọn đời phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

+ Đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của ý chí và nghị lực, tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt mục đích.

+ Đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương tuyệt đối tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân

+ Đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một con người nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, hết mực vì con người.

+ Đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

- Thanh niên, sinh viên là những người chủ tương lai của nước nhà, là cái cầu nối giữa các thế hệ - “người tiếp sức cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai”². Muốn đảm nhận được tốt sứ mệnh cao cả là làm sao cho Việt Nam văn minh, hùng mạnh, sánh vai với các cường quốc trên khắp năm châu, thì phải không ngừng tu đức, luyện tài. Đạo đức và tài năng phải luôn gắn bó với nhau, trong đó đức là gốc của con người. Người khẳng định: “Thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức, ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm gì có ích cho xã hội mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài, ví như ông Bụt, không làm hại gì nhưng cũng không lợi gì cho loài người”³.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.293

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 10, tr.488

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.172

- + Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân
- + Kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh: Yêu Tổ Quốc; Yêu nhân dân; Yêu CNXH; Yêu lao động; Yêu khoa học và kỹ thuật.

b. Nội dung học tập theo tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh

- Thực trạng đạo đức lối sống trong sinh viên hiện nay

Trong nền kinh tế thị trường, phần lớn sinh viên, thanh niên trí thức giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh; cần cù, sáng tạo trong học tập; sống có bản lĩnh, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động, nhạy bén, dám đối mặt với những khó khăn, thách thức, dám chịu trách nhiệm, không ỷ lại, chây lười; luôn gắn bó với nhân dân, đồng hành cùng dân tộc, phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bên cạnh đó, đã có một bộ phận sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, sống thử, sống dựa dẫm, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào nghiện ngập, hút xách, thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thầy, chạy trường, mua bằng cấp...

- Học tập và làm theo tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Một là, học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng, yêu Tổ Quốc, yêu nhân dân gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội. Xây dựng tinh thần đoàn kết, tình nguyện, tương thân tương ái vì cộng đồng.

Chống lối sống bàng quan, vị kỷ cá nhân, thiếu trách nhiệm đối với Tổ Quốc, với nhân dân, với cộng đồng.

Hai là, học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

Xây dựng ý thức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thật thà, ngay thẳng, khiêm tốn, giản dị, trong sạch, chất phác, tiêu dùng đúng khả năng, thực hiện khẩu hiệu: “cần kiệm là nếp sống đẹp của tuổi trẻ”. Thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh để giúp nhau cùng tiến bộ mãi.

Chống tham ô, lãng phí, xa hoa, tính phô trương trong sinh hoạt, lao động, chống chủ nghĩa cá nhân.

Ba là, đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân

dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người

Xây dựng ý thức công dân, ý thức cộng đồng, thói quen ứng xử văn hoá, tôn trọng và bảo vệ lẽ phải, trung thực, sáng tạo, tích cực tham gia xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Chống tự do, tùy tiện, các biểu hiện coi thường pháp luật cũng như các hành vi thiếu văn hoá trong đời sống, sự giả dối và nạn giáo điều, thiếu sáng tạo. Chống tính ích kỷ, vụ lợi, lối sống tạm thời.

Bốn là, học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống

Xây dựng tinh thần hăng hái, kiên quyết, không sợ khó, không sợ khổ, siêng học, siêng làm, quyết hoàn thành bằng được kế hoạch đã đặt ra theo tinh thần “chủ trương một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi”.

Chống chây lười, thụ động, ỷ lại, thiếu sáng tạo, vô kỷ luật trong học tập, lao động, ngại khó, ngại khổ, thiếu ý chí tiến thủ; chống vết tích nô lệ trong tư tưởng và hành động.

Xây dựng thái độ học tập đúng đắn, nâng cao trình độ chính trị, khoa học kỹ thuật và quân sự, nghiên cứu khoa học thực chất, làm việc gì cũng phải học: Học mọi lúc, mọi nơi, học suốt đời; học ở trường, học sách vở, học lẫn nhau, học nhân dân, học từ thực tiễn cuộc sống, trong việc làm hàng ngày; có thái độ cầu thị. Có ý thức thi đua và thực hành dân chủ trong học tập. Bồi đắp bản lĩnh chính trị, ý chí tự lực, tự cường, tự tin trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Chống tiêu cực, bệnh thành tích trong học tập, bệnh thi đua hình thức, hư danh, giả dối, sao chép, học thuộc lòng, sự tụt hậu về trình độ, kiến thức khoa học và nhận thức xã hội; những biểu hiện tự ti, mặc cảm trong hội nhập kinh tế quốc tế. Chống kiêu căng, tự mãn trong học tập.

Năm là, học những nguyên tắc tu dưỡng đạo đức mới của Hồ Chí Minh

Tu dưỡng bền bỉ suốt đời, học đi đôi với lao động, lý luận đi đôi với thực hành, cần cù đi đôi với tiết kiệm.

Chống đầu voi đuôi chuột, thiếu thực tế, bệnh anh hùng, tự cao tự đại, chuộng hình thức, ít xem xét kết quả.

Nêu gương đạo đức, nói đi đôi với làm.

Chống nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, nói một đường làm một nẻo.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể

- Hồ Chí Minh xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về tâm lực, thể lực, trí lực và các hoạt động đa dạng của nó luôn vươn tới Chân-Thiện-Mỹ.

- Hồ Chí Minh cũng xem xét con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện - ác, hay - dở, tốt và xấu, hiền và dữ...bao gồm cả mặt xã hội và mặt sinh vật. Tuy nhiên, “dù là tốt hay xấu, văn minh hay dã man đều có tình”.

b. Con người cụ thể, lịch sử

Ngoài việc xem xét con người theo nghĩa rộng (“phẩm giá con người”, “giải phóng con người”, “người ta”, “con người”, “ai”,...), phần lớn Người xem xét con người trong các *mối quan hệ cụ thể*: quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp; theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp; trong khối thống nhất của cộng đồng dân tộc và trong quan hệ quốc tế.

Con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh là con người lịch sử - cụ thể: Những năm 20 của thế kỷ XX, đó là con người bản xứ, nô lệ, bị áp bức, vô sản; sau cách mạng tháng Tám, người thường viết nhân dân, dân, đồng bào, quần chúng nhân dân; trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là những người lao động chân tay, lao động trí óc, công nhân, nông dân, người chủ,...

c. Bản chất con người mang tính xã hội

- Hồ Chí Minh đưa ra một định nghĩa độc đáo về con người: “*Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người*”.

- Người luôn đặt con người, mỗi cá nhân con người trong mối quan hệ ba chiều: quan hệ với một cộng đồng nhất định, trong đó mỗi người là một thành viên; quan hệ với một chế độ xã hội nhất định, trong đó con người được làm chủ hay bị áp bức, bóc lột; quan hệ với tự nhiên, mà con người là một bộ phận không tách rời, nhưng lại luôn luôn “người hoá” tự nhiên trong những cộng đồng xã hội nhất định và bị quy định bởi một chế độ xã hội nhất định.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến

lược “trông người”

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

- *Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng.*

+ Nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị, cả vật chất và tinh thần, và mọi của cải. Người khẳng định: “Vô luận việc gì, đều do con người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”.

+ Không chỉ thấy rõ vai trò của con người, Hồ Chí Minh còn nhìn thấy sức mạnh của con người khi được tổ chức lại. Người viết: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” và “Dễ mấy lần không dân cũng chịu/ Khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Nhân dân là yếu tố quyết định thành công của cách mạng: “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi”¹.

- *Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng ; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người*

+ Hồ Chí Minh khẳng định, mục tiêu của cách mạng là giải phóng con người, mang lại tự do, hạnh phúc cho con người. Suốt cuộc đời mình, Người đã luôn đấu tranh vì mục tiêu đó. Người nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, nhân dân được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Trong Di chúc, Người cũng dành mỗi quan tâm “đầu tiên là công việc đối với con người”.

+ Trong khi khẳng định, mục tiêu của cách mạng, Hồ Chí Minh cũng đồng thời nhấn mạnh sự nghiệp giải phóng là do chính bản thân con người thực hiện. Nghĩa là con người là động lực của cách mạng. Điều này thể hiện niềm tin mãnh liệt của Hồ Chí Minh vào sức mạnh của nhân dân.

Con người là động lực của cách mạng được nhìn nhận trên phạm vi cả nước, toàn thể đồng bào, song trước hết là ở giai cấp công nhân và nông dân. Công nông là gốc cách mạng.

Tuy nhiên, không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà phải là

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002, tập 6, tr.281

những con người được giác ngộ và tổ chức. Họ phải có trí tuệ, bản lĩnh chính trị, đạo đức, văn hoá... và được lãnh đạo, dẫn đường. Vì vậy, phải tăng cường giáo dục nhân dân, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cách mạng.

+ Giữa con người - mục tiêu và con người - động lực có mối quan hệ biện chứng với nhau. Càng chăm lo cho con người - mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ tạo thành con người - động lực tốt bấy nhiêu. Ngược lại, tăng cường sức mạnh của con người - động lực sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu cách mạng.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

- *“Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng.*

Xuất phát từ quan niệm coi con người là vốn quý nhất, là yếu tố quyết định đối với sự thành bại của cách mạng, là mục tiêu và động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh hết sức coi trọng chiến lược con người.

Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, nhằm phát huy cao nhất mọi tiềm năng của con người.

Chiến lược “trồng người” vừa mang tính thường xuyên, cấp bách, vừa mang tính cơ bản lâu dài, phải làm công phu, tỉ mỉ như người làm vườn vậy.

- *“Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”*

+ Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, những con người xã hội chủ nghĩa lại là chủ thể của toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Không phải chờ cho kinh tế, văn hoá phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, cũng không phải xây dựng xong con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng con người phải đặt ra từ đầu và quan tâm suốt quá trình.

+ “Trước hết, cần có những con người xã hội chủ nghĩa”, có nghĩa là không phải tất cả mọi người phải và có thể trở thành người xã hội chủ nghĩa thật đầy đủ, thật hoàn chỉnh ngay một lúc, mà chỉ có nghĩa là, trước hết cần có những con người tiên tiến, có được những nét tiêu biểu của người xã hội chủ nghĩa để có thể làm gương và lôi cuốn người khác cũng như toàn xã hội xây dựng con người mới; đồng thời, họ cũng không ngừng

được hoàn thiện, được nâng cao.

+ Xây dựng con người mới là đào tạo, xây dựng con người phát triển toàn diện: Đức, Trí, Thể, Mỹ.

+ Tiêu chuẩn của con người xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh:

Có tư tưởng xã hội chủ nghĩa: có ý thức làm chủ, có tinh thần tập thể, có tư tưởng mình vì mọi người, mọi người vì mình, có tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết chí vươn lên, có tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Có đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa : trung với nước, hiếu với dân, yêu thương con người, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, có tinh thần quốc tế trong sáng, lối sống lành mạnh.

Có tác phong xã hội chủ nghĩa: làm việc có kế hoạch, biện pháp, có quyết tâm, tổ chức, kỷ luật, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, lao động hăng say, không sợ khó, sợ khổ, làm việc vì lợi ích của xã hội, tập thể và của bản thân.

Có năng lực làm chủ : làm chủ bản thân, gia đình và công việc mình đảm nhiệm, đủ sức khoẻ và tư cách tham gia làm chủ nhà nước và xã hội, thực hiện tốt quyền công dân; không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ để làm chủ.

Ngoài những tiêu chuẩn chung trên, Hồ Chí Minh còn nêu những tiêu chuẩn cụ thể cho từng giới, từng ngành.

- *Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội.*

Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, phát triển quan điểm của Quản Trọng: “Thập niên chi kế mạc nhi thụ mộc, bách niên chi kế mạc nhi thụ nhân” mà khẳng định: “Vì lợi ích mười năm phải trồng cây/ Vì lợi ích trăm năm phải trồng người”.

+ “Trồng người”, xây dựng con người mới phải được thường xuyên đẩy mạnh trong suốt tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội và phải đạt được kết quả cụ thể qua từng chặng đường của thời kỳ quá độ. Bởi vì, nếu sao nhãng việc trồng người, nhất định sẽ dẫn đến những bất cập, hơn nữa còn là những suy thoái về con người có thể gây những hậu quả khôn lường. R.Tagore nói: “một ngày mà quên giáo hoá, ta lùi gần về thú tính hơn”.

+ “Trồng người”, xây dựng con người mới phải được đặt ra trong suốt cuộc đời mỗi người. Đây là quyền lợi, cũng là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người với sự nghiệp xây dựng đất nước. Đồng thời nó cũng thể hiện sự trưởng thành, vươn lên của mỗi cá nhân.

+ Những người có trách nhiệm trồng người cũng phải được vun trồng bởi quần chúng nhân dân, bởi tập thể những người đi trồng và được trồng, bởi cuộc sống thực tiễn và sự tự vun trồng trong suốt cuộc đời của chính họ.

- *Những biện pháp để xây dựng con người mới*

Để thực hiện chiến lược “trồng người” có nhiều biện pháp, nhưng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, giáo dục đào tạo là quan trọng nhất. Người nói:

“Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền.
Hiền, dữ đâu phải là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên”.

“Óc của trẻ trong sạch như tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy, sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên”.

Người cho rằng, để “trồng người” có hiệu quả, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

+ Trước hết, *mọi người phải tự tu dưỡng, rèn luyện*. Tu dưỡng hàng ngày, bền bỉ suốt đời, gắn với thực tiễn cách mạng. Trong khi xây dựng những đức tính tốt, phải có bản lĩnh chống lại mọi thói hư tật xấu như lối sống bàng quan, vị kỉ cá nhân, thiếu tinh thần trách nhiệm, chống tham nhũng, xa hoa, lãng phí,...

+ *Phải dựa vào sức mạnh tổ chức của cả hệ thống chính trị*. Đó là vai trò của chi bộ Đảng, của các tổ chức chính trị - xã hội như công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội thanh niên, sinh viên Việt Nam,...

+ *Thông qua các phong trào cách mạng* như phong trào “Thi đua yêu nước”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, phong trào “người tốt việc tốt”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, xoá đói giảm nghèo, xây dựng gia đình văn hoá, làng, xã, phường văn hoá,...

KẾT LUẬN

1. Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh

Năm 1990, Chủ tịch Hồ Chí Minh được UNESCO phong tặng hai danh hiệu cao quý: Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và Danh nhân văn hoá kiệt xuất. Những danh hiệu đó đã ghi nhận những đóng góp quý báu về lý luận và thực tiễn của Người.

- Trong lĩnh vực văn hoá, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy vai trò và sức mạnh của văn hoá, đã sớm đưa văn hoá vào chiến lược phát triển của đất nước.

Ngay sau khi giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng một nền văn hoá mới ở Việt Nam bằng việc phát động phong trào bình dân học vụ, diệt giặc dốt, nâng cao dân trí và xây dựng đời sống mới, xây dựng và phát triển các thuần phong mỹ tục,... đưa những giá trị văn hoá đi sâu vào quần chúng, coi nó như một sức mạnh vật chất, một động lực, một mục tiêu, một hệ điều tiết xã hội trong quá trình phát triển. Đây là một quan điểm hoàn toàn mới mẻ, điều mà mãi đến những năm 80 của thế kỷ trước, UNESCO mới tổng kết và coi đó như một quy luật phát triển của xã hội.

Phát triển quan điểm của Mác: *văn hoá không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị*, Hồ Chí Minh bổ sung thêm: *văn hoá cũng là một mặt trận, văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy*. Đồng thời, Người cũng chỉ ra chức năng quan trọng của văn hoá là: Nâng cao nhận thức, mở rộng hiểu biết (“văn hoá soi đường cho quốc dân đi”); bồi dưỡng tinh thần vì nước quên mình (“văn hoá phải làm cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do”); Xây dựng và hoàn thiện đạo đức con người (“văn hoá phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ”). Thực tiễn đã chứng minh rằng, những luận điểm đó không chỉ có ý nghĩa với Việt Nam mà còn có ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

- Trong lĩnh vực đạo đức, Hồ Chí Minh cũng có những đóng góp lớn lao. Người đã phát triển, hoàn thiện đạo đức học Mácxít về vai trò của đạo đức về những chuẩn mực đạo đức cơ bản và những nguyên tắc xây dựng một nền đạo đức mới phù hợp với Việt Nam. Nhờ đó đã tạo được một cuộc cách mạng trong lĩnh vực đạo đức ở nước ta.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới có giá trị lý luận và thực tiễn rất quan trọng. Hồ Chí Minh đã đề cao giá trị con người, chủ trương xây dựng con người mới với những chuẩn mực cụ thể.

Xét đến cùng, đó là tư tưởng phấn đấu cho độc lập, tự do, hạnh phúc của con người, của dân tộc và của nhân loại. Nói cách khác, tất cả *vì con người, do con người*.

2. Ý nghĩa của việc học tập

- Thấy rõ những công hiến kiệt xuất của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

- Xác định được phương hướng, biện pháp học tập tư tưởng văn hoá, đạo đức và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Thấy được những biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh xuyên suốt tư tưởng cũng như cuộc đời Người, đặc biệt là sự quan tâm đến con người, lòng yêu thương, tôn trọng con người, tất cả vì con người. Từ đó, xác định con đường phấn đấu để trở thành con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

ĐỀ TÀI THẢO LUẬN

Từ những nhận thức và hiểu biết của bạn về tư tưởng văn hóa, đạo đức, xây dựng con người mới của Hồ Chí Minh, hãy làm rõ danh hiệu "Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và là Danh nhân văn hóa thế giới"?

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THI HẾT HỌC PHẦN

1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh? Làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh là bộ môn khoa học của khoa học lý luận Mác-Lênin?
2. Phân tích những nguồn gốc ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh? Dựa trên cơ sở nào để khẳng định đến 1930, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được hình thành về cơ bản?
3. Trình bày những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc? Từ đó rút ra những bài học ý nghĩa cho bản thân?
4. Trình bày những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc? Từ đó rút ra những bài học ý nghĩa cho bản thân?
5. Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay của Đảng và Nhà nước ta?
6. Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay của Đảng và Nhà nước ta?
7. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam là bộ phận hạt nhân và là bộ phận lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
8. Phân tích những nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới đã được Hồ Chí Minh nhấn mạnh?
9. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về "Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền"? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
10. Phân tích những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
11. Phân tích những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế? Ý nghĩa của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?

12. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ? Liên hệ vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?

13. Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân? Từ đó liên hệ trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân khi đang ngồi trên ghế nhà trường và sau khi ra trường?

14. Phân tích những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa? Từ đó liên hệ với bản thân?

15. Phân tích những chuẩn mực cơ bản và nguyên tắc xây dựng đạo đức con người mới ở Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh? Từ đó liên hệ với bản thân?

16. Phân tích những quan điểm chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới? Ý nghĩa của quan điểm Hồ Chí Minh về sự nghiệp trồng người trong công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam?

17. Phân tích những quan điểm chủ yếu của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực văn hóa cụ thể? Từ đó liên hệ với bản thân trên lĩnh vực học tập và công tác của chính mình?

18. Làm rõ những đóng góp của Hồ Chí Minh về lý luận và thực tiễn trên lĩnh vực vấn đề dân tộc thuộc địa và cách mạng giải phóng dân tộc?

19. Vì sao trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ở Việt Nam, không chỉ học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin mà chủ yếu phải học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh?

20. Hồ Chí Minh đã trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những điểm nào?

21. Hồ Chí Minh đã trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam về Đảng Cộng sản và Nhà nước ở những điểm nào?

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THUY

Biên tập :
NGUYỄN TRỌNG BÁ
Trình bày bìa:
NGUYỄN QUỐC ĐẠI

BÀI GIẢNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

In 100.000 cuốn khổ 24 x 35 cm tại Công ti In Tiên An.
Giấy phép xuất bản số 3411/649-00/ XB-QLXB, kí ngày 18/06/2022.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2022.

Cùng tác giả:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÀI GIẢNG
TỰ TƯỢNG
HỒ CHÍ MINH

(Giáo trình dùng cho sinh viên
Đại học, Cao đẳng)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Giá: 32.000đ